



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**Tạp Chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY**

Phát hành vào đầu mỗi tháng

**TỔNG BIÊN TẬP**

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

Thượng tọa Thích Bửu Chánh  
Đại đức Thích Thiện Minh

**TRÌNH BÀY**

TN. Quang Minh  
Khánh Dương

**PHÁT HÀNH**

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân  
ĐT: 0909027777

**QUẢNG CÁO**

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh  
ĐT: 0933773366

**TÒA SOẠN**

Chùa Bửu Quang  
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,  
Q. Thủ Đức, Tp. HCM  
Điện thoại: 0903870370  
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

số 760/GP-BTTTT  
ngày 28//05/2010 của Bộ TTTT

**CHẾ BẢN VÀ IN TẠI**

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng  
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM.

*Ảnh bìa 1: Hai vị luật sư đang tuyên ngôn tăng sự thọ y tại chùa Bửu Quang Q. Thủ Đức - ảnh: Khánh Dương*

# Trong số này

## 1. TIÊU ĐIỂM

- Lễ dâng y kathina - Thông Kham **03**
- Vài nét về PGNTVN - HT. Thiện Tâm **07**
- Phỏng vấn HT. Tổng Biên tập - PV **09**
- Một số hoạt động Phật sự - ĐĐ. Thiện Minh **11**

## 2. SUY NGẪM

**15**

## 3. KINH TẠNG

- Đức Phật qua Trung Bộ kinh - TK. Siêu MINH **16**

## 4. THIỀN HỌC

- Tại sao phải hành thiền - HT. Thích Minh Châu **18**
- Thiền hành - Tỳ khưu Khánh hỷ **20**

## 5. LUẬT TẠNG

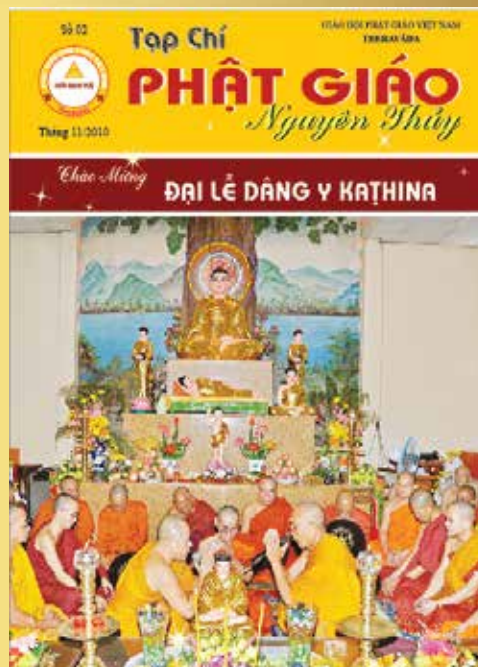
- Giới thiệu về tạng luật - Tỳ khưu Nguyệt Thiên **24**

## 6. LUẬN TẠNG

- Tương quan giữa cảnh và tâm - TK. Chánh Minh **27**

## 7. ĐỐI THOẠI

- Giao lưu với TT. Thích Tâm Đức - TN. Phước Tuệ **30**
- Ngôi chùa linh thiêng Đại Lộc - Ths. Phước Định **32**



## 8. VĂN THƠ

- Tình thâm - Trúc Như **34**
- Tịnh lạc giữa đời - TK. Huyền Vân **35**
- Cảm tác bửu tháp Gotama - Triều Tâm Ảnh **36**
- Thầy tôi - Ni trưởng Diệu Thành **36**

## 9. PHẬT PHÁP CĂN BẢN

- Quy y Phật bảo - Phạm Kim Khánh **37**
- Quả báo khủng khiếp - Minh Đức Triều Tâm Ảnh **41**

## 10. TRI ÂN

- Đạo tình còn mãi - HT. Thích Hiên Pháp **44**
- Tinh thần Tôn sư Trọng đạo - TK. Huyền Vân **47**

## 11. ẤM THỰC DƯỢC THẢO

- Phòng bệnh Alzheimer - Nguyễn Minh Tâm **50**

## 12. VĂN HỌC PALI

- Đại hội kết tập kinh điển - TK. Suvijjo **52**

## 13. THEO DÒNG

- Vài nét về nghi lễ PGNT - TT. Pháp Chất **55**
- Tiểu sử cố HT. Kim Minh - Nguyễn Văn Sáu **56**
- Vì những mảnh đời bất hạnh - Chơn Minh **59**
- Tin vắn - PV **61**
- Chùm ảnh lễ dâng y kathina - ảnh Lê Hà **63**

*Theo Phật giáo Nguyên thủy, lễ dâng y kàṭhina là cuộc lễ long trọng nhất. Trong bài này chúng tôi giới thiệu một vài ý nghĩa chính về lễ dâng y*

# LỄ DÂNG Y KÀṬHINA



**Thông Kham**

## Lễ dâng y có tự bao giờ?

Theo lịch sử, sau khi thành đạo dưới cội Bồ đề, đến ngày nhập diệt của Đức Thế Tôn là 45 năm, trong 45 năm ấy chia ra làm 3 thời kỳ: Thời kỳ thứ nhất là từ năm thứ nhất đến năm thứ 15; thời kỳ thứ hai là từ năm 16 đến năm 30 ; thời kỳ thứ ba là từ năm 31 đến 45 . Trong 3 thời kỳ ấy, Đức Thế Tôn cho phép các thầy Tỳ khưu thọ lãnh nhằm vào thời kỳ thứ hai.

## Do nơi đâu mà có lễ dâng y?

Lúc nọ, đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tịnh xá của trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) tại thành Sāvatthi. Trong khi ấy, có 30 vị tỳ khưu tại thành Pātheyya. Theo Chú giải, 30 vị này là anh em một cha khác mẹ, con của đức vua Kosala, xuất gia nhằm thời kỳ thứ nhất sau khi Đức Phật thành đạo. 30 vị ấy toàn là bậc đặc quả Tu đà huờn đến A na hàm. Các ngài muốn về thành Sāvatthi để hầu Đức Thế Tôn. Nhưng vì đường xa về không kịp, vì cận ngày nhập hạ nên các ngài nhập hạ tại xứ Sāketa. Khi trong hạ, các ngài đại đức ấy nghĩ rằng chỉ còn có 6 do tuần<sup>(1)</sup> nữa đến nơi Đức Thế Tôn nhập hạ mà chúng ta chịu như vậy thật là khó chịu.

1. Một do tuần tương đương 16 km

Đến ngày làm lễ ra hạ xong, các ngài rủ nhau đi hầu Đức Thế Tôn liền. Trong khi ấy, mưa dầm vẫn còn nên các ngài bị ướt hết đồ vật dụng và y cũng bị rách. Khi đến nơi vào hầu Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn hỏi thăm về sự hành đạo và sức khỏe của các ngài, các ngài đáp rằng vẫn được an vui. Rồi mới thuật đến sự đi đường rất cực nhọc của các thầy cho Đức Thế Tôn nghe. Đức Thế Tôn tùy theo dịp ấy thuyết về sự luân hồi khổ cho các ngài nghe, sau khi dứt thời Pháp mỗi vị cũng đều đắc quả A la hán.

Khi ấy, Đức Thế Tôn mới nghĩ rằng: Nếu trước kia Như Lai cho các thầy lãnh lễ (dâng y) kàṭhina thì các thầy khỏi đem tăng già lê theo, thì đâu có đến nỗi khổ như vậy. Chư Phật quá khứ đều cho phép đệ tử thọ lãnh lễ kàṭhina (dâng y). Khi ấy, Đức Thế Tôn mới cho hội chư Tăng lại truyền điều luật như vầy:

Anujānāmi bhikkhave vassam vutthānam bhikkhūnam attharituṃ. Atthatakaṭṭhinam vo bhikkhave pañca kappisanti.

Nghĩa là: Nay các thầy tỳ khưu, Như Lai cho phép các thầy đã nhập hạ được lãnh lễ Kāṭhina (dâng y). Nay các thầy tỳ khưu, khi các thầy thọ lãnh lễ Kāṭhina xong, được 5 điều quả báu. Đây là nhân để chư Tăng được



*Hai vị luật sư đang tuyên ngôn tăng sự thọ y*

quyền lãnh lễ dâng y.

Người làm lễ dâng y trước nhất trong giáo Pháp của đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni là bà tín nữ Visākhā. Cuộc lễ cử hành tại Kỳ Viên Tịnh xá vì trong khi bà nghe Đức Thế Tôn cho phép thì bà xin làm lễ ấy liền. Bà là một vị tín nữ và là một vị đại thí chủ trong Phật giáo.

Trong các cách làm phước về tài thí chỉ có lễ dâng y là được phước cao thượng hơn hết. Vì Đức Thế Tôn buộc phải hội đủ điều kiện và phải hành đúng theo tạng Luật.

Những điều kiện ấy là:

A. Thầy tỳ khưu đã nhập hạ và không bị dứt hạ, nghĩa là thầy tỳ khưu phải nhập hạ từ 16 tháng 6 đến rằm tháng 9.

B. Phải có đủ từ 5 vị tỳ khưu trở lên mới lãnh lễ dâng y ấy được. Khi lãnh lễ dâng y phải có tụng tuyên ngôn. Theo các cuộc lễ bố thí khác dầu long trọng cỡ nào cũng không có tụng tuyên ngôn như cuộc lễ dâng y.

C. Lễ dâng y là cuộc lễ chung của chư Tăng chứ không riêng và thiên về một vị nào. Theo Luật, khi có cuộc lễ dâng y, khi Đức Phật còn tại thế Ngài cũng ngự đến dự lễ như việc đo, may, cắt...

Trong bộ Chú giải Vinayavinicchaya có dạy rằng: Thầy tỳ khưu phải thuộc 8 điều mới đáng thọ lãnh lễ dâng y. Tám điều ấy Ngài có dạy bằng câu kệ rằng:

Atthadhammakovido

Kaṭhinatthāramarahati  
Pubbapaccuddharādhiṭṭhā  
Natthāro mātikāpi ca  
Palibodho ca uddhāro  
Ānisaṃsā panatṭhime .

Thầy tỳ khưu thông thuộc 8 điều mới đáng thọ lãnh lễ Kaṭhina.

1. Pubbakaraṇa: Sự làm trước khi thọ lãnh lễ dâng y.  
2. Paccuddhāra: Xả bỏ y cũ.  
3. Adhiṭṭhāna: Chú nguyện đặt tên y mới.

4. Atthāra: Thọ lãnh lễ Kaṭhina  
5. Mātikā: Nguyên nhân xả lễ dâng y (8 chi tiết).  
6. Palibodha: Sự làm cho lễ dâng y không bị xả.  
7. Uddhāra: Hành lễ của dâng y, xả đúng theo 8 điều mātikā.  
8. Ānisaṃsa: 5 quả báu của thầy tỳ khưu.

Ở đây tôi xin giải về 7 điều Pubbakicca, gọi là 7 điều sơ khởi. Trước kia, thiện nam tín nữ không thông về luật của nhà sư nên mỗi khi làm lễ dâng y thì chỉ đem vải vào dâng đến chư Tăng, rồi tự các ngài làm lấy 7 điều:

1. Dhovanam: Giặt.  
2. Vicāro: Đo.  
3. Chedanam: Cắt.  
4. Bandhanam: Lược, nghĩa là khi đo xong phải ráp lại cho đúng thước tấc, đúng Luật quy định.  
5. Sibbanam: May.  
6. Rajanam: Nhuộm.  
7. Kappam: Làm dấu và đặt tên.

Đây là 7 điều làm trước, xong rồi mới đem đến chỗ có simā mà hành lễ. Trong khi Đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài cũng thân hành đến làm 7 điều này như các vị tỳ khưu khác.

Khi xưa là vậy, nhưng hôm nay các thiện nam tín nữ hiểu rõ Luật, biết làm thành một bộ y đến dâng cho chư Tăng. Riêng tôi, tôi cảm thấy rằng: Thiện nam tín nữ càng biết Luật càng đem sự an vui cho Tăng chúng. Tôi rất mong sao chư thiện tín cố gắng học cho

thông hiểu Luật của nhà sư hầu đem lại sự lợi ích cho chư Tăng, hơn ấy nữa là làm cho những kẻ phá giới hổ thẹn tội lỗi, không dám làm những điều gian dối.

Mātikā có 8 chi, 8 chi ấy làm cho quả của sự dâng y được tròn đủ đến 4 tháng. Lẽ ra tôi giải thích rõ nơi đây nhưng vì bài quá dài. Vậy nếu quý vị muốn hiểu rõ xin xem *Luật Xuất Gia* quyển hai của ngài Hộ Tông sẽ rõ.

D. Lễ dâng y là lễ long trọng nhất trong các việc bố thí khác vì một khi chư Tăng được thọ lãnh lễ dâng y rồi, các ngài được hưởng 5 quả báo :

1) Anāmantacāro: Là khi ra đi nơi nào cũng khỏi phải trình. Nghĩa là khi chưa hết tháng quả báo dâng y hoặc chư Tăng không có tuyên ngôn xả bỏ, thầy tỳ-khưu muốn đi nơi nào không cần phải trình cho thầy Tỳ-khưu cao hạ hơn biết. Nghĩa là thầy tỳ-khưu khỏi phạm vào điều luật thứ 6 gọi là Carita “ra đi” trong Accedavagga “Thiên nói về đạo lửa thể”. Trong điều luật ấy dạy rằng: Thầy tỳ-khưu được thỉnh đi thọ thực trong 5 món ăn, rồi đi nơi khác trước giờ ăn, từ sớm mai đến đứng bóng phải cho vị tỳ-khưu trong nơi ấy hay mới nên đi, nếu không cho hay mà đi thì phạm Ưng đối trị, trừ ra có một trong hai duyên có là lễ dâng y và làm y.

2) Asamādānacāro: Là thầy tỳ-khưu khỏi phải đem theo 3 lá y trong khi còn quả báo của lễ dâng y. Nghĩa là thầy tỳ-khưu khỏi phải phạm vào điều luật thứ hai gọi là Dutiyakāṭhina trong Civaragga: Thiên nói về lễ dâng y thứ nhì”. Trong điều luật này đại ý như vậy: Khi mãn hạn kỳ quả báo dâng y rồi, thầy tỳ-khưu còn xa lìa Tam y, dầu chỉ trong một đêm cũng phạm Ưng xả đối trị, trừ ra thầy tỳ-khưu có bệnh và Tăng cho phép.

3) Gaṇabhojana: Là khi thí chủ thỉnh các ngài đi trai tăng, mà có nói tên 5 món ăn. Các thầy có quyền thọ thực chung nhau không phạm Ưng đối trị trong điều học thứ nhì là Gaṇabhojana “Thọ thực chung nhiều vị” trong Bhojanavagga “Thiên nói về vật thực”.

Trong điều học ấy đức Phật dạy rằng: Nếu thí chủ thỉnh đi trai tăng, có cho biết 5 món ăn là cơm, bánh sôt, bánh nguội, cá, thịt, một món nào. Nếu thầy tỳ-khưu thọ thực chung từ bốn vị trở lên, ngồi ăn chung, hoặc ăn riêng cũng phạm, trừ ra có 7 duyên có là: Thầy tỳ-khưu bệnh, lễ dâng y, kỳ làm y, đi đường xa, đi chung thuyền, tỳ-khưu hội họp quá số, vật thực không đủ, vật thực ấy của các bậc xuất gia thỉnh thọ thực.

4) Yāvadattacīvaram: Là thầy tỳ-khưu muốn có y mấy bộ để dành cũng được, khỏi phải gởi và đặt tên y, nghĩa là khỏi phạm Ưng xả đối trị ở điều học Pathamakāṭhina “Lễ dâng y lần thứ nhất” trong Civaragga “thiên nói về y”. Trong điều học ấy, Đức Phật dạy rằng: Y chưa gởi chưa nguyện gọi là y dư. Khi biết hạn kỳ quả báo của lễ dâng y rồi, thầy Tỳ-khưu cất giữ y ấy lâu lắm là 10 ngày. Nếu quá 10 ngày phạm Ưng xả đối trị, nghĩa là y ấy là vật phải xả bỏ. Còn thầy tỳ-khưu phạm Ưng đối trị.

5) Yo ca tatthacīvaruppādo: Là y của sa di, tỳ-khưu đã quá vắng, hoặc y của thí chủ dâng cho Tăng, hoặc y mà người ta đem lại do nơi của Tăng, nghĩa là Tăng có đất hoặc có vườn cho người mướn, đến năm họ đem y đến cho Tăng thể số tiền mướn tại sīmā. Những vật ấy phải chia cho Tăng đã được lãnh lễ dâng y trong Sīmā ấy. Chư Tăng không có thọ lãnh lễ dâng y trong Sīmā ấy không được quyền thọ lãnh. Đại ý rằng: Lợi lộc nào phát sanh tại Sīmā mà chư Tăng đã nhập hạ và được lãnh lễ dâng y, các vị ấy có quyền lãnh, chư Tăng tha phương hoặc chư tỳ-khưu bị dứt hạ không được quyền đòi hỏi gì cả.

Đây là 5 điều quả báo mà chư sư được do nơi lễ Kāṭhina nên mới nói rằng: Trong những sự bố thí về tài thí chỉ có lễ dâng y là cao quý hơn hết.

Các cuộc lễ bố thí khác như Kāladāna (thời thí) có 5 điều tuy là cao thượng lắm nhưng thí chủ có thể được hoài, trái lại, lễ dâng y không thể làm như thời thí được. Vì lễ dâng y chỉ dâng được trong hạn kỳ 16 tháng 9 đến 15

tháng 10 mà thôi. Hơn nữa, mỗi chùa chỉ hạn định lãnh được một lần mà thôi chứ không lãnh mãi được, mà các vị ấy phải là vị không dứt hạ mới được.

Thời thí có 5 điều là:

1. Āgantukadāna: Bồ thí đến chư Tăng tha phương mới đến.
2. Gamikadāna: Bồ thí đến chư Tăng sắp đi xa.
3. Dubbhikkhadāna: Bồ thí trong khi mất mùa.
4. Navadāna: Bồ thí những vật đầu mùa, như trái, bông.
5. Gilādāna: Bồ thí đến chư tỳ khưu bệnh.

Gọi là Kaṭhina, chúng ta cắt nghĩa là lễ dâng y, ở đây chưa đúng. Vì chữ Kaṭhina có nghĩa là bền vững, chắc chắn, ý nói rằng: Khi thầy tỳ khưu thọ lãnh Kaṭhina thì lễ ấy làm cho 5 điều quả báo được vững chắc 4 tháng. Chữ Kaṭhina chia ra làm 2 phần là KA và THINA. Chữ Ka do chữ Karanasamattāya, nghĩa là

có thể làm (cho có) 5 quả báo. Chữ THINA do chữ THIRA có nghĩa là chắc chắn. Hai chữ ấy ghép lại là Kaṭhina, nghĩa là có thể làm cho 5 điều quả báo được chắc chắn. Theo chúng ta gọi là lễ dâng y, ở đây là coi theo thể thức của người đem lại dâng cho chư Tăng, chư Tăng lãnh lễ ấy rồi gọi là lễ dâng y. Tôi rất mong rằng từ đây về sau chúng ta chịu khó kêu theo Phạn ngữ là Kaṭhina cho được đầy ý nghĩa và không mất nguyên văn Phạn ngữ.

Người làm lễ dâng y được quả báo cao thượng vì sanh trong kiếp nào cũng không thiếu đồ trang điểm tốt đẹp, đắt giá, và điều cần hơn hết là khi gặp đức Phật được xuất gia bằng cách "Ehi Bhikkhu!" Nghĩa là khi Đức Thế Tôn cho xuất gia, Ngài chỉ bảo rằng: Người hãy trở nên vị tỳ khưu. Thì lúc ấy râu tóc, quần áo của người giới tử đều trở thành y và có quả báo, còn râu tóc thì rụng hết. Đây là quả báo của lễ dâng y. Hôm nay tôi xin thuyết tắt về lễ dâng y như thế cho tiện tin hiểu.

### KỆ TỤNG KHI NHIỄU PHẬT<sup>(1)</sup>

*Ca sa oai đức chi bằng  
Sắc vàng thanh bạch của hàng Sa Môn  
Nơi gương từ phụ Thế Tôn  
Hoằng khai giáo pháp tám muôn bốn ngàn  
Ngày nay Thiện tín các hàng  
Ca sa đại lễ nghiêm trang cử hành  
Dâng y với tấm lòng thành  
Ba vòng nhiễu Phật đồng thanh nguyện cầu  
Chư Tăng hoan hỷ lãnh thọ  
Cẩn lành gieo giống để hầu mai sau  
Nguyện mau thoát khỏi trần lao  
Tu hành tinh tấn tiêu dao đạo mầu  
Chúc cho Phật pháp bền lâu  
Thấm nhuần trăm họ năm châu thanh hành  
Chúc cho cả thầy chúng sanh,  
Hồi đầu hướng thiện tâm thành quy y  
Nói theo gương đấng Từ bi,  
Xuất gia hành đạo mang y ngồi kể  
Tu tâm dưỡng tánh mọi bề,  
Tham sân đoạn tuyệt Bồ đề đến nơi.*

1. Bài kinh được kệ đọc khi đội y Kaṭhina đi nhiễu Phật ba vòng trong ngày lễ dâng y





## *Vài nét về* **PHẬT GIÁO** **NAM TÔNG VIỆT NAM**

**HT. Thích Thiện Tâm**  
*(Tiếp theo & hết)*

**C**hính sự đoàn kết cùng nhau một lòng, kề vai sát cánh, sống chết có nhau, trong công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam trong sự tồn sinh của đạo pháp và dân tộc, chất keo tình cảm là vô cùng quan trọng, tạo điều kiện và tiền đề cho sự hình thành và phát triển nên tinh thần hòa hợp chúng, bất khả phân ly, mở đầu cho công cuộc vận động thống nhất Phật giáo nước nhà, nhằm đáp ứng nguyện vọng tha thiết của tăng ni Phật tử Việt Nam, bất luận tông môn hệ phái nào, rất thiêng liêng và bền chặt.

Chính vì nhận thức được sự khác biệt giữa Phật giáo Nam tông và Bắc tông là sự thật không có ranh giới đáng kể, nó chỉ mang tính chất hiện tượng tạm thời. Bản chất khác

quan của sự vật nền tảng nhận thức của Phật giáo luôn luôn hiện diện trong ý thức của tăng ni Phật tử, tất yếu dẫn đến nhận thức rằng nỗ lực trong cuộc vận động thống nhất Phật giáo cũng chính là cuộc đấu tranh để đưa đến sự thống nhất các điểm bất đồng và dị biệt để thực hiện tính nhất thể tương đồng trong nội bộ Phật giáo, điều này chỉ có thể thực hiện được khi hoàn cảnh chủ quan (ý chí thống nhất của tăng ni Phật tử cả nước) và điều kiện khách quan (sự thống nhất đất nước) cho phép; chính vì vậy, nên dù có một số điểm dị biệt bất đồng về hình thức và nội dung biểu hiện trong cách thờ phượng, trong quan điểm nội dung giáo lý và trong các phương pháp hành trì trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của Tăng Ni Phật tử giữa Nam tông – Bắc tông, thật sự sống biết tôn trọng và thực



*Tổng Hội Cư sĩ Phật giáo Nguyên thủy trước năm 1975 - Kỹ sư Nguyễn Văn Hiếu (người có dấu x) làm Hội Trưởng*

hành đúng theo tinh thần lục hòa cộng trụ và tứ nhiếp pháp của Đức Phật. Chính nhờ những quan điểm nhận thức như thế, nên có thể nói từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo Nam tông đã biết cách thể hiện khá nhuần nhuyễn tinh thần khế lý khế cơ của Phật giáo, nhờ vậy không lạ gì thành quả của quá trình vận động thống nhất Phật giáo nước nhà gặp rất nhiều thuận duyên, trong đó có sự đóng góp quan trọng của Tăng tín đồ Phật giáo Nam tông trải qua các thời kỳ, mà đỉnh cao là Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam được tổ chức trọng thể tại thủ đô Hà Nội vào tháng 11-1981, và Phật giáo Nam tông là một trong 11 thành viên của cuộc Hội nghị lịch sử quan trọng này. Cũng bắt đầu từ điểm mốc lịch sử quan trọng ấy của Phật giáo Việt Nam, Tăng tín đồ Phật giáo Nam tông đang phấn đấu tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống phục vụ đạo pháp và dân tộc, trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam mà các bậc tiền bối đã dày công khai sơn phá thạch, mở đường cho

các thế hệ hiện tại và tương lai vững bước.

Xác định lập trường, quan điểm nhập thân phấn đấu cho lý tưởng phục vụ vì sự nghiệp chung của Phật giáo Việt Nam, nhằm phát huy ánh sáng chánh pháp của Đức Phật được lưu truyền và tồn tại mãi trên quê hương Việt Nam, vì đại nghĩa dân tộc và an lạc, hạnh phúc của nhân dân, chính là lý do tồn tại và cũng là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, định hướng cho mọi hành động lợi đạo ích đời của Phật giáo Nam tông Việt Nam.

Như vậy, sự có mặt của Phật giáo Nam tông tại Việt Nam từ nửa thế kỷ qua và hiện tại, nếu cho phép được ví von theo cách nói hình tượng văn học, thì đó là sự góp mặt của một loài hoa trong vườn hoa Phật giáo Việt Nam, cùng với nhiều loài hoa Phật giáo khác, góp phần tô điểm làm giàu sắc hương tươi thắm cho vườn hoa văn hóa tinh thần của đất nước và dân tộc Việt Nam. ●

# Phỏng vấn Hòa thượng Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy

Vừa

qua Tạp chí Phật giáo

Nguyên thủy ra số đầu tiên - tháng

10/2010, có nhiều độc giả xa gần gọi điện chúc mừng và bày tỏ niềm vui về sự ra đời của Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy (PGNT), hy vọng Tạp chí PGNT sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Phóng viên tòa soạn đã thực hiện cuộc phỏng vấn ngắn với Hòa thượng (HT) Tổng Biên tập và đã được HT hoan hỷ trả lời một số câu hỏi sau đây, xin giới thiệu cùng bạn đọc xa gần.

**Phóng viên Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy (PGNT):** Thưa Hòa thượng (HT), xin HT chia sẻ vài cảm nghĩ khi được cử giữ chức vụ Tổng Biên tập Tạp chí PGNT?

## Hòa thượng Tổng Biên tập

Thưa, tôi thấy vui thì ít mà lo thì nhiều, vui vì từ nay Giáo hội có thêm Tạp chí mang tên Phật giáo Nguyên Thủy, còn lo là vì ai cũng biết, hiện nay Ban Biên tập vị nào cũng đảm trách nhiều công việc do Giáo hội giao phó. Tôi lo là làm sao mỗi tháng phải có Tạp chí đến tay độc giả đúng hạn, hình thức trang nhã và nội dung phong phú, bài viết súc tích, có chất lượng, ít sai sót, gây được cảm tình với nhiều bạn đọc, ngày càng có thêm độc giả hoan hỷ, ủng hộ và xem Tạp chí như món ăn tinh thần của mình. Được như vậy là việc không đơn giản chút nào!

**Phóng viên Tạp chí PGNT:** Để hoàn thành nhiệm vụ của Tạp chí, theo Hòa thượng, Ban Biên tập cần phải có định hướng hoạt động như thế nào?

## HT. Tổng Biên tập

Theo tôi, điều quan trọng nhất hiện nay là, Ban Biên tập cần học tập kinh nghiệm làm báo của những người đi trước; trước nhất cần tập trung quán triệt một số quan điểm như: cần nghiên cứu những qui định và luật báo chí hiện hành; am tường những chính sách chủ trương đường lối của Đảng, Chính quyền và Mặt trận đối với Tôn giáo; hiểu rõ tình hình, chương trình hoạt động của Giáo hội; nghiên cứu giáo lý Phật giáo Nguyên thủy khế hợp với thời đại và hệ tư tưởng giáo lý truyền thống hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam; nhiệm vụ bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và vai trò nhiệm vụ của Phật giáo Việt Nam qua các thời đại; vai trò và nhiệm vụ của tăng ni Phật tử Việt Nam trong thời kỳ đất nước đổi mới, phát triển và hội nhập; nghĩa vụ của tăng ni và Phật tử Việt Nam thuộc các truyền thống Phật giáo trong và ngoài nước đối với công cuộc kiến thiết và xây dựng đất nước, đạo Pháp phù hợp với xu thế thời đại; quán triệt và thực hiện hữu hiệu phương châm hoạt động của Giáo hội đã đề ra: “Đạo Pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội” nhằm góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh theo khẩu hiệu tốt đời đẹp đạo. Theo tôi, tất cả những vấn đề trên không ngoài tôn chỉ và mục đích của Tạp chí PGNT đã đề ra, là trách nhiệm trước nhất mà Ban Biên tập cần phải quán triệt để làm tốt nhiệm vụ của mình.

**Phóng viên Tạp chí PGNT:** *Hiện nay việc quản lý, điều hành mọi hoạt động của Tạp chí PGNT, chẳng hạn như việc hình thành, phân công nhân sự phụ trách văn phòng tòa soạn; dự thảo kế hoạch, chương trình nội qui hoạt động của Ban Biên tập..., đã thực hiện đến đâu, thưa HT?*

### **HT. Tổng Biên Tập**

Trong giai đoạn “Vạn sự khởi đầu nan” này, Ban Biên tập vẫn chưa thực hiện được hoàn chỉnh các việc như: Dự thảo hoàn chỉnh qui chế, nội qui hoạt động; việc tuyển chọn người đủ điều kiện giúp việc cho tòa soạn; xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động cho từng tuần, tháng, quý và năm phù hợp với tình hình và công tác của Giáo hội và xã hội; qui trình chuẩn bị, biên tập, kiểm duyệt nội dung, mời chư tôn đức giáo phẩm tăng ni, Phật tử và các học giả tham gia viết bài cho Tạp chí; cơ sở vật chất: văn phòng tòa soạn, phòng họp, phòng làm việc của Ban Biên tập và nhân viên tòa soạn, phòng khách, thiết bị văn phòng thiết yếu; việc mời cộng tác viên thường xuyên; việc hình thành mạng lưới phát hành và tiêu thụ Tạp chí hằng tháng; việc thù lao lương bổng, nhuận bút, kể cả mộc dấu và thẻ báo chí... Nói chung, bộ máy mới bắt đầu khởi động, chưa được nhịp nhàng và đồng bộ lắm. Tuy nhiên, Ban Biên tập vẫn quyết tâm và tin tưởng sớm vượt qua những khó khăn tất yếu ban đầu.

**Phóng viên Tạp chí PGNT:** *Để sớm khắc phục những khó khăn trên, theo HT, điều gì là quan trọng nhất hiện nay, thưa HT?*

### **HT. Tổng Biên Tập**

Theo tôi, Ban Biên tập cần phải thống nhất quan điểm, dù khó khăn đến đâu cũng không thối chí nản lòng, giữ vững đoàn kết như Bác Hồ dạy “Đại Đoàn kết – Đại Thành công”, thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo - cá nhân phụ trách, mỗi thành viên Ban Biên tập phải sắp xếp quỹ thời gian đầu tư cho nhiệm vụ của mình, xem đây là nhiệm vụ cao quý đã được tăng ni Phật tử, Nhân dân,

Đảng, Chính quyền, Mặt trận và Giáo hội giao phó; và phải ý thức rằng, đây không phải là Tạp chí của hệ phái Phật giáo Nam tông, mà là một Tạp chí của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cần trung thành và phấn đấu thực hiện nhiệm vụ đúng tôn chỉ và mục đích của Tạp chí đã đề ra.

Điều quan trọng nhất là, muốn thực hiện thành công ý tưởng và mục đích cao cả trên, mỗi thành viên Ban Biên tập cần xem Tạp chí PGNT là món ăn tinh thần của độc giả, do Ban Biên tập chịu trách nhiệm cung cấp, thức ăn ngon hay dở đều do mình chế biến, do đó phải có tinh thần cầu thị, không được tự mãn, không chủ quan và phải luôn rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn như người học nghề làm bếp vậy, phải biết thay đổi và chế biến thức ăn sao cho phù hợp với khẩu vị của nhiều thực khách, được như thế thì Tạp chí PGNT sẽ từng bước vượt qua khó khăn và sẽ tồn tại, phát triển theo thời gian vậy!

**Phóng viên Tạp chí PGNT:** *Xin cảm ơn Hòa thượng.* ●



## Một Số Hoạt Động Phật Sự & Sinh Hoạt An Cư Kiết Hạ Phật Giáo Nam Tông PL.2554 - DL.2010

**Đại đức Thiện Minh**

Cúng tôi xin phép được thay mặt cho Ban tổ chức, thông qua bản báo cáo tổng kết sinh hoạt an cư kiết hạ Phật giáo Nguyên Thủy Nam tông tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Phật giáo Nam tông ở Việt Nam có hai hệ phái: Nam tông khmer và Nam tông Việt. Thời gian an cư của Phật giáo Nam tông là từ 16 tháng 6 đến 15 tháng 9 âm lịch. Lý do an cư trễ hơn Phật giáo Bắc tông, là vì Phật giáo Nam tông tính thời gian an cư theo lịch Ấn Độ.

Phật giáo Nam tông tại Thành phố Hồ Chí Minh có 25 chùa, 200 chư tăng và 100 tu nữ. Toàn quốc có khoảng 70 ngôi chùa, 500 chư tăng, 300 tu nữ và khoảng 100.000 tín đồ Phật tử. Đặc biệt tổ đình Bửu Quang năm nay an cư kiết hạ 40 chư tăng và 42 tu nữ.

### **\* VỀ TỔ CHỨC**

7 năm qua, Hòa thượng Thiện Tâm Phó Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh đại diện Phật giáo Nam tông xin phép Nhà nước và Giáo hội được tổ chức sinh hoạt an cư kiết hạ cho chư tăng, tu nữ và Phật tử hệ phái Nam tông tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích phát huy tinh thần, gặp gỡ, đoàn kết, hòa hợp, đổi mới để tăng ni năm bắt tình hình, chánh sách Nhà nước đối với Tôn giáo. Thành phần tổ chức năm nay gồm có:

Hòa thượng Thiện Tâm Trưởng ban tổ chức

Thượng tọa Minh Giác Phó ban Thường trực

Hòa thượng Viên Minh Phó ban

Đại đức Thiện Minh, Đại đức Pháp Nhiên thư ký

Thượng tọa Hộ Chánh, Thượng tọa Thiện Nhân, Thượng tọa Tăng Định, Thượng tọa Pháp Chất, Đại đức Thiện Hạnh - Ủy viên

Và gồm có 6 Tiểu ban như: Tiểu ban nội dung, Tiểu ban tiếp tân, Tiểu ban xưởng ngôn, Tiểu ban nghi lễ, Tiểu ban ẩm thực, Tiểu ban trật tự.

### **\* THỜI GIAN SINH HOẠT**

Năm nay có 2 lần sinh hoạt:

- Lần thứ nhất: ngày 23 tháng 8 năm 2010 địa điểm tổ chức tại chùa Bửu Quang.

- Lần thứ hai: thứ tư, ngày 27 tháng 10 năm 2010, địa điểm tổ chức tại chùa Bửu Quang.

### **\* TIẾN TRÌNH SINH HOẠT**

Lần thứ nhất, Ban tổ chức vinh dự được Hòa thượng Thích Trí Quảng Phó Chủ tịch HĐTS. GHPGVN, Trưởng ban Trị Sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh nói chuyện với tăng ni và Phật tử hệ phái Nam tông về kinh

nghiệm tu tập và hoằng pháp. Động viên tăng ni thắt chặt tình đoàn kết để phát huy Phật giáo.

### **\* THÀNH PHẦN THAM DỰ**

Mỗi lần sinh hoạt có khoảng 500 Tăng ni và 1000 phật tử đến tham dự. Tuy nhiên số lượng tăng ni đó cũng có số lượng của các tỉnh, thành hoan hỷ đồng tham dự sinh hoạt hạ và tham dự lễ hội.

Tiếp theo đây, chúng tôi xin báo cáo những phật sự của Phật giáo Nam tông thời gian qua.

### **\* VỀ QUỐC TẾ**

- Thực hiện công văn của Bộ Ngoại giao, Ban Tôn giáo Chính phủ và Trung ương GHPGVN, Hòa thượng, Tiến sĩ Thiện Tâm giới thiệu 7 vị chư Tôn giáo phẩm Nam tông và 1 tu nữ nhận tước hiệu cao quý của Phật giáo Miến Điện trao tặng cho những vị có công với Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam. Tước hiệu cao quý đó sẽ được trao tặng trong thời gian sắp tới.

- Đầu tháng 8, Thượng tọa, Tiến sĩ Bửu Chánh cùng chư Tôn đức trong Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Việt Nam lên đường sang Ấn Độ để tham dự Hội thảo quốc tế về Thiền - Văn bản, Truyền thống và Thực hành.

- Nhân dịp kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Đại đức Tiến sĩ Tường Quang (thành viên chư tăng tổ đình Bửu Quang) Trụ trì chùa Đại Lộc tại Ấn Độ cùng với Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ chánh thức về Việt Nam tham dự đại lễ. Đồng thời cùng với các kiều bào của hơn 100 quốc gia trên thế giới tham dự các lễ hội và tham quan các thắng tích cùng thắng cảnh Việt Nam.

- Ngày 17/11/2010, Đại đức Thiện Minh hướng dẫn đoàn chư tăng ni và Phật tử lên đường hành hương Ấn Độ để dự lễ dâng y Kāṭhina quốc tế đầu tiên được tổ chức tại chùa Đại Lộc với hơn 100 Tăng Ni sinh của các quốc gia đang theo học Thạc sĩ và Tiến sĩ

tại Ấn Độ được Ban tổ chức mời đến chứng minh, tham dự lễ dâng y katha.

### **\* VỀ NGHI LỄ**

- Đầu tháng 10, Hội thảo Nghi lễ toàn quốc kỳ 2 tổ chức tại TP. Nha Trang, phái đoàn Nghi lễ Nam tông tham dự hơn 10 vị chư Tôn giáo phẩm Nam tông. Trong hội thảo, Thượng tọa Pháp Chất - Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Nghi lễ TW có đọc bài tham luận về Nghi lễ Nam tông.

### **\* VỀ GIÁO DỤC**

- Ban in ấn chùa Bửu Long đã xuất bản và giới thiệu hơn 30 tựa sách kinh điển Phật giáo Nam tông.

- Ban in ấn Thư viện Phật giáo Nguyên thủy đã xuất bản 12 bộ chú giải và một số kinh sách, lịch sử quan trọng trong truyền thống kinh điển Pāli. Sắp xuất bản 45 quyển chánh tạng và 92 quyển chú giải Pāli tài liệu gốc. Vừa qua đã xuất bản quyển Hòa thượng Siêu Việt – Một thời để nhớ nhân dịp tưởng niệm lần thứ 13 ngày Hòa thượng viên tịch. Hiện đang ấn hành 8 quyển Từ điển Danh từ Phật học Pāli.

- Tập văn Phật giáo Nguyên thủy xuất bản được 15 số. Tập văn đã chuyển thành Tạp chí để hoạt động theo chuyên ngành báo chí và đã xuất bản số đầu tiên nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội vào đầu tháng 10. Tạp chí do Hòa thượng Thiện Tâm làm Tổng Biên tập. Thượng tọa Bửu Chánh, Đại đức Thiện Minh làm Phó Tổng biên tập.

- Chùa Siêu Lý Vĩnh Long đã liên tục tổ chức các lớp Trung cấp Pāli và Vi Diệu Pháp

- Chùa Bửu Quang đã tổ chức được 4 khóa học Vi Diệu Pháp, mỗi khóa khoảng 30 tăng ni và phật tử

### **\* VỀ TỪ THIỆN**

1. Đại đức Thiện Minh Phó ban Từ thiện TW. GHPGVN, Chủ tịch Chi hội Từ thiện Hương Minh Hiếu trao tặng:

- 1 nhà tình thương ở tỉnh Vĩnh Long, kinh

phí 20 triệu đồng

- 1 nhà tình thương ở TP. Vũng Tàu, kinh phí 20 triệu đồng

- Trao 2 suất học bổng ở phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức kinh phí 2 triệu đồng

- Trao 2 suất học bổng ở phường 3, quận 3, kinh phí 2 triệu đồng

2. Bảy năm qua bếp ăn Chi hội Từ thiện Hương Minh Hiếu mỗi ngày phát 100 suất ăn, gồm 50 suất tại địa phương và 50 suất ở bệnh viện tâm thần Thủ Đức.

3. Dự kiến ngày 02 tháng 11 năm 2010, Thượng tọa Thiện Pháp và Đại đức Thiện Minh tổ chức đoàn Phật tử đi cứu trợ ở tỉnh Hà Tĩnh gồm 500 phần quà, trị giá 200 triệu đồng.

4. Hòa thượng Viên Minh tổ chức đoàn cứu trợ tại các tỉnh miền Trung, kinh phí khoảng 300 trăm triệu đồng.

#### **\* VỀ XÂY DỰNG**

- Chùa Nam Tông, quận Bình Tân đã trùng tu các hạng mục như: chánh điện, trai đường, bảo tháp và Tăng xá.

- Chùa Giác Quang quận 8 đang đại trùng tu chánh điện có tầm cỡ khá quy mô, kinh phí hơn 10 tỉ đồng, công trình sắp hoàn thành.

- Chùa Bửu Long quận 9 đang xây dựng chùa Tháp có tầm cỡ lớn nhất hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy. Có khả năng cuối năm nay hoặc đầu năm 2011 sẽ khánh thành.

- Chùa Thái Hoà, tỉnh Đồng Nai đã khánh thành ngôi đại hùng bửu điện.

- Thiền viện Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai đang trùng tu chánh điện lớn nhất hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy.

- Chùa Kỳ Viên đã xây dựng xong 2 tấm, đã đưa vào sử dụng trong dịp lễ dâng y kashina; phần còn lại đang tiến hành xây dựng.

- Chùa Phước Quang ở huyện Nhơn Trạch,

Đồng Nai đã xây dựng xong và ngày khánh thành có đông đủ tăng ni và Phật tử đến tham dự. Kinh phí xây dựng khoảng 2 tỷ rưỡi đồng.

- Chùa Đại Lộc tại Ấn Độ đang tiến hành xây dựng 6 hạng mục khá tốt. Cuối năm nay sẽ hoàn thành hạng mục chánh điện, gác chuông, nhà trù và tượng Phật Thích Ca chuyển pháp luân bằng chất liệu đá, cao 18m. Dự kiến sẽ khánh thành vào năm 2012.

#### **\* VỀ BỒ NHIỆM TRỤ TRÌ**

- Sau khi Hòa thượng Hộ Chơn viên tịch, Tăng ni và Phật tử kiến nghị Đại đức Chơn Minh đảm nhiệm chức vụ trụ trì chùa Bửu Thẳng đã được Giáo hội và Nhà nước chấp thuận.

#### **\* VỀ HOÀNG PHÁP**

- Thiền viện Nguyên Thủy được phép của Ban Tôn giáo Chánh phủ cho phép tổ chức 6 khóa thiền liên tục dành cho thiền sinh đến từ các tỉnh thành để thực tập thiền Tứ Niệm Xứ do thiền sư Miến Điện hướng dẫn. Mỗi khóa thiền có khoảng 50 đến 100 thiền sinh.

- Thiền viện Phước Sơn, mỗi năm có hơn 10 khóa thiền, mỗi khóa khoảng 100 đến 200 thiền sinh.

- Chùa Bửu Long, tổ chức mỗi ngày thứ bảy hàng tuần cho các thiền sinh đến tập thiền thư giãn tâm linh.

- Tổ đình Bửu Quang tổ chức thiền vào ngày chủ nhật cho các thiền sinh tu tập pháp môn thiền chánh niệm, mỗi tuần như vậy có khoảng 30 đến 50 Phật tử tham dự.

- Chùa Phổ Minh, quận Gò Vấp mỗi ngày có hướng dẫn công phu và tập thiền định cho Phật tử.

- Chùa Phật Bảo tổ chức thiền và lớp giáo lý cho các Phật tử địa phương đến tham dự có khoảng 100 Phật tử.

- Chùa Nam Tông mỗi chủ nhật có tổ chức



khóa thiền niệm tâm cho các Phật tử.

#### **\* VỀ GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VÀ TU GIEO DUYÊN**

- Chùa Tam Bảo Đà Nẵng hơn 10 năm qua có thành lập gia đình Phật tử, có khoảng 150 thanh thiếu niên Phật tử tham gia sinh hoạt.

- Chùa Bình Long TP. Phan Thiết thành lập gia đình Phật tử vào năm 2009 có khoảng 80 Phật tử tham gia.

- Tổ đình Bửu Quang, quận Thủ Đức thành lập gia đình Phật tử có khoảng 50 thanh thiếu niên Phật tử tham gia, số lượng tuy ít nhưng sinh hoạt khá tốt và đồng bộ.

- Chùa Nam Quang 3 năm qua tổ chức tu gieo duyên cho nam và nữ Phật tử. Thời gian tu 1 tháng, mỗi năm có 50, 100 và thậm chí lên đến 150 người tham dự. Đây là hình thức khá tốt và đáng duy trì cũng như cần nhân rộng thêm. Trong thời gian tu tập giúp cho anh chị Phật tử học giáo lý, tu thiền định, ý thức về công cha nghĩa mẹ.

- Thiền viện Phước Sơn tổ chức tu gieo duyên năm 2009 và 2010, số lượng tham dự

150 người.

#### **\* VỀ KỶ LỤC**

- Chùa Bửu Quang được xác lập kỷ lục chùa Việt đầu tiên ở Việt Nam

- Chùa Phổ Minh được xác lập kỷ lục có bảo tháp cao nhất

- Chùa Nguyên Thủy xác lập kỷ lục có tượng Phật lớn nhất trong chánh điện

- Chùa Giác Quang xác lập kỷ lục có tượng Phật đồng lớn nhất

- Hiện đang tiến hành xác lập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy, Thư viện Phật giáo Nguyên Thủy, chùa Bửu Long, quận 9 và chùa Đại Lộc - Ấn Độ

Tóm lại:

Phật giáo Nam Tông ở Thành phố Hồ Chí Minh về niên đại du nhập khiêm tốn so với các Tôn giáo bạn, tuy nhiên số lượng ít nhưng có nhiều đóng góp đáng kể cho Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong chương trình Đại đoàn kết dân tộc. ●

**1** . Trong lịch sử Phật giáo, sau khi thành đạo, Đức Phật có một dịp ngồi thiền nhập định dưới trời mưa to, lúc đó có một con mãng xà bảy đầu bò đến dùng thân mình quấn chung quanh bồ đoàn của Đức Phật để Ngài không bị ngập nước, còn bảy cái đầu phùng ra để che mưa cho Đức Phật. Ngày nay các nước Phật giáo cũng như ở Việt Nam, thỉnh thoảng chúng ta viếng chùa thấy có tượng Phật Thích Ca ngồi thiền phía trên đỉnh đầu Ngài có hình mãng xà bảy đầu che mưa nắng.

Trong thực tế thì chúng ta chưa bao giờ thấy con rắn nào ba đầu hoặc nhiều hơn, đôi khi chúng ta hoang mang là không biết mãng xà bảy đầu che mưa nắng cho Phật Thích Ca ngày xưa có thật hay không? Hay chỉ là biểu tượng ẩn dụ trong kinh Phật mà thôi.

Năm nay 2010, tại vùng Nam Ấn - Ấn Độ có xuất hiện con rắn 5 đầu mà các thông tin truyền thông đã đăng tải!. Nếu ngày nay thật sự có rắn 5 đầu; thì mãng xà 7 đầu ngày xưa che mưa nắng cho Phật là điều không cần phải bàn cãi.

Thế nên, có những điều Phật dạy trong kinh điển ngày xưa, bây giờ chúng ta chưa thấy, chưa đắc, chưa chứng. Không có nghĩa là không có mà nhiều khi chúng ta chưa đủ duyên cảm nhận đó thôi. ●



## Long Hồ sừu tâm

**2** . Ở Nhật có một câu chuyện đáng cho chúng ta suy gẫm, câu chuyện đó như thế này: Có một người muốn sửa lại căn nhà nên dỡ tường ra; tường nhà kiểu kiến trúc Nhật thường để một tấm gỗ ở giữa, hai bên trát xi măng, nhưng thực chất bên trong để rỗng.

Khi anh ta dỡ tường ra, phát hiện có một con Thạch sùng đang ngủ ở trong đó, đuôi nó bị đóng vào tường bởi một chiếc đinh được đóng từ ngoài vào. Anh này thấy tình cảnh đó đáng thương cho con Thạch sùng, với tâm tò mò, anh ta chăm chú quan sát chiếc đinh, thì ra! đây là chiếc đinh anh ta đóng khi xây nhà 10 năm về trước.

Anh ta tự hỏi: Tại sao con Thạch sùng này đã mắc kẹt trong tường mà vẫn sống được trọn 10 năm? Sống được 10 năm trong bức tường tối tăm, thật không đơn giản chút nào. Có gì đó bất thường thì phải? Anh ta tiếp tục nghĩ ngợi, đuôi nó bị đóng chặt, không thể xê dịch được, thế nó đã sống được nhờ vào điều gì qua mười năm qua? Thế là anh ta cố tìm hiểu, quan sát xem con Thạch sùng này đã ăn gì để tồn tại đến ngày hôm nay?

Một lát sau, không biết từ đâu bò ra một con Thạch sùng khác, miệng nó ngoạm miếng thức ăn... Ồ! rồi anh ta im lặng đi. Thế này là sao nhỉ? Vì một bạn Thạch sùng bị đinh đóng vào đuôi không thể bò đi được, một bạn Thạch sùng khác đã kiếm thức ăn mớm cho bạn mình trong suốt mười năm qua. Tôi thấy xúc động vô cùng trước tình nghĩa thủy chung của loài Thạch sùng. ●





## ĐỨC PHẬT QUA TRUNG BỘ KINH



Tỳ kheu Siêu Minh biên dịch phỏng  
theo tài liệu của Ngài Bodhi

**Đ**ối với các nhà chú giải, những cứ liệu lịch sử về cuộc đời Đức Phật không phải là mối quan tâm hàng đầu, thậm chí như trong Trung Bộ Kinh, những thông tin về cuộc đời Đức Phật cũng được cung cấp rất ít ỏi. Nhưng được đề cập chủ yếu về hình tượng Đức Phật như ví dụ điển hình cho vị đạo sư khả kính, một lý tưởng giải thoát, mặc dù trong Trung Bộ Kinh những thông tin về lịch sử đức Phật không được cung cấp một cách đầy đủ, song thông qua Trung Bộ Kinh, chúng ta cũng có thể hiểu rõ hơn về cuộc đời Ngài, từ khi còn là Bồ-Tát và quá trình tầm cầu sự giác ngộ.

Trung Bộ Kinh và cả Trường Bộ Kinh đã cung cấp cho chúng ta những thông tin về quá trình Bồ tát giáng trần (Trung Bộ Kinh 123). Tuy nhiên, Trung Bộ Kinh đã cho chúng ta thấy rõ ràng hơn về cuộc viễn ly, từ bỏ vĩ đại của Thái tử với những hình tượng làm rung động nhân tâm. Sau khi đức Bồ tát đã tận hưởng những lạc thú tột đỉnh của thế gian (Trung Bộ Kinh 75,10). Ngài đã hiểu ra rằng tất cả các pháp hữu vi đều bị chi phối bởi định luật vô thường, ai cũng phải già, chết...Ngài đã quyết định xuất gia, để tìm ra cánh cửa bất tử, hương vị giải thoát Níp Bàn (Trung Bộ Kinh 26.13). Bài Kinh Trung bộ 26 đã cung cấp cho chúng ta những thông tin về sự phát triển vượt bậc tâm linh của đức

Bồ tát, quá trình chứng đắc nhanh chóng cả hai tầng thiền, chỉ trong vòng một ngày với vị thầy của mình. Mô tả việc kiểm soát tâm để đối trị với phiền não ngủ ngầm do si mê sanh khởi, hơn nữa trong bài kinh số 12, 26 (Trung Bộ Kinh) đã cho chúng ta thông tin về sự hành trì khổ hạnh ròng rã suốt 6 năm trời, có lúc Ngài gần như kiệt sức, đối diện với cái chết. Thông qua bài kinh 26, 36 chúng ta có thể biết được quá trình chứng ngộ của Đức Thế Tôn, nhìn từ nhiều góc độ bài kinh số 26 đã tường thuật quá trình hành đạo của Ngài, cho đến khi thuyết pháp độ những vị đệ tử đầu tiên, từ đó trở đi chúng ta chỉ có thể mừng tượng về cấu trúc một cách giả thuyết nói đến cuộc đời của Ngài mà thôi. Cho dù còn thiếu những cứ liệu xuyên suốt về cuộc đời của Ngài, nhưng Trung Bộ Kinh lại cung cấp cho chúng ta những thông tin điển hình liên quan trực tiếp đến cuộc sống thường nhật của Ngài; những thông tin này đã được diễn tả một cách chi tiết, đầy đủ về công việc hoằng pháp thường niên trong suốt 45 năm hoằng hóa độ sinh. Một số bản chú giải đã cho thấy lịch trình sinh hoạt của Ngài, như thuyết pháp đến tỳ kheo Tăng, thuyết pháp đến thiện tín, nhập thiền (không vô biên xứ- Trung Bộ Kinh 121.3, 122.6) và thông tin về sự thọ thực của Đức Thế Tôn trước giờ Ngọ, hay việc nhận lời mời của Thích Chủ, hay đi khát thực, chí đến việc nghỉ ngơi vào giữa

trưa (Trung Bộ Kinh 36,46) và hành trình của Ngài với những thông tin liên quan đến thời tiết của xứ sở Ấn Độ có ba mùa: Mùa lạnh kéo dài từ tháng 11 đến tháng 2, mùa nóng từ tháng 3 đến tháng 6, mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 10. Theo truyền thống thì cứ mỗi mùa mưa đến Đức Phật và chư Tăng an cư kiết hạ suốt ba tháng mùa mưa, còn lại Ngài du hành qua các bình nguyên sông Hằng để thuyết pháp tế độ những người hữu duyên nên tế độ.

Vào những tháng mùa mưa Đức Phật thường cư trú ở Savatthi trong xứ sở Kosala, và Rājagaha ở xứ sở Magadha, trong số những mùa an cư chủ yếu Ngài cư ngụ tại Kỳ Viên Tự (Jetavana) trong thành Xá Vệ (Savatthi) do trưởng giả Cấp Cô Độc (Anathapindika) cúng dường, phần lớn những bài kinh được ghi chép trong Trung Bộ đã được Đức Phật thuyết tại đây. Thỉnh thoảng Ngài cũng cư ngụ trong công viên phía Đông do bà Visākha và vua Bimbisara cúng dường, bên cạnh đỉnh núi Gijjakuta (Kên kên) cũng là nơi Ngài thường xuyên lui tới.

Những cuộc du hành của Ngài cùng với chư Tăng trải dài từ khu vực Angan (gần Tây Bangan hiện nay) đến chân núi Hymalaya và vùng Kuru (tức là thủ đô Delhi hiện nay) đôi khi Ngài cũng đọc bộ bởi những cơ duyên đặc biệt (xem thêm trong Trung Bộ Kinh 75,86,140).

Cho dù những thông tin quan trọng, chính xác và đáng tin cậy được mô tả trong Trung Bộ Kinh như vậy, nhưng đối với chư Tăng, chư vị Trưởng Lão thời xưa, thì những chi tiết về lịch sử cuộc đời Đức Phật không phải là mối quan tâm chính, ngược lại các Ngài nhìn Đức Phật như là một vị Đạo Sư, sa môn Cồ Đàm với chư đệ tử, Ngài là bậc thánh, hiện thân của giáo pháp với thiên nhãn, thắng trí.... Như Lai, một vị pháp vương thuyết giảng pháp bất tử (Trung Bộ Kinh 18,12). Từ cuối, Như Lai (Tathagata) được Ngài dùng trong ý nghĩa Đức Phật đã đến và mang lại sự hạnh phúc, hoàn thiện cho thế giới này; trong chú

giải, từ Như Lai (Tathagata) được thích nghĩa "ta đã đến như thế" và "ta sẽ ra đi như thế." Có nghĩa là Ngài mang đến cho thế giới thông điệp về sự giải thoát do Ngài chứng ngộ với thập lực, thắng trí, rống lên tiếng rống Sư Tử (Trung Bộ Kinh 12.9-20). Ngài không chỉ với từ tâm vô lượng, đại trí, đại bi, mà còn là bậc giác ngộ, Ngài đã phát hiện ra bốn chân lý vi diệu; bản chất hiện hữu của thế gian và sự an trú trong giáo pháp (Sasana), thông qua đó với triết lý giải thoát thiết thực trong cuộc sống, những vị đệ tử của Ngài với sự tu trì đã chứng được thiên nhãn, siêu thế, các Ngài đã giải thoát trong giáo pháp của Như Lai, và các Ngài càng trở nên kính trọng đức Như Lai, Ngài đã giảng pháp vì lợi lạc cho quần sanh (Trung Bộ Kinh 35,26).

Như vậy, y cứ theo kinh điển Nguyên Thủy chúng ta có thể nói rằng: "Đức Thế Tôn đã phát hiện ra bốn sự thật màu nhiệm, Ngài đã chuyển luân chánh pháp, rống lên tiếng rống Sư Tử" đó là điều được ghi nhận tại nơi các chúng môn đệ của Ngài (Trung Bộ Kinh 108.5).●





*Bài giảng Tăng ni sinh HVPGVN tại TP. HCM*

## Tại Sao Phải Hành Thiền?

**HTTS. Thích Minh Châu**

nhưng nếu chính mình chưa độ được mình thì tất cả chỉ là rỗng không. Trong bóng đêm thì làm sao chỉ đường cho ai?

Vì vậy, để thực hiện được hoài bão ban đầu, để đạt được mục đích đời mình, và để xứng đáng là đệ tử Như Lai, chúng ta cần phải có an lạc, cần phải thăng hoa cuộc sống chúng ta lên một bình diện cao hơn, cần phải dừng lại để tìm hiểu chính mình, cần phải có chánh niệm tỉnh giác trong mọi lúc.

**T**rong cuộc sống hàng ngày, chúng ta mãi bận rộn chạy theo công việc tưng kinh, học hành, thi cử, làm những công tác được giao trong chùa v.v... nếu không chánh niệm tỉnh giác trong khi làm việc thì cuối cùng chúng ta sẽ đau khổ nhận ra rằng mình thật sự chưa hề xuất gia, dù rằng chúng ta có hình thức một tu sĩ! Vì chúng ta vẫn còn bị đau khổ chi phối, vẫn buồn vui, khóc cười, sợ hãi theo những cảm giác, những tư tưởng lăng xăng trong đầu. Đầu rồi chỉ nguyện ban đầu của bậc Đại trượng phu?

Là Tăng, Ni sinh, bốn phận trước mắt là học hành, thi cử nhưng nên nhớ mình là tỳ khưu, tỳ khưu ni, là người nối tiếp ánh sáng chánh pháp của Phật, nên mục đích của đời mình là phải đạt được cứu cánh giải thoát, chứ không phải là chạy theo bằng cấp, học vị; bằng cấp, học vị chỉ là phương tiện độ sanh,

“Thăng hoa cuộc sống” là nâng cuộc sống lên một mức độ cao nhất, nghĩa là, vượt qua tất cả các khó khăn và đau khổ (dukkha), vượt qua tất cả những ẩn ý và mức độ có thể có của hai từ này. “Dukkha”, tạm dịch là đau khổ, bất mãn, xung đột, bất an v.v... tất cả những gì làm xáo trộn cuộc sống. Dukkha là cái mà ta luôn rong ruổi cùng với nó, gánh vác nó trên vai, là cái luôn ngăn cản không cho cuộc sống của chúng ta bình an và tự tại. Nó là những cái làm rối loạn đời sống tâm linh vốn là một sự toàn bích. Khi cuộc sống được phát triển vượt qua tất cả dukkha, thì nó mới có thể đạt đến bình diện thăng hoa cao nhất.

Nhưng nhận ra mình đang bị dukkha chi phối là một điều không phải dễ. Mà vượt qua tất cả chúng lại càng khó hơn, nhiều khi biết chắc một sự kiện nào đó sẽ đưa chúng ta đến khổ đau, muốn từ bỏ tránh xa nó nhưng

chúng ta vẫn bị lôi cuốn và rơi vào quyền lực của nó. Như trong kinh Đức Phật nói lên kinh nghiệm của mình khi chưa thành Phật, đối với năm dục trường dưỡng, nếu không có Thiền định thời không thể đoạn trừ chúng. Đoạn kinh viết như sau:

“Này Mahānāma, thuở xưa khi Ta còn là Bồ tát, chưa chứng được Bồ đề, chưa thành Chánh đẳng Chánh giác, Ta khéo thấy như thật với chánh kiến: “Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều; sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Dầu Ta khéo thấy như thật với chánh kiến như vậy, nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, và như vậy Ta biết rằng Ta chưa khỏi bị các dục chi phối. Và này Mahānāma, khi nào Ta khéo thấy như thật với chánh kiến “Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều; sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn, và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly bất thiện pháp hay một pháp nào khác cao thượng hơn. Như vậy Ta biết rằng Ta khỏi bị các dục chi phối (Tiểu khổ uẩn, Trung bộ I, trang 154, 1986).

Kinh nghiệm này nêu rõ, chỉ một mình như thật quán các dục là vui ít, khổ nhiều là chưa đủ, phải có hành thiền, tức là chứng được hỷ lạc do ly dục phát sanh mới có thể nhiếp phục và đoạn trừ các dục.

Như vậy, để đoạn trừ các dục nguồn gốc sinh ra dukkha, để không bị dukkha chi phối, để được sống an lạc với mình và mọi người, chúng ta không có chọn lựa nào khác hơn là hành thiền, một cách dừng lại để tìm hiểu chính mình.

Vì thiền định là một sự hòa hợp giữa nhân lực và sức mạnh thiên nhiên, một sự

hòa hợp nhờ vị trí ngồi thiền, thời gian ngồi thiền, khung cảnh ngồi thiền. Thiền định còn có một khả năng quyết trạch về thiện, hướng về thiện, và cứu cánh là thiện. Hơn nữa, thiền có thể được xem là một giáo dục về cảm thọ, nuôi dưỡng các cảm thọ tốt đẹp như hỷ, lạc, xả, và từ bỏ các cảm thọ không tốt đẹp như khổ, ưu. Thiền định là một sự giáo dục tâm lý, đoạn tận các tâm lý không tốt đẹp như năm triền cái, tham, sân, si và thay thế bởi tâm lý tốt đẹp là 5 thiền chi và không tham, không sân, không si.

Thiền giúp chúng ta đoạn trừ các dục, khiến cho ác ma không thấy đường đi, lối về; thiền giúp chúng ta đoạn trừ các sợ hãi; thiền đem đến cho chúng ta hỷ và lạc.

Nói như vậy không có nghĩa là ngoài thời thiền ta cứ việc sống buông lung mà tự mình, chúng ta phải sống lành mạnh, trong sạch, giữ giới thì thiền định mới có thể đưa cuộc sống chúng ta lên bình diện cao hơn và thoát khỏi dukkha. Nói cách khác, thiền định là một giai đoạn tiếp theo giới và bước vào tuệ tức là thiền quán.●



# Thiền Hành

**Nguyên tác:** Thiền sư AjhanChah

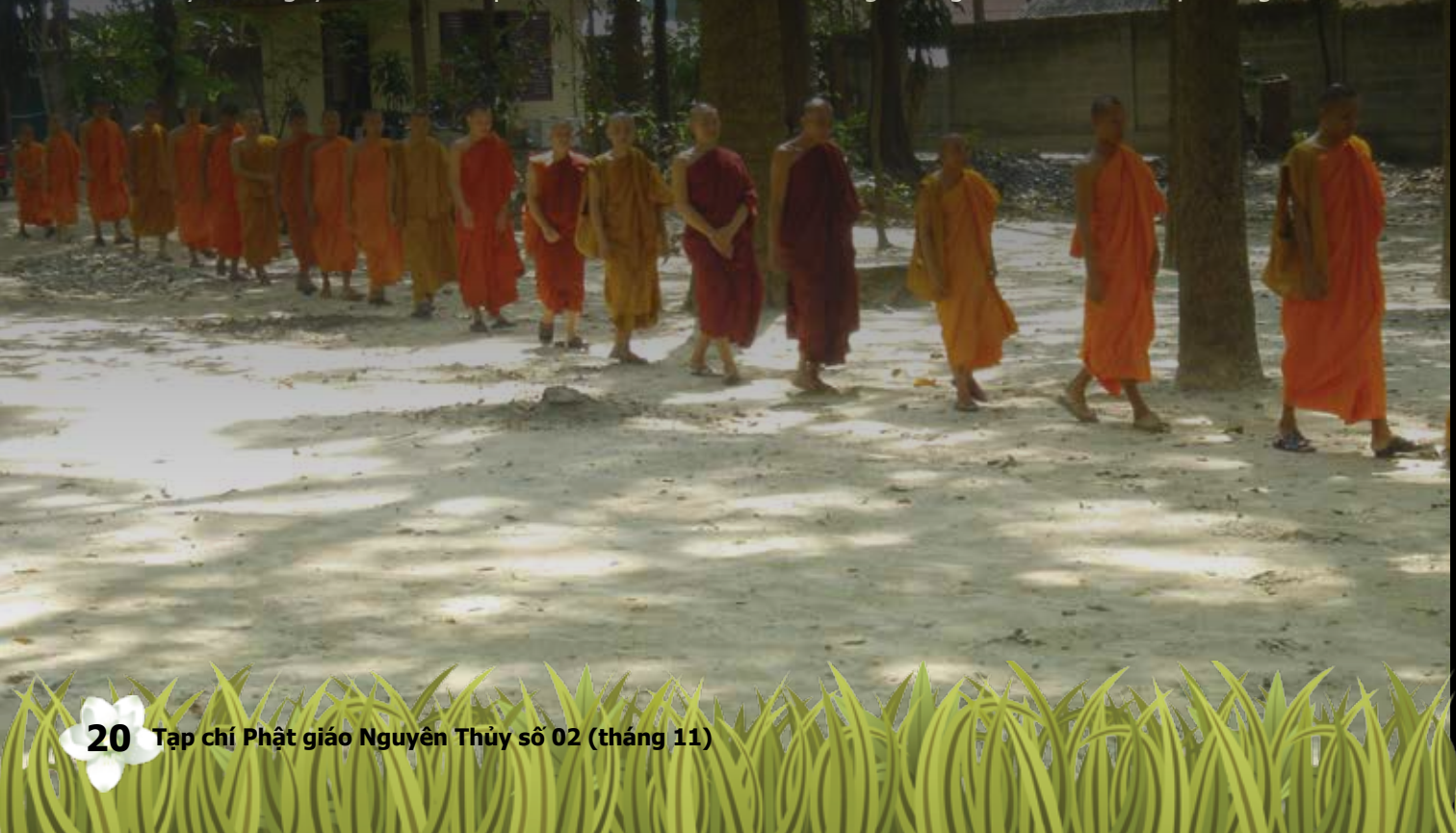
**Biên dịch:** Tỳ khưu Khánh Hỷ

Mỗi ngày đều phải tập kinh hành. Thoạt tiên hãy đan tay vào nhau và đặt trước bụng. Bóp chặt một chút để giữ sự chú tâm. Bước những bước bình thường từ đầu đường kinh hành cho đến cuối đường, phải biết mình trong suốt đoạn đường đi. Đến cuối đoạn đường, dừng lại rồi quay lui, tiếp tục đi. Nếu bị phóng tâm, hãy dừng lại để đưa tâm trở về. Nếu vẫn còn phóng tâm, hãy chú ý vào hơi thở, tiếp tục trở lại. Luôn luôn giữ tâm chánh niệm trong mọi lúc là một điều rất ích lợi.

Khi cơ thể mệt mỏi hãy thay đổi tư thế, nhưng không phải cứ thấy muốn thay đổi là thay đổi ngay. Trước tiên phải biết tại sao

muốn đổi tư thế - cơ thể mệt mỏi, tâm dao động, bất an hay lơ đãng? Ghi nhận sự đau khổ của cơ thể. Hãy quan sát một cách thoải mái và thận trọng. Tỉnh tấn thực hành là một yếu tố thuộc về tâm chứ không phải thuộc về thân. Điều này có nghĩa là hãy luôn luôn giác tỉnh trước mọi diễn biến của tâm, đừng để ý gì đến yếu tố yêu ghét. Dầu có ngồi hay đi kinh hành suốt đêm mà không giác tỉnh theo cách này thì cũng chẳng phải là tỉnh tấn chút nào.

Khi đi từ một điểm này đến một điểm khác mà ta đã định trước, hãy nhìn xuống đất trước mặt bạn khoảng hai thước và chú tâm vào những cảm giác của cơ thể. Bạn cũng có



thể niệm "Buddho" (Bút thô - Phật đà) trong khi kinh hành. Đừng sợ hãi khi thấy những gì hiện khởi trong tâm mình. Hãy đặt câu hỏi với chúng và hiểu chúng. Chân lý là cái gì khác, nằm ngoài tư tưởng hay cảm giác. Vì vậy, đừng đặt lòng tin vào tư tưởng hay cảm giác và để chúng trói buộc mình. Hãy nhìn vào toàn thể tiến trình sinh và diệt. Có như thế trí tuệ mới phát triển.

Khi điều gì hiện khởi trong tâm, phải kịp thời tỉnh giác ngay, giống như khi điện vào bóng đèn thì đèn cháy sáng ngay. Nếu bạn không để ý cảnh giác, phiền não sẽ chiếm tâm bạn. Chỉ có sự chú tâm mới đốn ngã được nó.

Sự hiện diện của những tên trộm khiến ta cẩn thận giữ gìn của cải. Cũng vậy, nhớ đến những phiền não giúp chúng ta siêng năng hành thiền.

Ai mắc bệnh đây?

Cuối mùa xuân năm 1979, Ngài Ajahn Chah đến thăm Trung tâm Thiền Minh Sát ở Barre, Massachusetts. Ngài dạy một khóa thiền mười ngày ở đây. Mỗi buổi chiều Ngài thường đi dạo quanh Trung tâm. Nhìn thấy các thiền sinh đang kinh hành chậm rãi, Ajahn Chah có nhận xét là Trung tâm thiền này chẳng khác nào một bệnh viện tâm thần để chữa trị cho những tâm hồn thể tục. Mỗi lần gặp họ, ngài Ajahn Chah thường chúc lành "Mau khỏi bệnh. Chúc các bạn mau khỏi bệnh."

Tùy theo đặc tính của từng người mà có một phương pháp hành thiền thích hợp. Niệm thân đặc biệt thích hợp với những người có nhiều tham ái hay những nhà sư trong rừng.

Niệm thân là nhìn vào cơ thể, từng bộ phận của thân thể, nhìn sự kết hợp thực sự của chúng. Bắt đầu niệm về đầu: tóc, lông, móng, răng, da. Tách rời chúng ra khỏi những phần khác của cơ thể. Hãy dùng tâm lột lớp da này để nhìn vào tận bên trong. Bạn có thích nó chẳng khi nhìn nó với từng phần riêng rẽ? Nhìn vào bản chất thực sự của thân có thể cắt được ba sự trói buộc.

1. Quan niệm làm chủ cái thân: Chúng ta sẽ nhận ra rằng chẳng có cái gì là Ta hay của Ta. Trên thế gian này chẳng có cái gì là của ta.

2. Hoài nghi: Khi hiểu các pháp đúng theo thực tướng của chúng thì hoài nghi sẽ chấm dứt.

3. Chấp chặt vào hình thức lễ nghi: Trong khi còn bị nghi ngờ ngự trị, chúng ta thường chấp chặt vào các hình thức lễ nghi, cho rằng làm vậy là không đúng, làm thế kia mới đúng, v.v... Nhưng khi thấy rõ ràng rằng thân ta cũng như mọi vật khác đều vô thường, khổ và vô ngã, lúc ấy ta sẽ không còn nghi ngờ và không còn chấp vào các hình thức lễ nghi nữa.

Khi niệm thân, chúng ta không cần niệm tất cả ba mươi hai thể trước. Nếu niệm một bộ phận mà thấy được vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì cũng thấy được toàn thân ta và thân người khác cũng đều như thế cả. Giả sử bạn có ba mươi hai viên nước đá, bạn chỉ cần sờ vào một viên cũng biết được độ lạnh của tất cả các viên còn lại.

Khi bạn có tiến bộ trong pháp niệm thân ô trước thì bạn cũng sẽ tiến bộ với pháp niệm về sự chết. Thực vậy, khi chúng ta tiến bộ về một pháp nào đó thì sẽ có tiến bộ trong các pháp khác. Nếu chúng ta hiểu được các hiện tượng chết của cơ thể chúng ta, chúng ta cũng sẽ bén nhạy trước mọi cuộc sống thế gian này. Tự nhiên chúng ta sẽ tránh khỏi mọi hành động sai lầm và muốn sống một cuộc sống hiểu biết, hòa điệu và cởi mở với mọi người, mọi chúng sanh.

Tập chú tâm

Trong khi hành thiền bạn thường nghĩ rằng sự ồn ào, tiếng xe chạy, tiếng người nói, hình ảnh bên ngoài là những chướng ngại đến quấy nhiễu bạn khiến bạn phóng tâm, trong khi bạn đang cần sự yên tĩnh. Khoan đã! Ai quấy nhiễu ai đây? Thật ra bạn là người quấy nhiễu chúng. Xe cộ, âm thanh vẫn hoạt động

theo đường lối tự nhiên của chúng. Bạn quấy nhiễu mọi vật bằng những ý tưởng sai lầm của mình, cho rằng chúng ở ngoài bạn. Bạn cũng bị dính chặt vào ý tưởng muốn duy trì sự yên tĩnh, muốn không bị quấy nhiễu. Phải học cách để thấy rằng chẳng có cái gì quấy nhiễu ta cả mà chính ta đã ra ngoài để quấy nhiễu chúng. Hãy nhìn cuộc đời như một tấm gương phản chiếu chúng ta. Khi tập được cách này thì bạn tiến bộ trong từng thời khắc một, và mỗi kinh nghiệm của bạn đều làm hiển lộ chân lý và mang lại sự hiểu biết.

Một cái tâm thiếu huấn luyện thường chứa đầy lo âu, phiền muộn. Bởi thế chỉ một chút yên tĩnh do thiền đem lại cũng dễ khiến dính mắc vào. Đó là sự hiểu biết sai lầm về sự yên tĩnh trong thiền. Đôi lúc có thể bạn nghĩ rằng mình đã tận diệt được tham lam, sân hận; nhưng sau đó bạn lại thấy bị tràn ngập bởi chúng. Thực vậy, tham đắm vào sự an tịnh còn tệ hại hơn là dính mắc vào sự dao động. Bởi vì khi dao động, ít ra bạn cũng còn muốn thoát khỏi chúng, trong khi đó bạn rất hài lòng lưu giữ sự an tịnh và mong muốn được ở mãi trong đó. Đó là lý do khiến bạn không thể tiến xa hơn nữa.

Khi hỉ lạc phi thường -- một trạng thái thuần tịnh trong thiền minh sát -- đến với bạn, bạn hãy tự nhiên, đừng dính mắc vào chúng.

Dù hương vị của sự an tịnh có ngọt ngào đi nữa cũng phải được nhìn dưới ánh sáng của vô thường, khổ, vô ngã. Hành thiền nhưng đừng mong cầu phải đạt được tâm định hay bất cứ mức tiến bộ nào. Chỉ cần biết tâm có an tịnh hay không an tịnh, và nếu có an tịnh thì mức độ của nó nhiều hay ít mà thôi. Làm như thế tâm sẽ tự động phát triển.

Dầu sao thì cũng phải có

sự chú tâm kiên cố để trí tuệ phát sinh. Chú tâm chẳng khác nào bật đèn và trí tuệ là ánh sáng phát sinh do sự bật đèn đó. Nếu không bật đèn thì đèn sẽ không sáng, nhưng không nên phí thì giờ với cái bật đèn. Cũng vậy, định tâm chỉ là cái bát trống, trí tuệ là thực phẩm đựng trong bát ấy.

Đừng dính mắc vào đối tượng như dính mắc vào một loại chú thuật. Phải hiểu mục tiêu của nó. Nếu bạn thấy niệm "Phật" khiến bạn dễ chú tâm thì cứ tự nhiên; nhưng chớ có ý nghĩ sai lầm rằng ngưng niệm Phật là lười biếng. Chữ "Buddho" (Bút-thô - Phật đà) có nghĩa là người hiểu biết thì tại sao phải lặp đi lặp lại chữ này làm gì?

### Kham nhẫn và điều hòa

Kham nhẫn và điều hòa là hai điều căn bản trong sự thực hành của chúng ta. Bắt đầu việc thực hành, chúng ta chỉ cần theo thời khóa đã được ta vạch sẵn hoặc thời khóa do thiền viện qui định. Muốn huấn luyện một con thú, ta phải câu thúc nó. Cũng vậy, muốn huấn luyện tâm, ta cũng phải kiềm chế chính mình. Gặp con thú khó dạy, ta phải cho nó ăn ít đi. Ở đây những người hành thiền giữ hạnh đầu đà, hạn chế thức ăn, y phục, chỗ trú ngụ, chỉ giữ những nhu cầu căn bản để cắt đứt tham ái. Đây là những sự thực hành căn bản của thiền.



Luôn luôn duy trì chánh niệm trong mọi tư thế, mọi hoạt động sẽ làm cho tâm an tịnh và trong sáng. Nhưng sự an tịnh này không phải là mục tiêu cuối cùng của thiền. Vắng lặng, an tịnh chỉ giúp cho tâm an nghỉ tạm thời cũng như ăn uống chỉ tạm thời giải quyết cơn đói, chớ đời sống của chúng ta không phải chỉ có chuyện ăn. Bạn phải dùng tâm tĩnh lặng của mình để nhìn sự vật dưới một ánh sáng mới, ánh sáng trí tuệ. Khi tâm đã vững chắc trong trí tuệ, bạn không còn bị dính chặt vào những tiêu chuẩn tốt xấu của thế tục và không còn bị chi phối bởi những điều kiện bên ngoài. Với trí tuệ này thì phân trở thành chất bón -- tất cả kinh nghiệm của chúng ta trở thành nguồn trí tuệ sáng suốt. Bình thường, chúng ta muốn được khen ngợi và ghét bị chỉ trích, nhưng khi nhìn với một tâm hồn sáng suốt, chúng ta sẽ thấy khen tặng và chỉ trích đều trống rỗng như nhau. Vậy chúng ta hãy để mọi sự trôi qua một cách tự nhiên để tìm thấy an bình, tĩnh lặng.

Đừng băn khoăn thắc mắc là phải bao lâu mới đạt được kết quả mà hãy bắt tay vào việc thực hành. Kiên trì thực tập. Nếu đau chân, hãy tự nhủ, "Ta không có chân." Nếu nhức đầu, hãy tự nhủ, "Ta không có đầu." Lúc ngồi thiền ban đêm, nếu buồn ngủ, hãy nghĩ, "Đây là ban ngày." Suốt thời gian hành thiền phải tỉnh giác, chánh niệm vào hơi thở. Nếu bạn có cảm giác khó chịu ở ngực, hãy để ra vài phút thở thật sâu. Nếu bị phóng tâm chỉ cần giữ hơi thở và để cho tâm muốn đi đâu thì đi -- nó sẽ không đi quá xa đâu!

Bạn có thể thay đổi tư thế sau một thời gian hành thiền, nhưng đừng để sự bất an hay khó chịu chi phối tâm mình. Nhiều lúc sự kiên trì chịu đựng đem lại kết quả tốt. Chẳng hạn, khi cảm thấy nóng, chân đau, không thể định tâm, hãy xem như tất cả đều chết, ngồi yên đừng nhúc nhích. Cảm giác đau đớn sẽ lên đến đỉnh cao nhất, sau đó sẽ tĩnh lặng và mát mẻ. Nhưng ngày kế tiếp bạn sẽ không muốn làm thế nữa. Tự luyện tập đòi hỏi phải có nhiều kiên trì, nỗ lực. Thực tập một thời gian, bạn sẽ biết lúc nào cần phải thúc đẩy,

lúc nào cần phải nghỉ ngơi thoải mái, phân biệt được thế nào là mệt mỏi, thế nào là lười biếng.

Đừng bận tâm về chuyện giải thoát. Khi trồng cây bạn chỉ cần trồng cây xuống, tưới nước, bón phân, bắt sâu. Nếu mọi chuyện này đều thực hiện đầy đủ, cây sẽ lớn lên tự nhiên. Bao lâu cây sẽ lên, đó là điều vượt ra khỏi tầm kiểm soát của bạn.

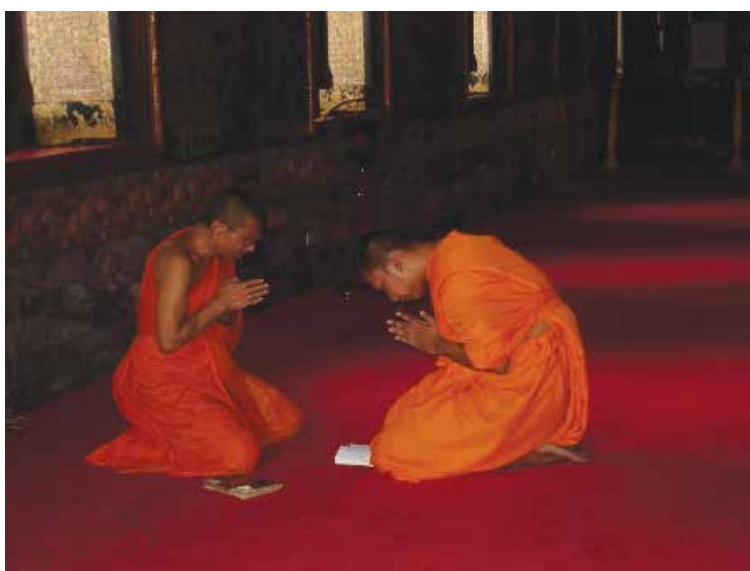
Lúc đầu kham nhẫn, kiên trì là hai yếu tố cần thiết, nhưng một thời gian sau đức tin và quyết tâm sẽ khởi sinh. Lúc bấy giờ bạn sẽ thấy giá trị của sự thực hành và bạn sẽ say mê hành thiền. Bạn không còn thích quần tụ mà chỉ muốn ở nơi yên tĩnh một mình, bạn sẽ dành thêm thì giờ để thực tập, tự học hỏi.

Hãy bắt đầu thực tập với những bước căn bản. Thành thật, trong sạch và tỉnh giác trong mọi việc bạn đang làm, bình an, tĩnh lặng sẽ theo sau. ●



# GIỚI THIỆU VỀ TẠNG LUẬT

Tỳ khưu Indacanda - Nguyệt Thiên



**T**ạng Luật (Vinayapīṭaka) thuộc về Tam Tạng (Tipiṭaka) là những lời dạy và quy định của Đức Phật về các vấn đề có liên quan đến cuộc sống và sự sinh hoạt của các thành viên cũng như các công việc của hội chúng, trong đó, chủ yếu đề cập đến các tỳ khưu, một phần dành cho tỳ khưu ni, đồng thời một số vấn đề có thể áp dụng cho hàng tại gia cư sĩ cũng được tìm thấy.

Tạng Luật được chia làm 3 phần chính: Suttavibhaṅga, Khandhaka, và Parivāra.

I. Suttavibhaṅga (Phân Tích Giới Bốn) trình bày về giới bốn Pātimokkha của tỳ khưu gồm có 227 điều học và của tỳ khưu

ni gồm có 311 điều học. Ý nghĩa của từ "sutta" ở nhóm từ "suttavibhaṅga" có ý nghĩa tương đương như là "sikkhāpada" (điều học, học giới, điều giới, ...), nếu xét theo ý nghĩa bao quát có thể gọi là "giới bốn." Như vậy, Suttavibhaṅga nghĩa là sự phân tích các điều học hoặc là sự phân tích về giới bốn (ở Tạng Kinh, từ "sutta" được dịch là "kinh", ví dụ như Brahmajālasutta được dịch là Kinh Phạm Võng, v.v...).

Theo truyền thống đang được áp dụng ở Tích Lan và Miến Điện, Suttavibhaṅga được phân làm hai: Pārājikapāli và Pācittiya-pāli. Cách phân chia này có thể do việc chia hai số lượng sách của Suttavibhaṅga và được trình bày như sau:

Pārājikapāli: Mở đầu là Chương Verañja giới thiệu việc ngài Sāriputta thỉnh cầu Đức Phật quy định điều học và công bố giới bốn Pātimokkha; khi ấy Đức Phật đang an cư mùa mưa tại xứ Verañjā. Kế đến là các điều học được trình bày theo thứ tự:

- 1) 4 Pārājika (bất cộng trụ)
- 2) 13 Saṅghādisesa (tăng tàn)
- 3) 2 Aniyata (bất định)

4) 30 Nissaggiya Pācittiya (ứng xả đối trị)

Pācittiya-pāli: trình bày phần còn lại của Suttavibhaṅga:

5) 92 Pācittiya (ứng đối trị)

6) 4 Pāṭidesanīya (ứng phát lộ)

7) 75 Sekhiya (ứng học)

8) 7 Adhikaraṇasamathā Dhammā (các pháp dần xếp tranh tụng)

9) Bhikkhunīvibhaṅga (Phân tích Giới Tỳ Khưu Ni).

Truyền thống Thái Lan cũng phân Suttavibhaṅga làm hai, nhưng căn cứ theo nội dung:

Mahāvibhaṅga (Đại Phân Tích): còn có tên là Bhikkhuvibhaṅga (Phân Tích Giới Tỳ Khưu) vì có đầy đủ phân phân tích 227 giới trong giới bốn Pātimokkha của tỳ khưu từ 4 pārājika cho đến 7 adhikaraṇasamathā dhammā. Bộ này được phân chia làm 2 tập: Tập I gồm 4 pārājika, 13 saṅghādisesa, và 2 aniyata, tập II gồm phần còn lại của giới bốn bắt đầu với 30 nissaggiya pācittiya và kết thúc với lời tụng đọc tổng kết.

Bhikkhunīvibhaṅga (Phân tích Giới Tỳ Khưu Ni) chỉ trình bày các điều học quy định dành riêng cho tỳ khưu ni, những điều học quy định chung cần phải xem ở Bhikkhuvibhaṅga (Phân Tích Giới Tỳ Khưu).

II. Khandhaka (hợp phần): Khandhaka gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương và được phân làm hai: Mahāvagga (Đại Phẩm) và Cullavagga (Tiểu Phẩm). Chúng tôi tạm dịch Khandhaka là Hợp Phần (khandha có nghĩa là khối, nhóm, uẩn, ... và tiếp vĩ ngữ -ka trong trường hợp này có ý nghĩa là thuộc về, có liên quan, ...).

Mahāvagga (Đại Phẩm): gồm 10 chương, mở đầu là sự chứng ngộ đạo quả của đức Phật, kể đến là các nhiệm vụ quan trọng của các tỳ khưu như lễ xuất gia, lễ Uposatha (Bổ

Tát), việc an cư mùa mưa, lễ Pavāraṇā (Tự Tứ), v.v...

Cullavagga (Tiểu Phẩm): gồm 12 chương đề cập đến việc hành xử các tỳ khưu phạm tội, giải quyết các sự tranh tụng, việc chia rẽ hội chúng, và các vấn đề khác liên quan đến đời sống xuất gia. Đặc biệt chương 10 đề cập việc xuất gia của tỳ khưu ni và hai chương cuối 11 và 12 nói về hai kỳ kết tập Tam Tạng đầu tiên ở Ấn Độ.

III. Parivāra (Tập Yếu): phân tích về Giới và Luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể được xem như là cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử Luật.

### Tạng Luật Tiếng Việt

Bản dịch tiếng Việt Tạng Luật của chúng tôi căn cứ vào văn bản Pāli Roman từ CD Budsir IV của trường đại học Mahidol (Thái Lan), được phân thành 5 bộ, có 8 tập:

1. Phân Tích Giới Tỳ Khưu (2 tập)
2. Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni
3. Đại Phẩm (2 tập)
4. Tiểu Phẩm (2 tập)
5. Tập Yếu

### 1. Phân Tích Giới Tỳ Khưu:

Gồm có hai tập và có thể nói gọn lại là Giới Tỳ Khưu cho dễ nhớ.

Đề cập đến nội dung, chương mở đầu Verañja trình bày về thời điểm quy định điều học cho các tỳ khưu căn cứ vào câu trả lời của đức Phật đối với sự thỉnh cầu của ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) rằng: "Này Sāriputta, người hãy chờ đợi! Này Sāriputta, người hãy chờ đợi! Trong trường hợp này, chỉ có Như Lai mới biết thời điểm." Và Ngài đã xác định về thời điểm đó như sau: "Này Sāriputta, chính bởi vì một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự đông đảo về số lượng ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh về

việc phát triển ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự dồi dào về lợi lộc nên một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này, nên bậc Đạo Sư quy định điều học và công bố giới bốn Pātimokkha cho các đệ tử nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy."

Đến các chương kế tiếp, chúng ta biết được rằng mỗi khi điều học được quy định, trước tiên có sự chỉ trích và chê bai về việc làm hay lời nói nào đó của các vị xuất gia, việc chỉ trích và chê bai lan rộng khiến các tỳ khưu nghe được và cuối cùng đến tai Đức Phật. Đối tượng vi phạm trong các câu chuyện này có thể là cá nhân hay nhóm tỳ khưu, không hẳn là phạm nhân mà ngay cả một số vị đã chứng được thiện và thần thông như các vị Devadatta với việc chia rẽ hội chúng và Sāgata do say sưa vì uống rượu, một vài trường hợp do các bậc đã chứng Thánh quả như ngài Anuruddha về việc nằm chung chỗ ngủ với người nữ, ngài Cūḷapanthaka về việc giáo huấn các tỳ khưu ni khi mặt trời đã lặn, hoặc ngài Velatṭhasīsa về việc thọ dụng vật thực đã tích trữ. Về các sự chỉ trích và chê bai, đa số phát xuất từ hàng tại gia có thể là các cư sĩ đã quy y, những người theo ngoại đạo, hoặc quần chúng bình thường, kể đến do các vị đã xuất gia, chỉ một vài trường hợp do phi nhân hạng trên hoặc dưới. Thông thường, Đức Phật triệu tập các tỳ khưu lại, xác định vấn đề, khiển trách và giáo huấn, rồi mới quy định điều học. Mỗi lần như vậy, Đức Phật luôn khẳng định về mười điều lợi ích của việc làm ấy như sau: "Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiện thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của chánh pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật." Có nhiều trường hợp, điều học đã được quy định thêm (anupaññatti), có trường hợp mức độ nghiêm khắc trong việc thực hành càng gia tăng, có trường hợp được giảm nhẹ

do nhu cầu cần thiết ví dụ như tỳ khưu bị bệnh có thể thọ thực ở phước xá hơn một lần, hoặc vị tỳ khưu có thể hén trước rồi đi chung với tỳ khưu ni ở đoạn đường có nguy hiểm hoặc chung chuyển đồ lúc sang sông. Sau phần quy định về điều học, có phần phân tích về từ ngữ và về các trường hợp vi phạm hoặc không vi phạm. Phần này cần xem xét kỹ lưỡng mới có thể hiểu được điều học thêm phần chính xác. Ngoài ra, có phần các câu chuyện dẫn giải ở 4 điều học pārajika và 5 điều học đầu của saṅghādisesa, gồm những sự việc cụ thể giúp cho hiểu rõ hơn về trường hợp vi phạm tội. Khi đọc các câu chuyện này, ta nên liên hệ với phần phân tích ở phía trước để thấy được sự phán quyết của đức Phật. Một điều quan trọng cần lưu ý rằng đối tượng chính của các điều học này là hạng tỳ khưu và tỳ khưu ni đã được tu lên bậc trên bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư, đầu tiên là vị bà-la-môn đã được ngài Sāriputta tế độ do việc bố thí một muống thức ăn (Đại Phẩm, chương I, [85]). ●



# Tương Quan Giữa CẢNH VÀ TÂM

Tỳ khưu Chánh Minh

**A**. Tính chất của cảnh  
Cảnh có hai loại: cảnh tốt (iṭṭhārammaṇa) và cảnh xấu (aniṭṭhārammaṇa).

Tùy theo mức độ tốt hay xấu, cảnh được phân thành bốn loại: cảnh cực tốt, cảnh tốt, cảnh xấu và cảnh rất xấu.

Muốn nhận định cảnh tốt hay xấu phải dựa trên năm yếu tố:

## 1/ Người thường tình

Đây là hạng người tiêu biểu cho đại chúng, là yếu tố đầu tiên để phân định tốt hay xấu.

Lẽ thường bậc cao nhân hay người có sự suy xét sâu, dù cảnh có như thế nào cũng ít bị dao động, hoặc áp chế được ngoại cảnh hoặc không bị cảnh tác động. Chỉ có thường nhân (majjhima puggala) mới có "cảm tính thiên lệch" đối với cảnh nhận biết.



Người bình thường hằng có khuynh hướng thiên về tình cảm hơn là lý trí, thích thì cho là tốt, không thích thì bảo xấu, màu trắng là trình nguyên của người này, nhưng là tang tóc cho kẻ khác, y phục nhiều màu sẽ xinh đẹp đối với kẻ yêu thích nhưng lại diêm dúa với người không ưa. Cảnh yên tĩnh thích hợp đối với người sống về nội tâm, nhưng lại đáng sợ cho những tâm hồn hiếu động ... Do đó, người hưởng cảnh là một điều kiện không thể thiếu trong sự nhận định cảnh tốt hoặc xấu.

## 2/ Tâm quả Dị thực (vipākacitta)

Trước cảnh thực tính (sabhāvārammaṇa) tâm quả dị thực sanh khởi theo quy luật tự nhiên cho dù người hưởng cảnh thích hay không thích.

Tức là đối với cảnh tốt hay rất tốt (theo thực tính) thì tâm quả dị thực thiện sanh lên theo thứ tự năm thức quả thiện, tiếp thu quả thiện, quan sát quả thiện.

Trái lại, cảnh xấu hoặc cực xấu thì tâm quả dị thực bất thiện sanh lên theo thứ tự năm thức quả bất thiện, tiếp thu quả bất thiện, quan sát quả bất thiện.

Ta không thể y cứ vào đồng lực để nhận định là tốt hay xấu được, có nhiều trường hợp đồng lực hưởng cảnh không tương xứng, cảnh tốt nhưng đồng lực lại bất thiện, như một ngoại giáo nhìn thấy Đức Thế Tôn với 32 vẻ đẹp, anh ta đón nhận hình ảnh cao quý khả kính ấy bằng tâm quả dị thực thiện, nhưng đồng lực lại là tâm sân chẳng hạn.

Có khi cảnh xấu hoặc cực xấu, nhưng đồng lực lại là thiện, như vị tỷ khưu tu thiền đề



mục tử thi, xác chết trương sinh là cảnh cực xấu, nhưng đồng lực lại là thiện thọ xả hoặc thiện thọ hỷ khi có ấn tượng (nimitta).

Do đó, ta phải dựa vào tâm quả dị thực để nhận định cảnh tốt hay xấu theo thực tính pháp (sabhāvadhamma).

## 3/ Môn (dvāra)

Môn cũng là một yếu tố để nhận định cảnh. Khi tiếp xúc với cảnh, mỗi môn nhận định cảnh theo tính cách riêng của chúng.

Cùng một cảnh, đối với môn này là tốt nhưng trở nên đáng ghét đối với môn kia, như cục phần chẳng hạn, khi áp vào thân môn ta có thể có cảm giác lạc, khá êm ái (vừa ấm ấm, vừa mềm mềm), nhưng đối với mắt hay mũi thì đáng ghê tởm.

Như vậy, rõ ràng với thân môn cục phần là tốt, với nhãn hay tỷ môn cục phần trở thành xấu.

Hoặc là một viên đá hoa văn xinh đẹp với mắt, nhưng khi chạm vào thân đau đớn, nó trở thành xấu.

Do vậy, môn cũng góp phần vào việc nhận định cảnh.

## 4/ Khía cạnh sai biệt của cảnh

Chính bản thân của cảnh cũng là một yếu tố trong sự nhận định cảnh, mà khía cạnh sai biệt của cảnh là chủ yếu. Như người có ngoại hình xinh đẹp nhưng tính tình độc ác, gian ngoa, là nỗi bất hạnh cho những ai gần gũi. Trái lại, người tuy có ngoại hình xấu xí khó coi nhưng tính tình hào phóng, nhân hậu, đó là niềm hạnh phúc cho những ai thân cận.

Hoặc giả, người có nhan sắc thiên kiều bá

mỹ, nhưng thân luôn toát ra mùi xú uế ...

Vì thế, ta phải lưu ý đến khía cạnh mâu thuẫn của chính đối tượng để nhận định cảnh tốt hay xấu.

### 5/ Thời điểm (kāla)

Thời điểm cũng có góp phần vào sự nhận định cảnh. Vào mùa hè nóng oi bức thì ngọn lửa là hung thần tàn bạo, trái lại mùa đông rét mướt ngọn lửa trở thành nàng tiên hiền dịu khả ái.

Ngọn gió là bạn hiền giữa trưa hè và trở thành gã tàn nhẫn trong đêm đông lạnh buốt...

Vậy muốn nhận định cảnh tốt hay xấu, ta phải lưu ý đến thời điểm chúng xuất hiện.

### B) TƯƠNG QUAN GIỮA CẢNH VÀ TÂM

#### 1/ Năm trần cảnh cùng hiện khởi.

Khi nói "Năm trần cảnh cùng hiện khởi" là nhấn mạnh đến môi trường hưởng thụ ngũ dục, dĩ nhiên là đề cập đến nơi trú ngụ có đầy đủ tiện nghi vật chất.

Trong trường hợp này không xác định rõ tâm lộ của cảnh nào sanh khởi trước tiên được.

Thông thường khi nói đến sự diễn biến các tâm lộ vào thời điểm này, ta phải nhớ rằng: "Mỗi tâm chỉ biết một cảnh ở mỗi thời điểm", đồng thời "Trong mỗi thời điểm chỉ có một cái tâm mà thôi". Với một cảnh sắc, một tâm lộ nhãn môn không thể ghi nhận cảnh sắc ấy đầy đủ được, việc ghi nhận đầy đủ chi tiết (như chi tiết một bức ảnh chẳng hạn) đòi hỏi rất nhiều tâm lộ nhãn môn kế tiếp nhau để đảm nhận.

Thấy được tổng thể là một lộ, nhận biết từng chi tiết, từng đường nét, màu sắc đậm nhạt ... phải do nhiều tâm lộ nhãn môn khác nhau sanh khởi (dù cũng chỉ là lộ nhãn môn

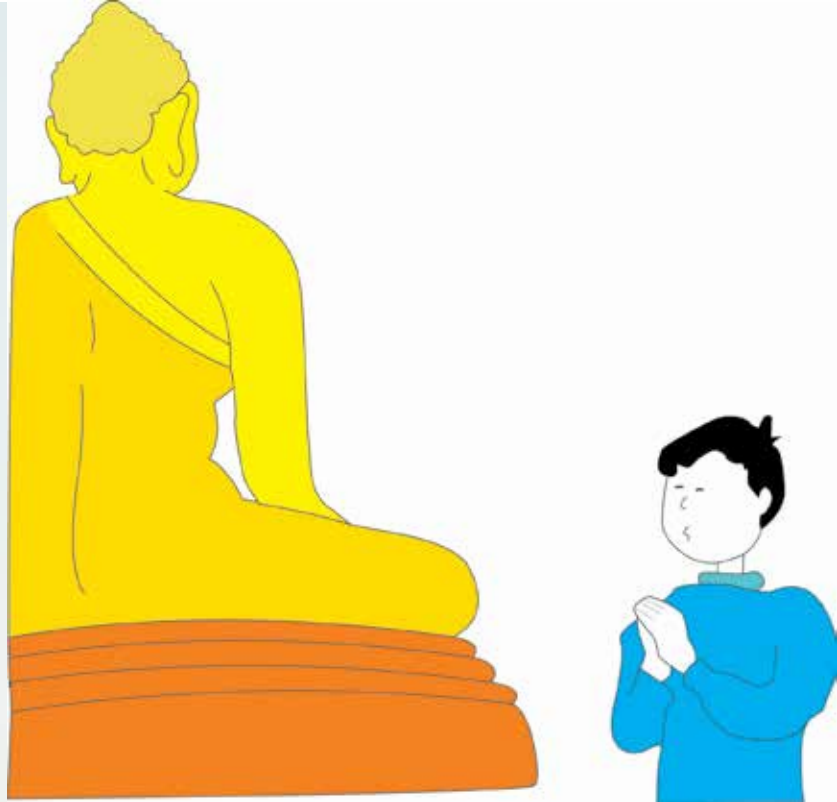
cơ bản), nhưng do tốc độ diễn hoạt của tâm quá nhanh nên ta cứ ngỡ rằng: "Chỉ một cái nhìn đơn giản là đã nắm bắt trọn vẹn một hình ảnh trước mắt".

Ở môi trường ngũ dục đã nêu, tùy theo dục ái (sở thích) của người ấy đối với cảnh nào mạnh, ý sẽ nhận lãnh cảnh ấy trước, nếu ý có thị hiếu về cảnh sắc, cảnh sắc sẽ réo gọi trước tiên, thiên về âm thanh thì cảnh thính mồi mọc, thích cảnh vị sẽ chú ý ngay đến vị dục, yêu hương thơm thì cảnh mùi chào đón, cần thân được an lạc thì chỗ ngồi hay chỗ nằm hấp dẫn ý ngay.

Tâm lộ thích ứng với trần cảnh nổi bật ấy sẽ khởi lên trước tiên, sau đó các trần cảnh khác lần lượt tiếp nối theo sau khởi sinh.

Nếu đương sự là người không có sở thích gì đặc biệt, một trần cảnh nổi bật nhất trong năm trần cảnh tại hiện trường sẽ cuốn lấy anh ta, như một tiếng động lớn, một cánh hoa sắc sỡ, một mùi hương nồng nặc...

Tóm lại, vấn đề diễn biến tâm lộ trong môi trường ngũ dục tùy thuộc vào dục ái (thị hiếu) cá biệt đối với cảnh nhiều hay ít, hoặc do sức tác động của cảnh mạnh hay yếu (còn tiếp)●





# Giao lưu với Thượng tọa THÍCH TÂM ĐỨC



Thượng tọa Thích Tâm Đức nhận bằng Tiến sĩ ở Ấn Độ năm 1997

**TN. Phước Tuệ thực hiện**

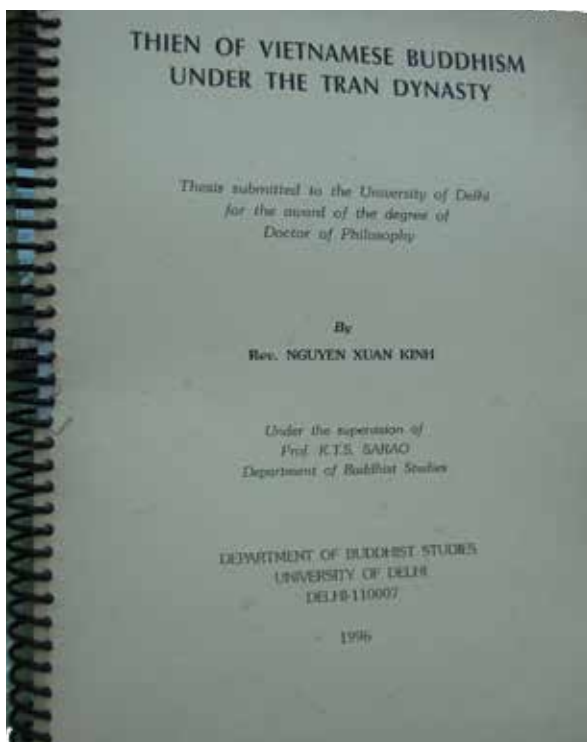
*Gặp gỡ các Tiến sĩ là chương trình thường xuyên của Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy Theravāda. Thông qua chương trình chúng tôi sẽ giới thiệu đến quý độc giả các Tiến sĩ đã và đang hoạt động tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, đang cống hiến sức lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp trồng người, đạo pháp và phồn thịnh của dân tộc. Vị Tiến sĩ được giới thiệu kỳ này là Thượng tọa (TT) Tiến sĩ Thích Tâm Đức.*

*PV: Xin Thượng tọa cho biết, Thượng tọa đã đến với Phật pháp như thế nào? Và thời gian tu học từ đó cho đến nay.*

**TT:** Tôi đến với Phật pháp đó là một nhân duyên, năm 1972 Tôi gặp Hòa thượng Ân sư Minh Châu học thiền, cùng năm đó tôi đăng ký học Phật pháp tại HVPGVNTPHCM khóa 1 với hình thức cư sĩ. Sau đó một năm, trong khi thiền định, tôi ngộ được lý vô thường, từ đó nuôi ý tưởng xuất gia và có trình với Hòa thượng ân sư, nhưng Hòa thượng bảo nên đợi qua 1975 (vì đất nước đang chiến tranh). Do đó, năm 1981 Tôi mới xuất gia sadi và năm 1985 xuất gia tỳ khưu với Hòa thượng ân sư là thầy bốn sư đặt pháp danh là Tâm Đức cho đến bây giờ. Trong khoảng thời gian học tập

như vậy Tôi thấy giữa pháp học (Kinh Pháp Hoa) và pháp hành có mối liên hệ với nhau, do đó Tôi nghiên cứu Phật pháp ngày càng sâu. Sau khi tốt nghiệp khóa 1 cử nhân Phật học tại HVPGTPHCM khoảng 8 năm sau tôi học 3 năm cao học ngành sử học tại viện KHXHTP. HCM, đến 1991 Tôi đăng ký học chương trình Tiến sĩ Phật học tại Ấn và tốt nghiệp năm 1997 với luận văn "Thiền Phật giáo đời Trần". Sau đó, đăng ký tiếp tục chương trình Tiến sĩ Triết học và tốt nghiệp năm 2003 với đề tài luận văn "Triết lý Kinh Pháp Hoa". Sau khi tốt nghiệp hai bằng Tiến sĩ là Tôi về nước hoạt động cho đến ngày hôm nay.

*PV: Thượng tọa đã hoạt động những lãnh vực nào? Những môn học nào mà Thượng tọa*



*Luận án Tiến sĩ Phật học*

*đã đảm nhiệm?*

**TT:** Sau khi về nước năm 2003 tôi dạy tại ba học viện lớn ở Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh. Các môn học mà Tôi đã hướng dẫn là: Kinh Pháp Hoa, Thiền, Triết học Ấn Độ, Phương pháp Nghiên cứu, Tư tưởng Đại Thừa, Pali.

*PV: Hiện nay Thượng tọa đang đảm nhiệm chức vụ gì? Và hoạt động chính của Thượng tọa hiện nay là gì?*

**TT:** Hiện tại, Tôi là Phó Viện trưởng HVPGVN TP. Hồ Chí Minh, kiêm Tổng Thư ký Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, kiêm Trưởng khoa Anh văn Phật pháp, là Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN. Hiện nay

Tôi đang dạy chính thức tại HVPGVN tại TP. Hồ Chí Minh. Môn dạy chính là Anh văn Phật pháp, tuy nhiên tôi cũng hướng dẫn thêm các môn Pali và tư tưởng Đại thừa.

*PV: Thượng tọa có những lời khuyên gì cho Tăng Ni trẻ ngày nay?*

**TT:** Tôi muốn nói rằng, các bạn trẻ nên cố gắng chuẩn bị cho mình một kiến thức tốt về nội điển cũng như ngoại điển, nhất là môn sinh ngữ nếu các bạn trẻ muốn đi du học thật sự. Luôn luôn trang bị cho mình sự nhẫn nại, lòng kiên trì sẽ là những yếu tố thành công cho các bạn trẻ. Ngoài ra, Tôi muốn nhấn mạnh rằng “Phật pháp vẫn thường hằng” điều đó có nghĩa là những ai đã nỗ lực tu học thiền định sẽ chứng nghiệm được trạng thái an lạc tối hậu mà Đức Phật hằng mong muốn ở mọi chúng sanh. Chánh pháp hay không không phải do Phật Pháp mà do ở người hành trì, do những người đệ tử Phật có chịu nỗ lực tu học hay không. Rất mong muốn thế hệ trẻ nhận chân được ý nghĩa cao quý của Phật pháp, để đừng đánh mất thời gian quý báu của đời mình vì sinh ra làm người thật là khó. ●



*Cổng chính Đại học Delhi*



## Ngôi chùa “LINH THIÊNG ĐẠI LỘC” của người Việt nơi xứ Phật

**Ths. Phước Định thực hiện**

Đ ư ợ c  
khởi công xây dựng vào  
năm 2009, Chùa Đại Lộc tọa lạc nơi  
vùng đất thiêng thuộc hàng bậc nhất Ấn Độ,  
gần thành Balanai. Nơi đây hơn 25 thế kỷ trước  
bánh xe chánh pháp đã được Đức Phật chuyển  
luân, sau hơn 25 thế kỷ Đại đức Tường Quang  
là người Việt đầu tiên xây dựng ngôi  
chùa Việt Nam tại khu thánh tích  
Sarnath.

**Phóng viên:** Kính bạch Đại đức, xin Đại đức cho chúng con biết nhân duyên về sự xuất hiện ngôi chùa của Phật giáo Việt Nam trên đất Ấn nói chung, Phật giáo Nam Tông (Theravāda) nói riêng?

**Đại đức, Tiến sĩ Tường Quang:** Tôi, một du học tăng đã sinh sống hơn 13 năm nơi đất Phật, với tâm nguyện đem Phật pháp trở lại Ấn Độ, xây dựng ngôi chùa nơi thánh tích mà nhiều năm qua không người Việt nào có thể thực hiện được, như quý vị biết, ở những

nơi khác: Vesali, Bodhigaya, Lumbini... đã có một số công trình chùa Việt, nhưng riêng Baranasi là nơi chưa thể thực hiện được, với ước vọng đã khó nay càng khó hơn, vì nơi đây muốn có đất, xây chùa là chuyện gần như không thể thực hiện. Nhưng với hùng tâm, đại lực chúng tôi đã phát nguyện “Con với kiếp này nếu không đủ duyên thực hiện ngôi chùa nơi đây, nguyện có tái sinh lại chúng con cũng sẽ hoàn tất tâm nguyện này”. Quả như lời nguyện vào đêm Thu năm 2008 trong chiêm bao Tôi thấy Sư tổ Hòa thượng Hộ Tông báo mộng: “Con hãy đi về hướng đại tháp Chuyển pháp luân sẽ có người giúp con”, thế là hôm sau chúng tôi đi đến đại tháp, quả thật có người giúp chỉ chúng tôi nơi có thể mua đất dựng chùa. Năm 2010 chúng tôi khởi công xây dựng với sự trùng hợp của các con số kỳ lạ: Tôi sinh năm 1969, chùa mua đất vào năm 2009, lễ động thổ vào ngày 6 tháng 12 (6+1+2=9), tượng hồng thạch cao 45 feet (4+5=9), ... có đến chín chữ kiện mang con số

này. Thú thật, chúng tôi không mê tín dị đoan hoặc có một kế hoạch trước, đây quả là sự trùng hợp kỳ lạ.

**Phóng viên:** *Kính bạch Đại đức, nhân duyên nào mà Đại đức lại có mặt ở Hà Nội nhân dịp Đại lễ 1000 Thăng Long - Hà Nội này?*

**Đại đức, Tiến sĩ Tường Quang:** Chùa chúng tôi khởi công xây dựng vào ngày 18 tháng 1 âm năm 2010, do bận rộn cho công trình xây dựng, chúng tôi không thể lơ đãng, vào đầu tháng 8 năm 2010 chúng tôi nhận được lời mời của đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ mời về dự Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, song do công việc đa đoan nên chúng tôi đã khước từ đến lần thứ ba nhưng với sự thâm tình, đại diện đại sứ quán Việt Nam cho biết đây là một dịp lễ hết sức quan trọng nên chúng tôi đành phải gác lại mọi công việc Phật sự để về thăm quê hương, tham dự đại lễ này.

**Phóng viên:** *Kính bạch Đại đức, xin Đại đức cho biết đôi nét về lịch trình tham quan và làm việc của khách mời đặc biệt từ hơn 190 Quốc gia trên khắp năm châu nhân đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội?*

**Đại đức, Tiến sĩ Tường Quang:** Lịch trình tham dự đại lễ sẽ bắt đầu từ ngày 30/09 và sẽ kết thúc vào ngày 11/10. Trong những ngày qua chúng tôi cũng đã được bố trí đi thăm nhiều nơi như Vịnh Hạ Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, ....đặc biệt đoàn có đến thăm Chủ tịch MTTQ Việt Nam Huỳnh Đảm, cũng nhân dịp này Chủ tịch Huỳnh Đảm đã trao tặng huy hiệu MTTQTV đến kiều bào và chúng tôi cũng được vinh dự đón nhận huy hiệu này.

**Phóng viên:** *Xin Đại đức cho biết sơ lược về tình hình thi công chùa Đại Lộc hiện nay?*

**Đại đức, Tiến sĩ Tường Quang:** Hiện nay chúng tôi đã hoàn tất được phần cơ bản, phần bồ đoàn kim thân tượng Phật chuyển pháp luân đã dùng hơn 2500 bao xi măng,



24 tấn sắt. Chúng tôi hiện đang tiếp tục xây dựng gác chuông có lối kiến trúc văn hóa Việt Nam mô phỏng chùa Một Cột, nhà khách và hệ thống nhà vệ sinh công cộng, dự kiến sẽ hoàn thành vào ngày 20/11 năm nay, cũng là ngày chùa chúng tôi tổ chức đại lễ dâng y Kathina quốc tế. Còn lại ba hạng mục công trình đó là tầng xá 3 tầng có thang máy, dự kiến sẽ khởi công vào tháng 5/2011 và trai đường có sức chứa hơn 100 người ăn, và nếu điều kiện tài chính thuận lợi chúng tôi sẽ hoàn thành trước ngày 20/04/2011. Dự kiến ngày khánh thành pho tượng Phật chuyển pháp luân cao 45 feet, bằng hồng thạch, nặng 700 tấn cũng là ngày khánh thành ngôi chùa Việt Nam đầu tiên tại Ba – La – Nại (Baranasi) vào ngày 02/12/2012.

**Phóng viên:** *Xin Đại đức cho biết tình hình kinh phí thi công công trình hiện nay thế nào?*

**Đại đức, Tiến sĩ Tường Quang:** Công trình chùa Đại Lộc có thể tiến hành xong phần nền móng như ngày hôm nay cũng nhờ bà con Phật tử trong và ngoài nước đóng góp ủng hộ, tổng kinh phí dự kiến 500.000 USD hiện nay còn thiếu khoảng 200.000 USD nữa thì công trình mới có thể hoàn tất ba hạng mục công trình còn lại.

**Phóng viên:** *Chân thành tri ân Đại đức đã dành cho Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy cuộc phỏng vấn thân tình nhân dịp về dự đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội này. ●*

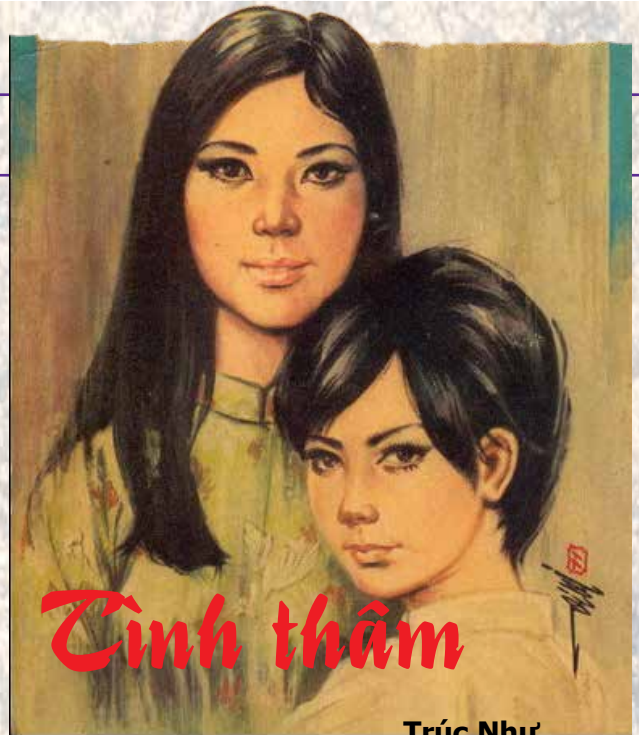
**N**gày còn bé, nó chỉ nhớ mình khi ấy đang học lớp 4, nghĩa là khoảng 9 tuổi thôi nhưng phải thay mẹ coi quán 3 đứa em xếp lớp thẳng hàng vừa trai vừa gái: 5 tuổi, 4 tuổi và 3 tuổi. Các em còn nhỏ và bám lấy người chị tay chân khăng khiu như que củi và chỉ tha khi chị phải cắp sách đến trường, sau giờ ăn trưa không quên bàn giao lại mẹ và các chị 3 đứa em nguyên vẹn, đầy đủ.

Ngày đó, nó đã được học câu ca dao: "Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ" và cũng chỉ hiểu đại khái thế nào là tình thâm.

Thế rồi một ngày nọ, con bé được học bài học lớn về tình ruột thịt nhưng không phải từ bài giảng của cô giáo trên lớp, chẳng phải từ những mẫu chuyện mà nó đọc trong sách, mà ngay chính từ con gà con bé tí mà nó rất thương được nuôi trong nhà.

Hai con gà con được nó nắn nỉ mẹ mua từ ngoài chợ về vì thấy chúng thật dễ thương với đôi cánh bé tí và luôn miệng kêu chirp chirp như tìm mẹ. Mang hai con gà con về nó như có thêm 2 đứa em siêu nhỏ để mà chăm sóc thương yêu. Nó úp cái giỏ nhựa và để vào một góc khuất trước sân nhà để làm nhà cho hai bé gà xinh có nơi trú ngụ. Cái giỏ có nhiều lỗ đủ để nó trút thóc, gạo vào tiếp tế lương thực phục vụ cho hai con gà no đủ.

Hôm ấy, trời sắp đổ mưa. Nó trông mẹ về nhanh kẻo mắc mưa sẽ lạnh nên cứ bám vào khung cửa lưới và nhìn trời. Hai đứa em thấy chị đứng trên bậc cấp tay bám lưới nên đến ôm eo đu lên. Sức nặng trĩu kéo của hai em làm đau những ngón tay nhỏ bám vào khung lưới của nó. Mưa đã bắt đầu rơi, đến khi đau quá và sắp tuột tay vì nặng, nó sợ nếu buông tay ra ngay hai em sẽ té bật ngã nên nó chống vịn chân phải xuống nền nhà. Tức thì nó nghe thấy một tiếng kêu nhỏ phát ra và cảm giác ấm nóng mềm mại ngay gót chân mình. Cả ba chị em đồng loạt thét lên kinh hoàng khi nhìn thấy một trong hai con gà con đang nằm thiêm thiếp bên vũng máu. Nó khóc thét vì thương thì ít mà hoảng sợ thì



nhiều. Có tiếng chirp chirp liên hồi như tiếng khóc của con gà còn lại đứng đó nhìn cảnh tượng đồng loại của mình ra đi. Nó ôm xác con gà còn nóng ra sân sau và đào mộ chôn. Một quãng đường không xa với nó nhưng rất xa với gà con, nhưng con gà vẫn bám sát chân nó chạy theo. Nó vừa dùng tay đào đất chôn con gà xấu số vừa khóc, nó vừa ôm con gà còn lại vào lòng và xoa dịu, xin lỗi liên tục vì chú gà vẫn kêu liên hồi. Nhưng có lẽ nó có đau lòng đến đâu vẫn không thể sánh bằng tình yêu thương đồng loại của con gà còn lại, và có lẽ trái tim của con gà ấy quá nhỏ để có thể chứa đựng được sự thương cảm quá lớn nên chú gà ấy cũng đã ra đi vào sáng hôm sau... Lần đầu tiên nó hiểu được một bài học lớn trên đời về tình yêu thương đồng loại thật sâu sắc từ ngay loài vật bé tí đáng yêu này và bài học ấy đã theo nó suốt trên 30 năm. Kể từ ngày ấy nó không bao giờ dám nuôi bất kỳ con vật nào trong nhà nữa.

Ngày nay khi đã trưởng thành, đọc vài mẫu chuyện cổ tích ngụ ngôn về tình thâm cốt nhục và sự yêu thương đến đứt ruột trong tình mẫu tử của những con vật như câu chuyện con nai của Pháp sư Tịnh Không, nó tin chắc chắn đó là điều đã có thể xảy ra trong quá khứ xa xưa vì chính nó đã học được bài học quý giá ấy từ tuổi ấu thơ của mình ngay trong thời đại này và đã khắc sâu trong tâm nó về tình yêu thương đồng loại không bao giờ phai. ●



## Tịnh lạc giữa đời

TK Huyền Vân

Hoa rơi, lá rơi, trăng cũng rơi  
Thu về sương giá trắng mịn trời  
Cuộc kêu ai oán hồn thu lạnh  
Khỏi nhạt chiều buồn liếng chuông lời  
Lời kinh muôn kiếp mãi rong chơi  
Giữa chốn trần ai, giữa cuộc đời  
Mỏi mòn tục khách nghe mà gẫm  
Thế sự đa sầu sao chẳng rời  
Xuân nở trăm hoa ngát hương đời  
Hạ về rả rích giọt sầu rơi  
Thu sang quạnh vắng thân mòn mỏi  
Đông đến bạc đầu sương tuyết phơi  
Như một con thuyền lạc biển khơi  
Sóng nước mênh mang vỗ quanh đời  
Mặt mờ đâu biết nơi nào bến  
Sương khói mê mờ giăng khắp nơi  
Khi lạc tiên bồng lúc thiên thai  
Sáu đường ba cõi nhạt dấu hài  
Hai chân viễn xứ mòn rời mỏi  
Đôi gánh phong trần trĩu nặng vai  
Ngán ngẫm phù sinh, một kiếp người  
Thế thời, thời thế, thế thời thôi  
Thắng thua, được mất hoàn tay trắng  
Một nắm xương tàn bạc lựa rồi  
Danh chỉ là hư chốn vô thường  
Lợi vốn huyênh bào cõi sâu rừng  
Thân này còn chẳng theo mình được  
Nỗi gì cuộc thế vốn tang thương

Nghiệp duyên mang nặng từ muôn kiếp  
Trả hết nợ đời khỏi vẩn vương  
Nụ cười hoan hỉ lòng thanh thản  
Nghiệp đến nghiệp đi ấy lẽ thường  
Như một cành sen giữa bùn nhơ  
Tỏa hương thơm ngát cõi mê mờ  
Vườn mình kết nụ từ đau khổ  
Vô nhiễm, vô ưu...sóng vỗ bờ!



# Cảm tác Bửu tháp Gotama

**Minh Đức Triều Tâm Ảnh**

Trăm tượng linh thiêng dựng vút trời  
Rồng châu, hăng điểm lộng trần khơi  
Lọng vàng ửng hiện mây năm sắc  
Chuông ngọc ngân rung nhạc vạn lời  
Pháp tướng tôn nghiêm màu cổ đức  
Thiền tâm uy vũ vẻ linh khôi  
Trăm hoa công hạnh, hương thơm cội  
Cây lá phước duyên, quả biếc chồi  
Phạm vũ lung linh đèn từ chúng  
Cần khôn rạng rỡ đức ba ngôi  
Ấn ai vi diệu, ân vô lượng  
Tháp báu Gotama, tuyệt tuyệt vời!

## Thầy tôi

**Ni trưởng Diệu Thành**

Thầy tôi vóc dáng lạ thư sinh  
Thuyết pháp dạy thiền lễ phân minh  
Giản dị hài hòa tâm phóng khoáng  
Thanh tao nhã nhặn tánh chân tình  
Nời làm từ lại, luôn trong sáng  
Đi đường trang nghiêm, thật từ tin  
Giải đáp cho người bao thắc mắc  
Đà gần Phật tử rất hoan nghinh.  
Bảo Tháp Bửu Long đáng uy linh  
Thước ngọc nguy nga thầy thiết kế  
Khuôn vàng trắng lẹ Tổ xưng mình  
Phật giáo Nam tông ngày thịnh vượng  
Đạo vàng Nguyên Thủy mỗi phần vinh  
Vui lòng từ chúng cùng hoan hỷ  
Bốn biển năm châu hưởng thái bình.

## KỶ 1

# QUY Y PHẬT BẢO



Phạm Kim Khánh

**P**hật là ai? Trong quyển The Buddha and His Teachings có đoạn Ngài Đại đức Narada viết như sau:

"Phạn ngữ 'Buddha' (Phật) xuất nguyên từ căn 'Budha' có nghĩa là hiểu biết hay thức tỉnh. Gọi là Phật (Buddha) vì Ngài hiểu biết đầy đủ bốn chân lý thâm sâu cao thượng (tứ diệu đế), và từ giấc mơ vô minh Ngài đã thức tỉnh. Chẳng những hoàn toàn thấu triệt mà Ngài còn có đủ khả năng truyền bá Giáo Pháp nên cũng được tôn là Samma Sambuddha (âm là tam miệu tam bồ đề), bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Chánh Biến Tri, để phân biệt với chư Phật Độc Giác (Pacceka Buddha, âm là bách chi phật), chỉ thấu triệt Giáo Lý mà không thể rọi sáng cho kẻ khác, tự giác mà không thể giác tha.

Trước khi thành tựu Đạo Quả Phật, Ngài được gọi là Bồ Tát (Bodhisatta, "Bodhi" là trí tuệ hay tuệ giác + Satta là gia công, hay chuyên chú để ... vậy, Bodhisatta, Bồ Tát, là người gia công, hay chuyên chú để thành đạt trí tuệ hay giác tuệ, người có chú nguyện trở thành Phật). Người phát nguyện gia công thành đạt Đạo Quả Phật phải trải qua thời kỳ Bồ Tát, một thời kỳ tích cực trau dồi và phát triển những phẩm hạnh: Bồ thí, trì giới, xuất gia (trong ý nghĩa khước từ, buông bỏ), trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, tâm tử và tâm xả (đó là mười đức tính cao quý

vượt hẳn thế tục, gọi là Parami -- âm là Ba La Mật --. "Param" là bên kia, sự sáng suốt, sự giác ngộ, bờ giác. "I" là đi. Theo nghĩa trắng là cái gì có thể đưa ta sang bờ bên kia, đảo bĩ nạn).

"Trong một thời kỳ chỉ có một đấng Chánh Biến Tri. Cũng như những loại cây trổ đời chỉ trở ra một bông, một hệ thống thể gian chỉ có một đấng Chánh Biến Tri".

Người phật tử hằng ngày xưng tán Đức Phật, đọc tụng mười hồng danh, tôn Đức Thế Tôn là đấng: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

**1) Đấng Ứng Cúng** (Araham, âm là Alahán). Tôn Ngài là bậc Ứng Cúng là vì:

Ngài có phẩm hạnh hoàn toàn trong sạch, đã tận diệt ô nhiễm, đã xa lìa những bợn nhơ ngủ ngầm trong tâm.

Ngài đã phá tan và thoát ra khỏi vòng luân hồi, chấm dứt chuỗi dài sống chết, chết sống triền miên và không còn tái sinh nữa.

Ngài là bậc chí tôn chí thánh, xứng đáng để cho chư Thiên và nhân loại lễ bái cúng dường. Ngài là phúc điền vô thượng, là thửa ruộng đệ nhất phì nhiêu để chúng sanh gieo trồng phước báu.



## 2) **Đấng Chánh Biến Tri - Sammasambuddho** (âm là Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Đôi khi ta thấy danh hiệu A Nậu Đà La Tam Miệu Tam Bồ Đề. "A Nậu Đà La" là phiên âm của Phạn ngữ Anuttara, có nghĩa là không ai sánh bằng. Bậc Chánh Giác (Sambuddho), thông suốt các pháp một cách chân chánh và tự mình, chứng ngộ, không thầy chỉ dạy. Nơi đây "Không thầy chỉ dạy" có nghĩa là không có vị thầy nào chỉ dạy Ngài phương pháp tu học để chứng đắc Đạo Quả Chánh Đẳng Giác.

Trong bài kinh Ariyapariyesana số 26 của bộ Trung A Hàm, Majjhima Nikaya, Đức Phật tuyên ngôn, "Name acariyo atthi", một đạo sư, ta không có. Trước kia Ngài có học với những vị thầy như Alara Kalama, Uddaka Ramaputta để hiểu thế gian pháp, nhưng để tiến đến tầng siêu thế thì chính Ngài phải tự mình suy niệm, quay cái nhìn trở vào trong và đã tìm chân lý bên trong Ngài. Theo dõi đến mức sâu xa nhất của dòng tư tưởng Ngài chứng ngộ chân lý cùng tột, chưa từng được biết.

## 3) **Đấng Minh Hạnh Túc - Vijjācaranasampanno** ("vijja" minh +

"carana" hạnh + "sampanno" đầy đủ).

Minh hạnh đầy đủ, trí tuệ viên thông, vừa sâu sắc vừa mênh mông bao quát, đức hạnh thanh cao siêu xuất.

Theo sách Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga), Ngài đầy đủ "Minh" vì là bậc Đại Giác và đầy đủ "Hạnh" vì Ngài là bậc Đại Bi. Vì là bậc Đại Giác Ngài rõ thông điều nào lợi ích và điều nào có hại cho chúng sanh và vì là bậc Đại Bi Ngài cảnh giác chúng sanh không nên làm điều bất thiện và khuyến khích chúng sanh làm điều thiện.

## 4) **Đấng Thiện Thệ - Sugata** (người đi - gato, chân chánh - su).

Ngài đi chân chánh vì đi trên Con Đường Cao Quý, tức Bát Thánh Đạo.

Ngài đi theo phương cách chân chánh vì dứt bỏ mọi luyến ái và hướng đến châu toàn.

Mục tiêu cuộc hành trình của Ngài là chân chánh vì đó là Niết Bàn.

Ngài cũng đi chân chánh vì đi thẳng đường, không quanh co hay lui tới. Từ ngày được Đức Phật Dipankara (Nhiên Đăng) thọ ký Ngài



không ngừng tạo an lành và hạnh phúc cho toàn thể thế gian bằng cách thực hành 30 pháp Ba La Mật (mười Ba La Mật, Thập Độ, ở ba tầng lớp hạ, trung, thượng khác nhau, 10x3=30) và bằng cách thẳng tiến trên con đường, không quanh co hay thiên về cực đoan nào, thường còn hay tuyệt diệt, lợi dưỡng trong nhục dục ngũ trần hay đắm chìm trong khổ hạnh v.v...

**5) Đấng Thế Gian Giải - Lokavidu** (thông suốt cả Tam giới, gồm dục giới, sắc giới, và vô sắc giới).

Tam giới thuộc về thế gian, Niết bàn là siêu thế. Ngài đã kinh nghiệm và thông suốt thấu đáo thế gian dưới tất cả mọi khía cạnh như về bản chất cá nhân, về sự phát sanh, sự chấm dứt và phương tiện đưa đến chấm dứt thế gian.

**6) Đấng Vô Thượng Sĩ - Anuttara** (không ai sánh bằng, vô song, vô thượng).

Trong toàn thể Tam giới Đức Phật có nhiều đặc tánh cao thượng, quý trọng hơn tất cả, về giới hạnh, về pháp hành thiền, về trí tuệ,

về giải thoát, về tri kiến giải thoát, không ai hơn hoặc sánh bằng Ngài, vì thế nên tôn Ngài là Vô Song, hay Vô Thượng Sĩ.

**7) Đấng Điều Ngự Trượng Phu - Purisadamma sarathi** ("sarathi" là vị hướng đạo + "purisa" là những người hữu duyên + "damma", đáng được giáo hóa)

Sách Thanh Tịnh đạo gom hai hồng danh (6) và (7) này làm một: Anuttaro Purisadammasarathi, vị chỉ đạo vô song, bậc tể độ những người hữu duyên đáng được tể độ mà không ai sánh bằng. Dầu phân làm hai hay gom làm một, chỉ khác nhau ở hình thức.

Vì Ngài rèn luyện, un đúc, khếp vào khuôn khổ giới luật những chúng sanh cần được huấn luyện và đưa những chúng sanh ấy đến giới đức trong sạch, trí tuệ tuyệt hảo v.v... nên tôn Ngài là vị chỉ đạo vô song, hướng dẫn người hữu duyên đáng được huấn luyện.

Như người trưởng toán của một đoàn xe, điều động khôn khéo, đưa tất cả về đến nơi đến chốn một cách an toàn, xuyên qua những khu rừng hiểm nguy đầy giặc cướp, thú dữ và ma quái, không có xóm làng, không vật thực, không nước uống. Vị ấy đưa thẳng xuyên, qua trọn vẹn, đầy đủ và thích nghi, đến vùng đất an lành. Cùng thế ấy Đức Thế Tôn là bậc lãnh đạo trí tuệ, điều động chúng sanh xuyên qua khu rừng sanh- tử, tử-sanh đầy chông gai và đá nhọn vô cùng hiểm nguy và lao khổ.

**8) Đấng Thiên Nhân Sư - Sattha Devamanussanam** (Bậc thầy của chư Thiên và nhân loại).

Tôn Ngài là bậc thầy vì Ngài dạy các pháp có lợi ích hiện tiền, tại nơi đây, có lợi ích trong những kiếp sống vị lai và các pháp dẫn đến mục tiêu tối hậu là Niết Bàn.

Chẳng những Ngài dạy người mà trong lúc

đêm khuya thanh vắng thường chư Thiên đến hầu Ngài và cung thỉnh Ngài từ bi chỉ giáo. Danh tánh các vị Trời, từ cảnh trời nào các vị ấy đến, các vị ấy hỏi gì, lúc Đức Phật ngự tại đâu và Đức Thế Tôn giảng giải như thế nào, tất cả đều có ghi lại đầy đủ trong Tam Tạng Kinh. Riêng Bộ Tạng A Hàm, một trong năm bộ của Tạng Kinh (Sutta Pitaka) có dành trọn một chương ghi những cuộc vấn đạo của chư Thiên.

### 9) Đấng Giác Ngộ - Buddho (Phật).

Từ giấc mơ vô minh Ngài đã thức tỉnh, Thành Đạo dưới cội bồ đề. Đây là kết quả của công phu tích cực tu tập, thực hành tròn đủ 30 pháp ba la mật trong suốt bốn A tăng kỳ (Asankeyya kappa) và một trăm ngàn đại kiếp. Trong kiếp sống cuối cùng, "sau cuộc chiến đấu kỳ diệu phi thường kéo dài sáu năm đằng đẳng, không có sự hỗ trợ từ bên ngoài và không được sự hướng dẫn của một năng lực siêu phàm nào, cô độc một mình và chỉ nương nhờ sự nỗ lực của mình, Bồ tát Cồ Đàm, lúc ấy ba mươi lăm tuổi, tận diệt mọi ô nhiễm ngũ ngã từ vô lượng tiền kiếp, chấm dứt mọi tiến trình tham ái và chứng ngộ thực tướng của vạn pháp, trở thành một vị Phật (Buddha), bậc Toàn Giác".

Để trả lời vị bà la môn Dona, muốn biết Phật là ai, Đức Phật tuyên ngôn:

"Như hoa sen đẹp để và dễ  
mến,

Không ô nhiễm bùn dơ nước  
đục

Giữa đám bụi trần ta không  
wướng chút bận nhơ,

Như thế ấy, Ta là Phật"

(Anguttara Nikaya, Tăng  
Nhút A Hàm, phần 2, trang 37).

Không phải khi sanh ra Ngài  
đã là Phật mà Ngài thành Phật  
nhờ sự nỗ lực của chính mình.  
Ngài đã tỉnh giấc, nhận thức rõ  
ràng những đau khổ của chúng  
sanh đang còn mê ngủ và chứng

nghiệm hạnh phúc an lạc của Niết Bàn. Với  
tâm từ vô lượng, tâm bi vô biên, Ngài châu du  
hoằng hóa, tế độ chúng sanh trọn 45 năm.

**10) Đức Thế Tôn - Bhagava** (một danh  
từ diễn đạt lòng tôn sùng kính mộ).

Đây là một hồng danh đặc biệt mà Ngài  
thành đạt do sự liễu ngộ vô thượng, Chánh  
Đẳng Chánh Giác, cùng với tri kiến toàn hảo.

Khi thấu hiểu những đức hạnh, trí tuệ, công  
đức và lòng từ bi vô lượng của Đức Phật thì  
một cách hồn nhiên tâm ta tràn ngập những  
tư tưởng tri ân, kính mộ, tôn sùng, quý mến  
v.v... ta nhận định chắc chắn rằng đó hẳn là  
nương tựa châu toàn nhất mà chúng sanh có  
thể có và từ đó, nảy nở một niềm tin vững  
chắc nơi Đức Bốn Sư và, cũng một cách hồn  
nhiên, từ đáy lòng giục ta đọc lên câu: "Bud-  
dham saranam gacchami". Tôi xin về nương  
tựa nơi Đức Phật.

Một triết gia trứ danh người Đan Mạch,  
Ông Fausball, tán dương Đức Thế Tôn với  
những lời lẽ như sau: "Càng hiểu biết Ngài tôi  
càng quý mến Ngài".

Cổ Đại Đức Narada, người Tích Lan, phụ  
họa: "Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến  
Ngài. Càng quý mến Ngài tôi càng hiểu biết  
Ngài. Một tín đồ tử tôn của Đức Phật sẽ nói  
như vậy" (còn tiếp). ●





# QUẢ BÁO KHỦNG KHIẾP

**Minh Đức - Triều Tâm Ảnh**  
(tiếp theo & hết)

Cái quả báo khủng khiếp của vị tỳ khưu trụ trì thuở xưa, vì nguyên nhân một miếng ăn, một chút gan tỵ mà đốt cháy vật thực, không phải ngang đây là chấm dứt. Cái kiếp ngu si, bần cùng, khổn khổ, bất hạnh tương tự như trên còn kéo dài đến năm trăm đời sau nữa.

Kiếp cuối cùng, nó sanh thú tại Kosala, trong một làng đánh cá, tại một gia đình nghèo khổ. Từ khi nó tượng hình trong thai bào người vợ thì cả ngôi làng, gồm một ngàn gia đình rơi vào thảm họa, tổn hại. Cá trong biển dường như trốn đi đâu mất hết, dân làng thường phải trở về tay không mỗi ngày, mỗi tuần. Họ phải đi xa hơn, ngoài ranh giới của mình, thế là bị Đức Vua xử phạt bảy lần! Rồi tiếp theo là ngôi làng bị cháy bảy lần! Thế rồi, cả làng chỉ còn tay trắng, nghèo đói cùng cực.

Họ bàn với nhau:

"- Trước kia, chúng ta không có như vậy. Làng của chúng ta chắc chắn phải có một "con số đen" nào đây, phải tìm cho ra!"

Rồi họ phân thành hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm gia đình. Chuyện lạ xảy ra. Nhóm nào có cha mẹ nó thì vẫn đen đủi, xui xẻo. Nhóm kia dần dần được tăng thịnh, hết đói nghèo.

Người ta lại chia hai cái nhóm năm trăm gia đình "con số đen", mỗi bên hai trăm rưởi gia đình. Nhóm có cha mẹ nó vẫn như cũ còn nhóm kia bắt đầu có may mắn. Tuần tự chia đôi mãi như vậy, người ta tìm ra được gia đình có nó đầu thai, rồi tấn xuất cả gia đình nó ra khỏi làng.

Người chồng biết cái "quái thai" kia nằm trong bụng vợ nên cũng sợ hãi, trốn vợ bỏ đi luôn. Thật khổn khổ cho người đàn bà bụng mang dạ chửa, lê lết tấm thân gầy đi xin ăn qua bữa. Cuối cùng, đứa bé cũng được sinh ra.

Vì là đời sống cuối cùng nên đầu có bị khổn khổ, đói rét, đứa bé vẫn không thể chết. Như ngọn đèn nằm trong chiếc ghè, điều kiện để thành A-la-hán cháy đỏ trong tim của nó.

Khi đã biết đi, biết chạy, người mẹ giao cho đứa bé một cái bát và bảo nó đi ăn xin, rồi bỏ trốn. Bà nghĩ rằng, cứ mang nó cho đến bây giờ quả là tận tình, tận nghĩa đối với nó rồi.

Từ đó, nó sống một mình, tìm đồ ăn tại chỗ này, chỗ kia, không một mảnh vải che thân, nằm ngủ đầu đường, xó chợ. Nó tìm sống một cách cực khổ như một con quỷ ăn bùn, bới trong những đồng rác, lượm những hạt cơm đổ tại các cửa nhà, moi móc những đồ ăn thừa người ta rửa, thải từ các mương



*Nàng Chinh Cha vu cáo Đức Phật*

cống...

Hôm nọ, bậc tướng quân Chánh Pháp đang đi khất thực ở Xá Vệ, thấy đứa bé, động tâm suy nghĩ: "Chẳng biết nó là con của ai, ở đâu mà sống một đời đáng thương hại như vậy?" Rồi khởi lòng bi mẫn, Ngài gọi:

- Này con, hãy đến đây!

Đứa bé đến, thấy dung nghi của trưởng lão, một niềm kính trọng sâu xa khởi lên, nó liền chấp tay đánh lễ rồi đứng khấp nép ở một bên.

- Con ở làng nào? Cha mẹ con ở đâu?

- Thưa tôn giả, con không có nơi nương tựa. Cha mẹ con, vì con mà đời sống quá khổn khổ, quá mệt mỏi nên họ đã bỏ rơi con và trốn đi.

Ngài Xá Lợi Phất ân cần:

- Này con, con có muốn sống đời xuất gia như ta không?

- Con muốn lắm. Đứa bé nói - Nhưng ai sẽ cho kẻ khốn nạn như con xuất gia?

- Ta, ta sẽ cho con xuất gia.

Tôn giả Xá Lợi Phất sau khi cho đứa bé ăn các món ăn loại cứng và mềm, dắt về tịnh xá Kỳ Viên, tự tay tắm rửa cho y, rồi cho đứa bé xuất gia làm sa di đuổi quạ. Đến tuổi trưởng thành, trao cho đại giới, từ đấy được gọi là tỳ khưu Losaka.

Losaka do nghiệp quá khứ còn dư sót nên ít được phước báu, ít nhận được các món ăn cúng dường. Dầu cho có được bố thí lớn cách mấy, không gì sánh nổi, bụng của vị tỳ kheo này cũng không được no, chỉ vừa đủ để duy trì mạng sống cầm chừng mà thôi! Một muỗng cháo là hình như đã tràn đầy bình bát của vị ấy. Người ta luôn luôn cảm thấy bát của vị tỳ kheo này đã đầy - dầu bên trong không có gì - nên họ lại đem dâng cúng cho vị đi sau.

Tỳ khưu Losaka, tu hành rất tinh tấn, thiền quán tăng trưởng, sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Tuy vậy, Ngài cũng chỉ được món ăn cúng dường ít ỏi. Vì thiếu thốn vật thực nên thọ hành giảm thiểu và ngày Niết bàn Vô dư đã đến.

Bậc tướng quân Chánh Pháp, hôm ấy hưởng tâm đến, biết được thọ hành của người đệ tử, bèn nghĩ rằng: "Losaka hôm nay sẽ nhập Niết bàn không có dư y. Ta làm thế nào cho vị ấy được một bữa ăn no bụng lần cuối cùng?"

Thế rồi, tôn giả dẫn Ngài Losaka vào Xá Vệ để khất thực. Dầu cả thành phố ai cũng biết tôn giả, nhưng hôm ấy, không hiểu tại sao, cả hai, không nhận được một lời chào hỏi, huống nữa là cúng dường! Tôn giả Xá Lợi Phất bảo ngài Losaka về tịnh xá, ngồi tại giảng đường rồi tôn giả sẽ gởi vật thực về cho.

Khi không có tỳ khưu Losaka đi bên cạnh, tôn giả liền đầy một bát, đầy hai bát. Tôn giả cẩn thận soát ra nhiều phần, gắp vị tỳ khưu

nào, tôn giả cũng nhờ mang về cho tỳ khưu Losaka đang đợi ở giảng đường. Rồi tôn giả lại đi bắt tiếp cho mình.

Kinh kể rằng, vì nghiệp ác xui khiến nên tất cả những người tôn giả Xá Lợi Phất nhờ mang về, đều quên, không đem vật thực cho tỳ kheo Losaka, họ ăn hết, hoặc họ sốt cho vị khác.

Đến trưa, khi về tịnh xá, ngài Losaka tìm đến đánh lễ, tướng quân Chánh Pháp ân cần hỏi:

- Này hiền giả! Hiền giả có nhận được chút ít vật thực nào chăng?

Vì là bậc thánh, ngài Losaka trả lời nhũn nhặn:

- Thưa tôn giả! Rồi con sẽ nhận được.

"Rồi con sẽ nhận được"! Nghĩa là hiện giờ thì chưa nhận được! Tôn giả Xá Lợi Phất ngẩng đầu nhìn trời. Đã quá ngộ!

- Hãy ngồi xuống đây, hiền giả! Tôn giả Xá Lợi Phất nói nhanh - Hãy ngồi xuống đây và chỉ đợi ta trong giây lát thôi.

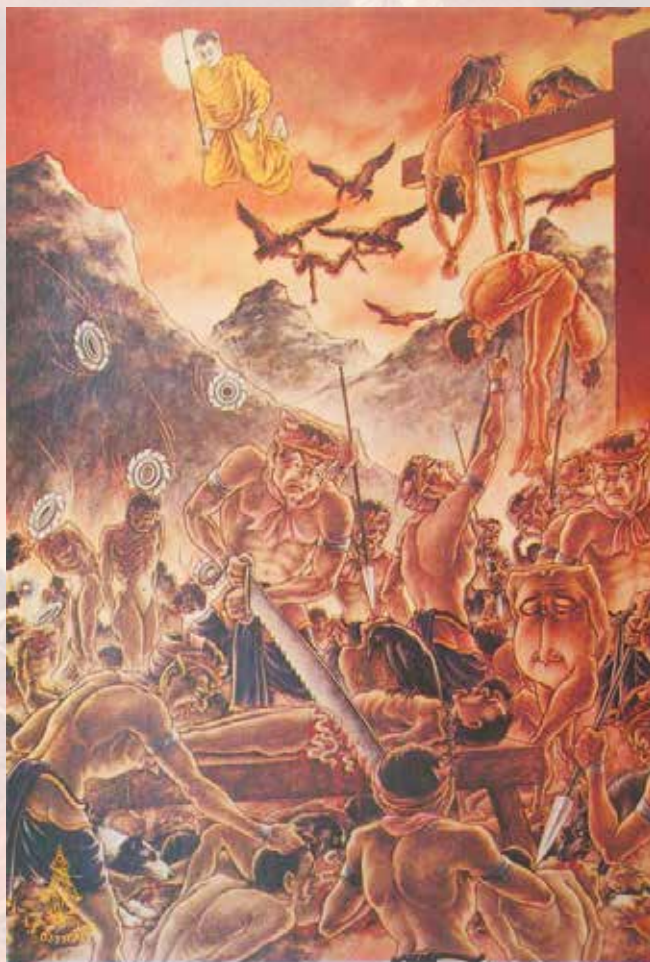
Xong, như cánh chim ưng vàng, tôn giả quăng bát qua hư không, vận thần thông lực, bay đến trú xứ của Vua Kosala. Ở đây, sau khi nhận đầy bát bốn loại bánh ngọt và những thức ăn phi thời, tôn giả mau chóng trở về, đứng, cầm bình bát và nói:

- Này hiền giả Losaka, hãy ăn đi. Đây là những thức ăn phi thời được phép dùng. Ta cho phép hiền giả cứ lấy ăn.

Nhưng ngài Losaka vì lòng kính trọng thầy, không thể để thầy đứng cầm bát cho mình ăn, nên còn ngần ngại.

Tôn giả lại nói:

- Này hiền giả! Đáng quý thay là đức hạnh cung kính, nhưng đây là do ta cho phép chứ không phải tự ý của hiền giả. Ta cầm bát và đứng, còn hiền giả cứ lấy bánh mà ăn. Vì sao

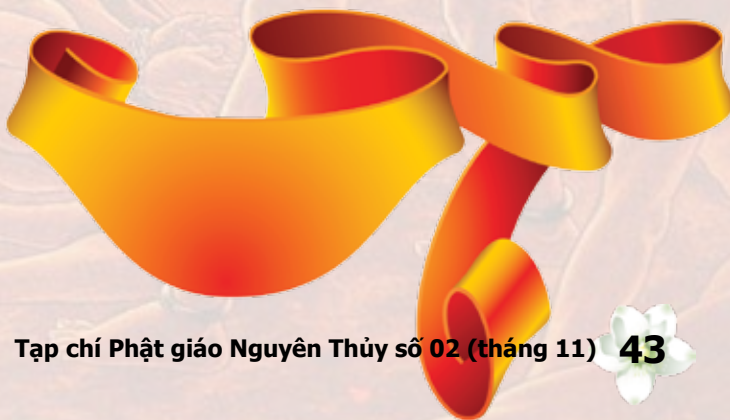


*Quả báo của những ai không giữ giới*

vậy? Vì ta biết rõ rằng, khi tay ta vừa rời khỏi bình bát thì sẽ không còn một vật thực nào ở đây nữa!

Do thần thông lực của bậc tối thượng thủ duy trì nên bánh đã không biến mất do nghiệp còn dư sót của tỳ khưu Losaka, nên hôm ấy ngài được ăn một bữa ăn no bụng trong suốt một kiếp làm người!

Sau đó, tỳ khưu Losaka nhập Niết bàn. Đức Chánh Đăng, Chánh Giác đứng một bên chứng kiến thi hài được hỏa táng. Các Xá Lợi được thu nhận và điện tháp được xây dựng để tôn trí lên trên. ●



*Ngày 2 tháng 9 năm Canh Dần  
lễ tưởng niệm lần thứ 13 ngày  
cố Hòa thượng Thích Siêu Việt  
- Phó chủ tịch HĐTS. GHPGVN  
- Tăng Trưởng PGNT viên tịch*

## ĐẠO TÌNH CÒN MÃI

Khi nhận được tin Hòa thượng Siêu Việt thân viên tịch năm 1997, dù biết rằng vô thường, lão bệnh không hẹn cùng ai, sớm còn tối mất đã qua đời khác, nhưng Tôi vẫn không ngăn được niềm xúc cảm trước sự ra đi của bậc cao Tăng, bậc Trưởng lão của Hệ phái Phật giáo Nam tông. Hôm nay, khi viết đôi dòng về hành trạng tưởng niệm cố Hòa thượng Siêu Việt, trong lòng Tôi một lần nữa trào dâng niềm xúc cảm đối với bậc trưởng lão, suốt đời lo cho đạo pháp, phục vụ dân tộc theo năm tháng không phai mờ.

Khi nhắc đến Hòa thượng Siêu Việt, trong lòng Tăng Ni, phật tử đều bày tỏ sự tôn kính. Mỗi lời nói của Hòa thượng là những đạo từ khả ái, mỗi bước đi của Hòa thượng đều thể hiện tinh thần đạo vị dung thông. Mỗi cử chỉ của Hòa thượng là hình ảnh giải thoát vô ngại, mỗi việc làm của Hòa thượng là thí giới khai tâm, tế độ cho hàng hậu học xuất gia cũng như tại gia. Có thể nói mọi lời nói, mọi việc làm của Hòa thượng đều là hậu côn, xương minh đạo pháp, báo Phật ân đức. Với đạo tâm trác thế của bậc cao Tăng, tuy hôm nay Hòa



**HT . Thích Hiền Pháp**

- Phó Pháp chủ HĐCM. GHPGVN  
- Phó Chủ tịch HĐTS. GHPGVN

thượng không còn nữa nhưng trong lòng Tôi vẫn khắc ghi những đạo tình mà Hòa thượng đã dành cho Tôi .

Nhớ lại những năm tháng đấu tranh cho sự nghiệp thống nhất Tổ quốc của nhân dân miền Nam, thỉnh thoảng Tôi tiếp kiến với Hòa thượng để trao đổi một số vấn đề Phật sự cũng như phương cách vận động Tăng Ni, phật tử phát huy truyền thống yêu nước. Mỗi lần tiếp kiến với Hòa thượng là mỗi lần Tôi thêm được một phần kinh nghiệm. Với phong cách của người đạt đạo, Hòa thượng như có

duyên tương ngộ với Tôi, vì mỗi lần gặp Tôi  
Hòa thượng trao gửi bao điều kỳ vọng.

*Đạo tình gửi trọn từ đây,  
Nước non đạo pháp dựng xây chung lòng  
Đạo tâm hòa nhịp muôn điều  
Tri âm hà tất phải phiền Bắc Nam.*

Từ đạo tình tương ngộ lúc đất nước chìm trong khói lửa chiến tranh, sau ngày hòa bình lập lại, đạo tình ấy lại hội đủ nhân duyên để nó càng thắt chặt. Dù bận nhiều phật sự của chùa cũng như của Phật giáo Nam Tông, nhưng khi tôi tiếp kiến, Hòa thượng dành nhiều thời gian để trao đổi về việc thống nhất Phật giáo toàn quốc. Hòa thượng luôn ưu tư về việc thành lập một đại gia đình Giáo hội Phật giáo Việt Nam, với đầy đủ các tổ chức Giáo hội, hệ phái tham gia, đồng thời Hòa thượng luôn nghĩ tới đất nước, nhân dân và Phật giáo chùa tháp nơi Hòa thượng sinh ra, lớn lên và trở thành nhà Phật học uyên thâm. Năm 1979, Khi đất nước chùa Tháp thoát họa diệt chủng, Tôi vinh dự được cùng Hòa thượng và phái đoàn Phật giáo TP. Hồ Chí Minh tham dự hội nghị về vấn đề tổ chức và khôi phục Phật giáo tại TP. Phnom Penh và Hòa thượng được cử làm trưởng đoàn Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, với uy tín và tài đức của mình, Hòa thượng được cung thỉnh làm thầy yết ma truyền giới, phục hồi Tăng tướng cho 7 tỷ Khmer Campuchia trước đó, cùng đi trong đoàn có Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm (1979). Tại Hội Nghị này, Hòa thượng đã hoàn thành nhiệm vụ của một nhà Phật học lỗi lạc, uyên thâm trên mọi phương diện và thể hiện một thâm tình đối với Phật giáo đất nước chùa Tháp, trong chuyến Phật sự lần đó, Hòa thượng đã mang theo một bộ Đại tạng kinh Pāli Khmer để cúng dường cho Giáo hội Phật giáo Campuchia làm tài liệu học tập sau khi họa diệt chủng. Bằng nghĩa cử đó Hòa thượng đã nêu cao uy đức của bậc cao Tăng đã để lại dấu ấn tốt đẹp thắt chặt tình hữu nghị giữa hai dân tộc và hai Giáo hội Việt

Nam – Campuchia.

Rời đất nước chùa Tháp về nước, lúc này thân tứ đại của Hòa thượng theo duyên tăng giảm, nhưng khi về đến Việt Nam Hòa thượng vẫn không một phút nghỉ ngơi. Hòa thượng tiếp tục công việc của mình cho sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam được hình thành thì mới tròn ý nguyện, đồng tâm hiệp lực xướng minh Phật pháp. Theo Hòa thượng, kinh nghiệm của những năm tháng trước 1975, Phật giáo Việt Nam như một bó đũa bị tách rời nên chưa thể hoàn thành các Phật sự trọng đại. Việc thống nhất Phật giáo Việt Nam là hoài bão chung của bao thế hệ tiền bối các tổ chức giáo hội, hệ phái, bằng uy đức của một bậc trưởng lão hệ phái Phật giáo Nam tông, Hòa thượng đã đóng góp nhiều công đức cho sự nghiệp thống nhất Phật giáo toàn quốc. Sau khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981, với trách nhiệm thành viên của HĐTS/ GHPGVN, Hòa thượng tích cực cùng với chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội để giải quyết những Phật sự chung, cũng như của Phật giáo Nam Tông. Vào những năm 1990, lúc này sức khỏe của Hòa thượng không được tốt, nhưng luôn hoàn thành trách nhiệm của mình đối với Giáo hội và hệ phái. Trong giải quyết sự việc, Hòa thượng luôn thể hiện đức tính từ hòa, độ lượng nhưng





cương quyết. Cuối cùng mọi việc đều được giải quyết thấu lý đạt tình.

Ôn lại một vài kỷ niệm, không thể nói lên tất cả những đạo tình mà Hòa thượng và Tôi cùng chung lo Phật sự. Qua những hồi ức này cũng đủ để nói lên những công đức và đạo hạnh của Hòa thượng trong mấy mươi năm thác tích ta bà, tuy nay hóa duyên đã mãn nhưng những hành trạng của Hòa thượng mãi mãi là những bài học vô giá cho hậu tấn học tập trên hành trình tầm cầu giác ngộ giải thoát "Thế gian chỉ thấy ngàn non đẹp, đâu hay đức cả xá gì cổ kim". Thật vậy, chánh pháp của Đức Phật tùy thời, tùy xứ, tùy duyên: đạo mầu được phổ cập đó đây nhờ bi nguyện độ sanh của bậc xuất trần thượng sĩ. Hòa thượng đã đi vào đời bằng tinh thần đại sĩ, tỏa ngát hương lành, đem thân huyễn độ người như huyễn, giống lời âm vang rền tiếng pháp, gương uy mãnh từ đây hiển hiện. Hòa thượng hiện thân trần thế, tùy duyên giáo huấn người trong mộng, chung lo Phật sự biết bao nhiêu tình. Dù thời gian có dần trôi, không gian có biến dịch, song công đức và đạo hạnh của Hòa thượng luôn sống mãi trong tâm tư, trong nếp sống của mọi người. Hạt vàng cất cánh bay xa, từng xanh rữ lá; thuyền bát nhã xuôi dòng bản thể, cơm Hương Tích rau Tàu Khê vắng bóng người pháp lữ, nay Tôi lấy nước bát đức làm mực, hương giải thoát làm

giấy để ghi lại đôi dòng t ư ở n g niệm bậc thạch trụ thiền gia, bậc lương đồng của

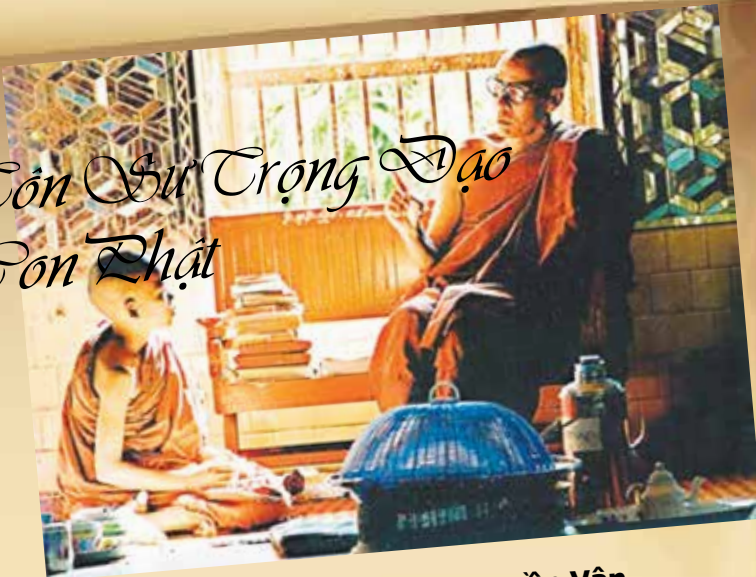
Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã sớm trở về cõi Niết Bàn vô tung bất diệt. Một nén tâm hương, đôi dòng tưởng niệm để gọi là đạo tình còn mãi. Hành trạng của Hòa thượng biết nói sao cho hết, Tôi xin mượn lời của một vị thiền sư cứu chỉ để thay lời tưởng niệm và kính cẩn dâng lên Hòa thượng bao niềm kính nhớ, tiếc thương một bậc trưởng lão khả kính:

*"Giác liễu thân tâm bản ngưng dịch  
Thần thông biến hóa hiện chư tướng  
Hữu vi vô vi từng thủ xuất  
Hà sa thế giới bất khả lượng  
Tuy nhiên biến mãn hư không giới  
Nhất nhất quan lai nhất hành trạng  
Thiên cổ vạn cổ nan tỵ hương  
Giới giới xứ xứ thường vắng lặng"*

Trong ý nghĩa niết bàn vô tung bất diệt pháp thân lồng lộng khắp mười phương, vì tình linh sơn cốt nhục, nghĩa Thích tử công bằng, với lòng thành kính ghi đôi dòng tưởng niệm, xin giác linh Hòa thượng minh giám. ●



## Tinh Thần Tôn Sư Trọng Đạo Của Người Con Phật



Đại đức Huyền Vân

Trong Phật giáo, ý nghĩa của “Tôn sư trọng đạo” được Đức Phật nhắc nhở nhiều hơn qua các bài giảng có liên quan về sự tri ân và báo ân mà một người con Phật phải thực hành để đưa đến phước báu an lạc và hạnh phúc tối thượng trong đời sống tu tập để có thể tự hoàn thiện và tiến hóa mình từ một con người phàm phu đầy dẫy tham ái và si mê trở nên những bậc Thánh hiền vô nhiễm, vô cấu, thuần tịnh và trong sáng nhất.

Nền tảng đạo đức hay nền tảng của giới luật của Phật giáo đa phần dựa trên tinh thần và tôn chỉ thiêng liêng ấy. Ngay cả trong kho tàng đạo đức và luân lý của người Việt Nam ta cũng có câu “Tiên học lễ, hậu học văn” hay “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” v.v...do đó tinh thần tôn sư trọng đạo là một đạo đức căn bản không chỉ của người con Phật hay bất cứ tín đồ của Tôn giáo nào mà còn là nền tảng chung cho toàn thể nhân loại khi bắt đầu tập tễnh bước chân vào con đường học vấn.

Như vậy chữ “Thầy” đã được biết đến như một vai trò thiêng liêng của một bậc thứ ba trong cuộc sống con người sau cha và mẹ. Nếu cha mẹ sanh ra và nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn thành người thì thầy cô chính là người đã vun đắp, xây dựng và truyền trao cũng như trang bị cho chúng ta những kiến thức căn bản và hữu dụng để làm hành trang bước vào cuộc đời.

*Ngày nào em bé con con  
Bây giờ em đã lớn khôn thế này  
Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy  
Nghĩ sao cho bỏ những ngày ấu thơ.*

Người Thầy được xem như một người cha thứ hai trong cuộc sống của chúng ta qua hai từ ghép “sư phụ” vô cùng thiêng liêng mà chúng ta thường được nghe nhắc đến khi gọi một người thầy trong đạo giáo. Sư phụ, sư là thầy, phụ là cha theo từ ngữ Hán

Việt. Vừa làm thầy mà lại vừa làm cha thật không dễ chút nào đối với một người mang trách nhiệm của một đấng mô phạm. Vì nó gắn liền cả hai trách nhiệm mà một đấng mô phạm phải mang đến cho học trò của mình, những đứa con tinh thần mà thầy phải hết lòng dạy dỗ, chăm sóc ưu tư, trăn trở.

Chính bản thân Đức Phật là một hình ảnh sống động về tư cách cũng như vai trò và trách nhiệm của một bậc đạo sư đối với đồ chúng, đệ tử của Ngài. Đức Phật không chỉ là một người thầy đã hướng dẫn cho đệ tử bước đi trên con đường Thánh thiện mà Ngài còn vô cùng dịu dàng, ân cần trong việc chăm sóc và bảo bọc chúng đệ tử trong cuộc sống hằng ngày. Hình ảnh vô cùng sống động đó đã được thấy trong bài kinh Pháp cú số 41 khi Đức Phật đích thân đun nước nóng để tắm rửa lau chùi thân thể lở loét, hôi hám đầy mủ máu của Đại đức Pūtigattatissa khi Đại đức mang phải chứng bệnh phong cùi, lở loét hôi hám khiến cho mọi người sợ hãi và xa lánh Đại đức. Đức Phật không hề ghê sợ hay xa lánh đệ tử của Ngài mà Ngài còn ân cần cời y, tự tay lau chùi và vệ sinh thân thể cho Đại đức Pūtigattatissa, sau đó cũng tự tay Ngài đích thân thay y mới cho Đại đức, thay tấm trải giường, mền gối mới trong khi các vị Tỳ khưu khác lo việc quét dọn và vệ sinh căn phòng thật sạch sẽ và thoáng mát.

Sau khi Đại đức Pūtigattatissa đã hoàn toàn sạch sẽ, Đức Phật ân cần ngồi xuống cạnh bên, âu yếm nắm lấy bàn tay khẳng khiu, thô ráp và già nua của đệ tử mà dạy cho đệ tử quán niệm về sự tiêu hoại của xác thân ngũ uẩn và dẫn dắt tâm của Đại đức Pūtigattatissa bước vào con đường thanh tịnh tinh khiết. Cuối cùng trước khi trút tàn hơi, thở bên bậc đạo sư khả kính, Đại đức Pūtigattatissa đã trở thành một bậc Thánh vô lậu, một bậc A la hán hoàn toàn thanh tịnh và tinh khiết cả thân và tâm. Đó chính là tấm lòng cũng như tình thương vô bờ vô bến của một người thầy, một người cha mà chúng ta thường gọi là sư phụ qua hình ảnh là tấm gương của một Đấng Pháp vương ba cõi, Từ phụ bốn loài như Đức Phật của chúng ta.

Trong kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt (Sigālovāda sutta) thuộc Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya), Đức Phật cũng dạy cho thanh niên Bà La Môn Thi Ca La Việt (Singālaka) về tư cách của người thầy đối với học trò, và học trò đối với thầy tương ứng với tư cách lễ bái phương Nam như sau: *"Này gia chủ tử, có năm cách, đệ tử phụng dưỡng các bậc sư trưởng như phương Nam: Đứng dậy để chào, hầu hạ thầy, hằng hái học tập, tự phục vụ thầy, chú tâm học hỏi nghề nghiệp. Này Gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách như vậy, các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ tử theo năm cách: Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện; dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì; dạy cho thuần thực các nghề nghiệp; khen cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì; dạy cho thuần thực các nghề nghiệp; khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc; bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt. Này Gia chủ tử, như vậy là bậc sư trưởng được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách và sư trưởng có lòng thương tưởng đến đệ tử theo năm cách. Như vậy phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sợ hãi."*

Như vậy theo tinh thần của bài kinh này, chúng ta thấy, Đức Phật đã nêu lên năm phận sự của người thầy đối với học trò của mình và ngược lại, người học trò cũng phải

có năm nghĩa vụ đối với bậc ân sư của mình một cách đầy đủ và trọn vẹn nhất để có thể được xem là xứng đáng được đánh lễ như đánh lễ phượng Nam.

Trong môi trường chùa chiền thì trách nhiệm của một người thầy lại càng nặng nề hơn một nhà giáo ngoài đời. Nhà giáo ngoài đời thì truyền trao kiến thức còn nhà giáo trong chùa thì phải dắt dẫn học trò của mình đi hết một quãng đường dài lê thê vô tận. Không những dắt dẫn và truyền trao những phương pháp tu tập để thanh lọc thân tâm mà thầy giáo trong chùa còn phải chăm sóc, bảo bọc, chở che và nuôi dưỡng đồ chúng đệ tử của mình với trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ.

Đức Phật dạy về bốn phương pháp giáo dục đệ tử của Ngài với người chăn ngựa cho nhà vua như sau:

1. Dùng phương pháp mềm dẻo
2. Dùng phương pháp cứng rắn
3. Kết hợp mềm dẻo và cứng rắn
4. Giết chết.

Ba phương pháp trên thì không cần phải bàn cãi nhiều vì chúng ta đều hiểu được dễ dàng vì nó là phương pháp giáo dục được áp dụng nhiều nhất trong các môi trường sư phạm. Nhưng riêng phương pháp cuối cùng thì Đức Phật giải thích cho người chăn ngựa biết là Đức Phật giết chết không giống như tư cách của một kẻ sát sanh mà ý Đức Phật muốn nói chính là sự tùy duyên tùy nghiệp. Nếu đã áp dụng cả ba phương pháp trên là: Dạy về sự an lạc của đời sống thiện lành; hai là dạy về quả báo đau khổ của đời sống tội lỗi; ba là dạy về đau khổ và hạnh phúc của nhân quả, nhưng cuối cùng đệ tử vẫn không chịu hiểu và thực hành theo những gì tốt đẹp thì buộc lòng Đức Phật đành phải tùy duyên tùy nghiệp của chúng sanh. Vì hạng đệ tử đó, Đức Phật ví như cái bình bát lật úp không thể chứa đựng bất cứ thứ gì hay hạt đậu tròn không thể nằm yên trên bắp vế trơn láng. Do đó không thể dạy dỗ được nữa thì để cho kẻ cứng đầu ương bướng đó tự sanh tự diệt. Lời dạy của Đức Phật luôn hướng đến sự bất tử, nhưng nếu người nào không thực hành theo cũng đồng nghĩa là họ mặc nhiên chấp nhận sự chết và đồng ý lặn trôi trong vòng sanh tử luân hồi.

Trách nhiệm của một người thầy là không nhỏ và không đơn giản, vì nếu chúng ta vụng về trong cách giáo dục và dẫn dắt thì Đức Phật dạy trong Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikāya) là: *"Người khéo thuyết giảng thì mang lại an lạc cho chư Thiên và nhân loại, vụng thuyết thì chỉ mang đau khổ đến cho tất cả chúng sanh."* Trong bất cứ môi trường sư phạm nào thì cũng phải áp dụng những phương pháp giáo dục dựa trên tinh thần từ bi và trí tuệ. Là một người thầy thì càng phải trau dồi đức hạnh và sự nhiệt tâm với nghề cao quý là "thầy thiên hạ". Một người thầy có đức độ, có phẩm chất, có đạo hạnh chính là một tấm gương sáng cho hàng đệ tử học trò noi theo. ●

# PHÒNG BỆNH ALZHEIMER

## Sáu bước đơn giản để giữ đầu óc minh mẫn

**Tác giả: Bác sĩ Mehmet Oz và Michael Roizen**  
**Nguyễn Minh Tâm dịch theo S.F**

**P**hức trình mới nhất của chính phủ cho biết rằng thuốc bổ (supplements), hay thuốc chữa bệnh không giúp gì được cả trong việc ngăn ngừa bệnh Alzheimer, tức là bệnh mất dần trí nhớ, bệnh lú lẫn. Đây là căn bệnh nhiều người già bị vướng phải, giống như trường hợp của cựu Tổng thống Ronald Reagan.

Nhưng nếu chúng ta đọc thật kỹ phức trình của chính phủ, để ý đến những dòng chữ nhỏ, chúng ta sẽ tìm thấy được nhiều thông tin hữu ích trong việc gìn giữ những tế bào chất xám trong đầu không bị lão hoá.

Sự thực được báo cáo này đưa ra cho chúng ta thấy là không có hồ sơ chứng liệu nào cho biết thuốc chữa bệnh, hay thuốc bổ đem lại ích lợi cho việc chống lại căn bệnh quái ác này. Nhưng ngược lại, phức trình đó lại đưa ra những bằng chứng rõ ràng là nếu chúng ta chịu khó tập thể dục, tỏ ra năng động, ăn uống lành mạnh, giữ cho áp huyết thấp để máu có thể đưa lên não dễ dàng, chúng ta sẽ ngăn ngừa được bệnh mất trí nhớ.

Bản phức trình không giải thích vì sao. Nhưng chúng tôi sẽ phân tích cho độc giả biết rõ: Không phải mọi hiện tượng mất dần trí nhớ - dementia - đều trở thành bệnh

Alzheimer. Nhưng đầu óc của chúng ta trở nên cùn lụt khi lớn tuổi là do ảnh hưởng gộp của nhiều yếu tố khác nhau.

Yếu tố chính là óc của chúng ta không nhận đủ máu đưa lên đầu, vì mạch máu bị tắc nghẽn, hay bị hở, gọi chung là vascular dementia..

Trong cả hai trường hợp trên đều khiến cho trí nhớ của chúng ta trở nên yếu kém, sự suy nghĩ của chúng ta trở nên loạng quạng (fuzzy), hậu quả bởi việc óc của chúng ta không nhận đủ dưỡng khí (oxygen) và đường (blood sugar).

Nhiều bệnh nhân của căn bệnh Alzheimer không ít thì nhiều đều vướng phải tình trạng vascular dementia.

Những trở ngại khi suy nghĩ mà các cụ già gặp phải phần lớn vì máu không đưa lên đầu dễ dàng.

Chúng ta có thể ngăn ngừa những rắc rối này, hay sửa chữa những trục trặc đó bằng cách giữ cho mạch máu dẫn máu lưu thông lên não bộ được thông suốt dễ dàng.

Phòng bệnh là biện pháp chúng ta nên làm sớm. Điều này có nghĩa là chúng ta cần làm

những gì để giúp máu bơm lên đầu dễ dàng.

Mỗi ngày đi bộ, ít nhất 10,000 bước đi:

Hoạt động thể lực giúp máu chạy đều lên óc. Phân bón tự nhiên cho não bộ chính là máu đưa lên đầu. Mỗi ngày ráng bước đi khoảng 10,000 bước chân, bằng cách này hay cách khác để máu từ tim đi lên đầu. Các nghiên cứu khoa học cho thấy các cụ già trên 65 tuổi chịu khó tập thể dục ít nhất ba lần một tuần tránh được một phần ba rủi ro vướng bệnh Alzheimer.

Bạn có thể làm một trong những hoạt động sau đây tùy theo sở thích của mình:

- Đi bộ, làm vườn, hay khiêu vũ.

- Ăn theo thực đơn có nhiều rau và hoa quả như người Hy Lạp

- Rau tươi, trái cây tươi là thức ăn chính cho bộ óc. Trong hoa quả và rau có chứa chất "flavonoids" giúp tăng cường sức mạnh cho hệ thống ngăn ngừa độc tố. Trong một cuộc nghiên cứu nhóm đàn ông, đàn bà thích ăn rau quả tươi, uống trà, cà phê, hay rượu nho, có nhiều chất flavonoids. Họ thường có não bộ hoạt động tốt hơn người không dùng rau quả tươi.

Sự suy sụp của não bộ tránh được tới 10 năm. Ngoài ra, nhiều cuộc nghiên cứu khác cho thấy mỗi tuần uống vài lần nước ép từ rau quả, sẽ giúp ngừa được 76% bệnh lú lẫn, hay mỗi ngày uống khoảng 900 mg thuốc bổ để thay thế rau, sẽ giúp tăng sự bén nhạy của trí óc, và giúp trẻ thêm được khoảng 3.5 tuổi.

- Hay ăn theo thực đơn của dân Địa Trung Hải

- Ăn uống hàng ngày giống thực đơn của người Ý và người Hy Lạp, gồm có rau tươi, hạt đậu (grain), dầu olive, cá, và các loại hạt (nuts) sẽ giúp áp huyết giữ ở mức tốt.

- Ăn theo kiểu dân Địa Trung Hải sẽ giúp đầu óc minh mẫn sáng suốt tránh được bệnh

Alzheimer khoảng 48%.

Cương quyết từ bỏ thuốc lá vì người hút thuốc lá có nhiều rủi ro bị Alzheimer hơn người không hút thuốc đến 80%

- Đừng uống rượu mạnh quá độ.

Đa số những người nghiện rượu đều vướng vào bệnh Alzheimer. Đàn bà chỉ nên uống rượu tối đa mỗi ngày một ly thôi. Đàn ông được uống tới hai ly. Uống một chút rượu có lợi cho việc gìn giữ tế bào chất xám. Nhưng uống nhiều quá lại gây nguy hại cho đầu óc, 25% người bị bệnh mất trí nhớ dính líu đến nghiện rượu.

- Ráng duy trì huyết áp ổn định ở mức thấp

Huyết áp cao có thể làm cho mạch máu trên đầu bị hở hay đứt. Chính vì vậy, các chuyên gia y tế nói rằng huyết áp cao là nguyên nhân của 50% trường hợp gây ra lú lẫn, hư trí nhớ. Chúng ta hãy ráng duy trì huyết áp ở mức thấp – lý tưởng là 115/75 – bằng cách ăn uống lành mạnh, tập thể dục hàng ngày, giữ trọng lượng thân thể thấp, đừng để lên cân, béo mập. Nên theo dõi mức đường trong máu. Bệnh tiểu đường, hay thậm chí sắp sửa bị tiểu đường cũng là dấu hiệu báo trước có thể bị hở mạch máu đầu, gây ra bệnh lú lẫn. Bệnh tiểu đường dễ làm các mạch máu nhỏ bị hở, và chảy máu trong não.

- Tránh đừng để bụng phệ

Vòng bụng ở tuổi trung niên to báo hiệu trước có thể bị vướng bệnh lú lẫn khi về già. Cuộc nghiên cứu theo dõi 6,000 người đưa ra kết quả cho thấy cái bụng phệ rất hại cho động mạch chính dẫn máu về tim, và máu lên đầu. Vì thế cho nên chúng ta nên cố gắng duy trì vòng bụng dưới 35 inches cho các bà, và dưới 40 inches cho các ông.

Chỉ có một bộ phận nên gìn giữ cho to lớn; đó chính là não bộ của bạn. ●

## Kỳ 1

# Đại Hội Kết Tập Kinh Điển Lần Thứ Nhất

Tỳ khưu Suvijjo

*Trong truyền thống kinh tạng Pali, sau khi Đức Phật Níp bàn, có 6 kỳ kết tập kinh điển Pali diễn ra trong Phật giáo. Kỳ 1, 2 và 3 diễn ra ở Ấn Độ, kỳ 4 ở Tích Lan, Kỳ 5 và 6 ở Miến Điện. Được biết kỳ 7 sẽ kết tập tại Tích Lan vào năm 2011. Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả 6 kỳ kết tập kinh điển. Kính mời quý vị đón đọc.*

### A) NGUYÊN NHÂN

Ngài Mahākassapa nhận thấy Đức Thế Tôn nhập Níp-bàn mới có một tuần lễ mà lại có chuyện không hay xảy ra trong Tăng đoàn. Chuyện là lúc ngài Mahākassapa và năm trăm tỳ khưu đang chu du truyền đạo ở Pāvā và nghe tin loan truyền từ người này sang người nọ, là Đức Thế Tôn viên tịch. Trước tin chẳng lành đó, một số chư Thánh Tăng điềm nhiên trong oai nghi tế hạnh, còn một số phàm Tăng thì buồn bã tiếc nuối bậc Đạo Sư rằng: "Sao Thế Tôn vội Níp-bàn sớm, ánh sáng chân lý và pháp nhãn biến mất ở đời!" Rồi chư Thánh Tăng an ủi và khuyến khích chư Phàm Tăng bằng thuyết vô thường. Tuy nhiên, lúc đó có một vị tỳ khưu lớn tuổi và mới xuất gia tên là

Subhadda chưa có niềm tịnh tín nơi bậc Đạo Sư nên có những thái độ và những lời nói bất kính với Đức Phật như sau:

- "Này đạo hữu! Tại sao các vị thương tiếc nhiều đến Đức Phật làm chi, Ngài đã viên tịch rồi thì chúng ta về sau sống thoải mái hơn lúc trước nhiều, không còn nghe những lời khuyên răn trách cứ nữa: "Hãy như thế này, hãy như thế kia ...". Kể từ hôm nay chúng ta muốn làm gì thì làm, không còn bị ràng buộc bởi các giới luật, vì Đức Phật đã viên tịch rồi".

Câu nói của vị tỳ khưu già đó tỏ ra xem thường giáo pháp và chưa gì thì muốn tách rời pháp luật của bậc Đạo sư. Ngài Mahākassapa nghe như vậy cảm thấy xót xa và lo ngại cho tiền đồ của Phật giáo, nhưng Ngài làm ngơ để lo chu toàn việc hỏa táng Đức Thế Tôn. Sau khi an táng Thế Tôn xong, Ngài đem câu chuyện ấy trình bày lên Tăng chúng và nói lên sự lo ngại cho nền đạo pháp về sau:

- Nếu vậy thì từ nay phi pháp, phi luật sẽ phát huy, pháp và luật sẽ suy đồi; chủ trương phi pháp, phi luật sẽ nhiều, còn những chủ trương pháp luật sẽ bị giảm thiểu.

Cho nên với tư cách là một vị tăng được Đức Thế Tôn ban cho là đệ tử bậc nhất về "Hạnh đầu đà", ngài Mahākassapa không muốn đạo pháp mai một về sau, và liền đứng ra triệu tập 500 vị Thánh Tăng để kết tập. Tuy nhiên Ngài chỉ tuyển chọn được 499 vị nghĩa là còn thiếu một vị nữa. Ngài thấy không vị nào ngoài đại đức Ānanda được, vì đại đức là một vị lâu thông Phật ngôn do Đức Thế Tôn thuyết giảng trong suốt 45 năm. Tuy nhiên, đại đức chưa phải là bậc Thánh A La Hán vô lậu nên ngài Mahākassapa động viên đại đức, và chờ đại đức khi nào đạo quả viên mãn thì cuộc kết tập mới khai mạc.

### **B) NIÊN ĐẠI, ĐỊA ĐIỂM, VỊ CHỦ TỌA VÀ NGƯỜI BẢO TRỢ**

Niên đại chính xác của đại hội kết tập kinh điển lần thứ nhất là sau ba tháng Đức Thế

Tôn viên tịch.

Ngài Mahākassapa triệu tập đầy đủ 500 vị A La Hán với nhau tại thạch động Sattapanna trên núi Vebhāra ở thành Rājagaha để kết tập Phật ngôn.

Sau khi tuyển chọn thành phần kết tập và đã có địa điểm sẵn, ngài Mahākassapa bắt đầu tụng tuyên ngôn và đề nghị với chư Thánh Tăng ba điều:

- Số lượng tham dự kết tập kỳ này chỉ chọn 500 vị mà thôi, trong thời gian kết tập không được thêm hoặc bớt.

- Chọn thạch động Sattapanna trên núi Vebhāra trong thành Rājagaha là địa điểm kết tập.

- Cấm tuyệt đối những vị tỳ khưu nào không phải là thành viên kết tập kinh điển đến an cư kiết hạ mùa mưa tại thành Rājagaha. Lý do như vậy là để phòng hai điều xảy ra:

- a) Chư vị kết tập sẽ gặp khó khăn trong vấn đề đi khất thực.

- b) Phòng ngừa sẽ có những vị ác tâm đến phá cuộc kết tập kinh điển.

Chư Thánh Tăng đã thỏa thuận với nhau ba điều trên, rồi cùng nhau vân tập đến thành Rājagaha yêu cầu nhà vua A Xà Thế (Ajatthasittha) giúp đỡ bằng cách cho mở rộng 18 Tăng đường cho chư vị kết tập có chỗ nghỉ ngơi. Đức vua hoan hỷ nhận lời và đứng ra bảo trợ toàn bộ chi phí cuộc kết tập kinh điển.

Lúc này đại đức Ānanda cũng vừa đắc quả vị A La Hán nên đại hội bắt đầu khai mạc. Người chủ tọa kết tập Tam tạng lần thứ nhất là Trưởng lão Mahākassapa, đồng thời Ngài cũng là vị văn đạo sư về pháp luật. Trưởng lão Upāli đã từng được Đức Phật tuyên dương trước đại chúng là đệ nhất về trì luật và đã thông thạo những điều giới luật Đức Phật đã đặt ra, về thời gian, địa điểm và đối tượng phạm giới lúc Ngài còn sinh tiền, cho nên Ngài được chọn là vị đáp những câu hỏi của ngài Mahākassapa. Còn Trưởng lão Ānanda





*Ngài Mahākassapa đánh lễ bàn chân của Đức Phật lần cuối trước khi hoá tạng.*

vốn đệ tử nhứt của Đức Phật về hạnh đa văn, am tường những bài thuyết của Đức Thế Tôn trong suốt 45 năm, do đó chư Thánh Tăng chọn đại đức làm vị đáp về Kinh tạng lần Vi Diệu tạng.

### C) PHƯƠNG PHÁP KẾT TẬP

Trước tam vị tuyên ngôn xác định vai trò và vị trí của mình trong cuộc kết tập mà được chư Thánh tăng đã chọn lựa, ngài Mahākassapa lần lượt nêu từng điều luật tỉ mỉ và chi tiết như sau: "Này hiền giả Upāli! Nguyên nhân thế nào Thế Tôn cấm chế điều luật này? Ai phạm? Điều phụ chế của điều luật ấy thế nào? Thế nào là sự phạm tội trong những điều luật này?". Ngài Upāli căn cứ trên những câu hỏi ấy mà đáp một cách rành mạch, theo thứ lớp. Mỗi câu trả lời của Ngài Upāli, chư Thánh Tăng cùng tụng lại điều luật ấy. Nếu không thấy sự lầm lẫn gì trong câu đáp, các Ngài nhất trí nhau tuyên bố rằng đây là điều luật Thế Tôn cấm chế và ban hành. Áp dụng cách thức kết tập như vậy cho đến hết phần Luật tạng, và trong đại hội kết tập lần thứ nhất này phân Luật tạng chia ra làm năm phần lớn: Ādikamma, Pācittiya, Mahāvagga, Cullavagga, Parivāra.

Khi kết tập phần Kinh tạng, các Ngài nhất trí là bắt đầu bằng bài kinh Phạm Võng (Brahmajāla sutta). Ngài Mahākassapa vẫn như sau: "Này hiền giả Ānanda! Nguyên nhân nào mà Thế Tôn thuyết bài kinh này? Địa điểm ở đâu? Đối tượng thuyết giảng là ai? Nội dung của từng bài kinh là gì?". Đại đức Ānanda trả lời xong, rồi chư Tăng bắt đầu

cùng nhau tụng lại và xác nhận đây là lời của Thế Tôn. Cách thức như vậy cho hết phần Kinh tạng, đồng thời trong kỳ kết tập này các Ngài cũng phân ra năm bộ Nikāya. Cuộc kết tập này kéo dài bảy tháng mới hoàn thành.

Sau cuộc kết tập, đại đức Ānanda có bạch với chư Thánh Tăng rằng lúc Như Lai sắp sửa viên tịch, Ngài có dạy: "Khi ta viên tịch các vị có thể bỏ bớt những giới học nào không quan trọng". Ngài Mahākassapa hỏi đại đức Ānanda học giới nào là không quan trọng, đại đức Ānanda trả lời vì lúc Đạo Sư Níp bàn, đại đức quá bận rộn nên không hỏi điều đó. Ngài Mahākassapa với tư cách là chủ tọa liền tuyên tụng trước chư Thánh Tăng như vầy: "Kính bạch chư Tăng, vấn đề giới luật rất quan trọng, nó liên quan đến đời sống của sa môn, nhưng Thế Tôn trước khi viên tịch không nói rõ điều nào không quan trọng. Vì vậy cho nên kính xin chư Thánh Tăng từ nay về sau chư vị đừng thêm mà cũng đừng bớt học giới nào mà Thế Tôn đã chế định, cứ vậy mà thực hành". ●

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Malalasekera, *Dictionary of Pāli Proper Names*, Pāli Text Society ấn hành
- 2) Tỳ kheo Minh Huệ dịch, *Đại Vương Thống Sử (Mahāvamsa)*
- 3) Tỳ kheu Giác Nguyên, *Phật Giáo Sử*
- 4) P.V. Bapat, *2500 Years of Buddhism*
- 5) W. Rahula, *History of Buddhism in Ceylon*
- 6) Lê Hương, *Sử liệu Phù Nam*
- 7) HT. Thích Thanh Kiểm, *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*.



## Vài nét về

Lúc đầu Phật giáo Nam tông mới du nhập, Hòa thượng (HT) Hộ Tông có biên dịch quyển nghi lễ NHẬT HÀNH DÀNH CHO CƯ SĨ, KINH TỤNG dành cho Chư tăng và LUẬT XUẤT GIA dành cho Sa di và Tỳ khưu, đây là ba quyển nghi lễ đầu tiên của Phật giáo Nguyên thủy nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế và cần thiết cho Tăng Ni và Phật tử trong bối cảnh sơ khai. Giai đoạn hai, từ năm 1963 đến 1980, Hòa thượng Pháp Tri căn cứ theo ba quyển nghi lễ của HT. Hộ Tông và tham khảo một số nghi lễ quốc tế biên soạn thêm một quyển NHẬT TỤNG CƯ SĨ và Hòa thượng Siêu Việt có biên soạn một quyển nghi lễ CẦU AN VÀ CẦU SIÊU để đáp ứng nhu cầu cho Phật tử trong giai đoạn đầu. Hơn 10 năm qua Thượng tọa Tăng Định với tư cách là Ủy viên Ban Nghi lễ Trung ương, Thượng tọa đã dày công biên soạn 2 quyển nghi lễ: KINH NHẬT TỤNG CƯ SĨ và KINH TỤNG CHƯ TĂNG, hai công trình trên biên soạn khá nghiêm túc vì có tham khảo nghi lễ Thái Lan, Campuchia, và Miến Điện. Chính nhờ những vị Hòa thượng, Thượng tọa trên đã dành thời gian quý báu để soạn dịch một số nghi lễ Phật giáo Nam tông nên chư Tăng và Phật tử có nghi lễ để nương theo tu hành đúng theo chánh pháp.

Nghi lễ Phật giáo Nam tông đơn giản, nhưng không thiếu phần trang nghiêm. Vì chú trọng ở nội tâm hơn là hình thức. Đa số những bài kinh tụng niệm đều có nguồn gốc từ kinh tạng Pāli được chuyển dịch sang Việt ngữ. Phần Việt ngữ đôi chỗ là văn xuôi, đôi chỗ là văn lục bát hay song thất lục bát v.v... nên cũng dễ gần gũi với người Việt, chứ không phải như một số người hiểu sai cho rằng Phật giáo Nam tông chỉ tụng kinh Pāli. Thông thường Phật giáo Nam tông truyền bá đến nước nào đều phải dịch ra ngôn ngữ của quốc gia đó, tuy nhiên nghi lễ lúc nào cũng sử dụng song ngữ, nếu thời gian không cho phép nghi lễ tiếng Pāli ngắn dành lại nghi lễ Việt ngữ dài để đáp ứng nhu cầu thực tế của Phật tử tại gia.



## NGHI LỄ NHẬT TỤNG CƯ SĨ NAM TÔNG\*

Phật giáo Nam tông thường có một số nghi lễ: Xuất gia, thọ y Kāṭhina, công phu sáng, công phu chiều, rằm tháng giêng, rằm tháng tư, rằm tháng sáu, rằm tháng bảy, rằm tháng chín, chúc thọ cha mẹ, quy y, bát giới, ngũ giới, trai tăng, cầu an, cầu siêu v.v...

Tóm lại, Phật giáo Nam tông Việt Nam không đặt nặng nghi lễ, vì chuộng đời sống chân thật, mộc mạc và đơn giản, nhưng rất quan tâm tới giới luật, vì vậy có một số đặc điểm như sau:

- Kính lễ nhau theo tôn ti hạ lập, nhưng không đón rước quá trịnh trọng như phong kiến.
- Trai tịnh là không thọ thực quá giờ Ngọ và dùng tam tịnh nhục chứ không ăn chay.
- Tụng kinh không dùng chuông mõ và không xướng tán ngân nga.
- Chỉ thờ Đức Phật Thích Ca và chỉ cúng hương hoa để tỏ lòng thành kính chứ không cúng vật thực.
- Không cúng sao hạn, chẩn tế, không bói toán hoặc coi ngày xấu tốt.
- Đi khất thực không nhận tiền bạc, chỉ nhận vật thực đã chín do thí chủ tự nguyện dâng cúng, không mở lời xin hay nói khéo để người phải cho.
- Mỗi ngày có hai thời công phu lễ bái Tam bảo, ngoài ra chư Tăng tụng kinh quán tưởng và chúc phúc cho thí chủ trước khi thọ thực. Do đó, nghi lễ Nam tông thường ngắn gọn, trang nghiêm chứ không rườm rà, phức tạp. ●

*\* Trích tham luận của TT. Pháp Chất, Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Nghi lễ TW. Tham luận được đọc trong Hội thảo Toàn quốc kỳ 2 tại TP. Nha Trang.*

# Sơ lược tiểu sử cố đại lão Hoà Thượng KIM MINH (1916-2008)



Ngày  
29 tháng 9 năm Canh  
Dần nhân dịp lễ đại tường cố đại  
lão Hòa thượng Kim Minh Phó Pháp chủ  
HĐCM, GHPGVN, Trụ trì chùa Thiền Lâm – thánh  
tích Thích Ca Phật Đài TP. Vũng Tàu. Tạp chí Phật  
giáo Nguyên thủy trân trọng giới thiệu đôi dòng tiểu  
sử của cố đại lão Hòa thượng đến quý độc giả  
để nhằm tôn vinh công đức cao đẹp của Hòa  
thượng đối với Đạo pháp và Dân tộc

**Nguyễn Văn Sáu**

## 1. ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ DÂN TỘC

Dưới thời Pháp thuộc, rất đau lòng với nỗi  
thống khổ của người dân, nỗi đau mất nước,  
Ngài quyết định tham gia cách mạng.

Từ năm 1945 đến 1947 lập chiến khu kháng  
chiến chống Pháp thuộc Sông Bé, núi Bà Rá  
với chức vụ là Phó Đại đội trưởng khi chiến khu  
này mới thành lập. Lúc đầu tham gia kháng  
chiến chưa theo học khoá huấn luyện quân sự  
ở chiến khu D, nhưng Ngài được huấn luyện  
dưới sự chỉ đạo của các đồng chí Trần Văn  
Đôi, Nguyễn Văn Sự v.v...

Sống và hoạt động hết mình với lý tưởng  
cách mạng, cùng vui buồn với đồng đội,  
nhiệt huyết với công tác, Ngài được đồng đội  
thương mến, bà con tin tưởng, quần chúng  
tín nhiệm nên Ngài đã nhận rất nhiều nhiệm  
vụ hệ trọng của đơn vị giao phó.

Hòa thượng Kim Minh thế  
danh Trương Thuận,  
sinh ngày 6 tháng 1  
năm 1916 tại xã Tân Ba, huyện Tân Uyên,  
tỉnh Đồng Nai xuất thân trong một gia đình  
Nho giáo đạo đức. Thân phụ là cụ ông Trương  
Đông, thân mẫu là cụ bà Lương Thị Mạnh.  
Thuở nhỏ Ngài được cha mẹ gửi đi học xong  
chương trình Pháp văn và Việt văn ở làng Tân  
Ba, tương đương lớp 10 bây giờ. Thuận theo  
dòng đời, ngài lập gia đình với bà Thái Thị Ba.  
Thời gian này Ngài học nho giáo và đông y,  
nhờ nghề này nên Ngài có nhiều tiền để giúp  
gia đình như báo hiếu nuôi cha mẹ già, nuôi  
các con ăn học, trưởng thành, tạo dựng mái  
ấm gia đình hạnh phúc.

Năm 1947 - 1960, Ngài làm tài xế lái xe ở Bình Hoà – Gia Định, tuy sống bằng nghề lái xe làm dâu trăm họ, ẩn mình dưới vòng quay thế sự, nhưng có ai ngờ đâu một nghề khiêm tốn đó đã đóng góp một viên gạch nhỏ cho nền giải phóng dân tộc Việt Nam ngày hôm nay.

## **2. XUẤT GIA TÂM ĐẠO**

Tuổi thơ ngài hấp thụ triết lý nho giáo, ảnh hưởng nền đạo đức của gia đình, lớn lên tuy có uy tín, chỗ đứng vững chãi trong xã hội, nhưng Ngài cảm thấy cần phải tìm một giải pháp để chế ngự tham sân si và già bệnh chết trong cuộc sống. Những vấn đề này cứ ám ảnh trong tâm trí của ngài. Hình ảnh người cha thân yêu lìa cuộc đời, hiền thê vĩnh biệt ra đi lúc tuổi 33 đã làm ngài rung động mạnh về lý vô thường nhà Phật. Thế nên thời gian này khi rảnh Ngài tìm đến chùa Từ Quang quận Gò Vấp học đạo với Thượng tọa Duyên Hạnh.

Năm 1960, Ngài quyết chí xuất gia, có sự đồng ý của gia đình, chùa Pháp Quang là nơi Ngài thọ giới sa di, thầy bốn sư là HT. Thiện Luật vị cao tăng thạc đức của Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam trao truyền y bát cho Ngài. Tuy mới xuất gia, ngài chăm học, tôn kính thầy, nghe lời chỉ dạy của Tăng chúng, cộng thêm có kinh nghiệm cuộc sống nên chẳng bao lâu Hoà thượng bốn sư và Tăng chúng giao cho Ngài trọng trách là thư ký kiêm thủ quỹ chùa Pháp Quang.

Năm 1962, được sự chấp thuận của Hoà thượng bốn sư sa di, Ngài được thọ giới tỳ khưu vào lúc 15 giờ, ngày 18 tháng 11 năm 1962 tại chùa Sangkha Monkol xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Bình, thầy tế độ là Bhomasara, Yết ma sư là Buddhadhammathera, thầy Hoà thượng tế độ xuất gia tỳ khưu ban cho Ngài pháp danh Suvannajoti (tỳ khưu Kim Minh)

Năm 1963 đến 1967, Ngài là trụ trì chùa Trúc Lâm tỉnh Vĩnh Long, nơi đây Ngài hướng dẫn Tăng, Tu nữ và Phật tử tu học.

Năm 1967 đến 1976, Ngài phát tâm bồ đề đi hoằng pháp, dạy đạo và làm công quả cho các chùa Phật giáo Nguyên thủy như tổ đình Bửu Quang, Kỳ Viên, Phật Bảo, Tam Bảo - Đà Nẵng, Phước Hải - Vũng Tàu v.v....

Năm 1976 đến 1988, Ngài lập chùa Thanh Vân tại Cẩm Giang, Tây Ninh, hướng dẫn tăng, tu nữ và Phật tử tu học. Tại đây Ngài cho giới tử xuất gia tu học rất đông, điển hình là sư Kim Tuệ, sư Pháp Tín v.v... đồng thời cho Phật tử quy y Tam bảo rất nhiều. Tại đây ngài bốc thuốc, châm cứu cho dân nghèo và được đồng bào Phật tử quý mến.

Năm 1988 đến 1992, nhận lời mời của HT. Siêu Việt Tăng trưởng Hệ phái Nam Tông đến chùa Kỳ Viên cư ngụ để phụ tá cho Hoà thượng Siêu Việt trong chức vụ Phó ban Đối nội Phật giáo Nam Tông.

Năm 1992, Ngài được Hoà thượng Siêu Việt đề cử quản lý Thích Ca Phật Đài và trụ trì cho đến ngày viên tịch.

## **3. NHỮNG ĐÓNG GÓP CHO PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

Năm 1963, Ngài là thành viên của Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam cấp tỉnh Vĩnh Long tham dự Hội nghị Khoáng đại để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất.

Nhiệm kỳ IV (1997- 2002), trong Đại hội toàn quốc, Ngài được suy cử là thành viên Hội đồng Chứng minh, Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Nhiệm kỳ V (2002-2007), Ngài được suy cử chức vụ Phó Pháp chủ trong thường trực Hội đồng Chứng Minh GHPGVN.

Ngài được nhiều bằng khen cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp địa phương.

## **4. NHỮNG NGÀY CUỐI ĐỜI CỦA VỊ PHÓ PHÁP CHỦ GHPGVN**

Trên cương vị là Phó Pháp chủ GHPGVN, nhưng đến ngày giỗ tổ Hoà thượng bốn sư Thiện Luật, Ngài đến dự lễ, hùn phước cúng



Tổng bí Thư Nông Đức Mạnh bắt tay HT Kim Minh  
sau đại hội GHPGVN NK VI tại thủ đô Hà Nội

dường, cảm động hơn hết, Ngài quỳ trước di ảnh của thầy bốn sư suốt thời gian hành lễ.

Quản lý và Trụ trì Thích Ca Phật Đài, Ngài sử dụng tiền quỹ của chùa ủng hộ các chùa Phật giáo Nam Tông đang xây dựng, ủng hộ chương trình từ thiện địa phương, góp phần cho Ban Trị sự tỉnh Bà Rịa trong những công tác giáo dục, từ thiện v.v...

Nhiệm kỳ VI (2007-2012), nghĩ đến tiền đồ Phật giáo Nam Tông, Ngài kiến nghị Ban Nhân sự cơ cấu Thượng tọa Hộ Chánh, Đại đức Thiện Minh v.v.. tham gia trong Hội đồng Trị sự TW. GHPGVN.

Tuy tuổi cao sức yếu, Ngài vẫn quan tâm quán xuyến Thích Ca Phật Đài rất chu đáo, tổ chức Ban quản lý, điều hành mọi sinh hoạt diễn tiến tốt đẹp trong khả năng cao niên của vị Phó Pháp chủ. Tuy bận rộn, cộng với niên cao, nhưng Ngài vẫn không xao lãng công phu, hành thiền, niệm Phật thường xuyên, trước khi đi ngủ và sau khi thức dậy. Tuổi đời cao như vậy, nhưng tâm trí Ngài vẫn sáng,

nghey lực dồi dào, tinh thần tráng kiện, ít bao giờ bệnh hoạn.

Nhưng nào có ngờ đâu, vào lúc 18 giờ 40 phút, ngày 28 tháng 10 năm 2008 (nhằm ngày 30 tháng 9 năm Mậu Tý), tại Thích Ca Phật Đài, Ngài đã nhẹ nhàng viên tịch, trụ thế 92 năm, hạ lạp 46 năm.

Ngài mất đi là một mất mát lớn cho GHPGVN nói chung, Tăng ni đồng bào Phật tử Nam tông nói riêng, một vị cao tăng thực đức suốt đời phụng sự cho đạo pháp và dân tộc. ●



# VÌ NHỮNG MẢNH ĐỜI BẤT HẠNH

*Bài & ảnh* Chơn Minh

**T**uôn chảy dòng tâm từ cùng thiện nguyện hoằng dương chánh pháp và phục vụ chúng sanh, người tu nữ xứ Quảng hôm nào của phong trào xuất gia gieo duyên mùa Hè 2009 tại Thiền viện Phước Sơn - Đồng Nai, nay là Luật gia Ngô Thị Ngọc Liên tức Quỳnh Loan, Giám đốc Trung tâm CTTETT Đà Nẵng, đã tập hợp các bạn cùng chí hướng, và được sự trợ giúp về tâm linh của Đại đức Thiện Minh, (nguyên là Bác sĩ Ngô Thành Thanh) đang bảo vệ luận án Tiến sĩ Phật học tại Srilanka với cương vị là Giám đốc danh dự đứng ra sáng lập Trung tâm Cứu trợ trẻ tàn tật Đà Nẵng trực thuộc Hội CTTETT Trung Ương .

Sau nhiều tháng chuẩn bị từ khâu xin giấy phép, quan hệ với các Ban ngành đoàn thể, các nhà tài trợ đến ngày 9/9/2010, tại nhà hát Trưng Vương, Ban Lãnh Đạo Trung tâm CTTETT TP. Đà Nẵng đã chính thức được ra mắt và đi vào hoạt động.

Tham dự lễ ra mắt có khoảng trên 1000 khách mời với sự tham dự của Giáo sư, Tiến sĩ Bác sĩ Nguyễn Tài Thu - Chủ tịch Hội Cứu trợ Trẻ em tàn tật Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Chăm cứu Thế giới, lãnh đạo TP. Đà Nẵng cùng các Ban ngành, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; buổi lễ được đài truyền hình Đà Nẵng (DRT) phát sóng trực tiếp .

Mục tiêu của Trung tâm là tổ chức nuôi dưỡng, khám, điều trị ban đầu, chăm lo cho trên 5.000 trẻ em tàn tật của TP. Đà Nẵng, có hoàn cảnh khó khăn, thiết lập các phòng khám cho trẻ tàn tật tại các trạm y tế của các

địa phương trên toàn địa bàn thành phố, và sau đó là xây dựng bệnh viện phục vụ cho những trẻ em khuyết tật trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

Trong buổi lễ ra mắt Trung tâm Giáo sư Nguyễn Tài Thu đã tặng quà cho trẻ em khuyết tật. UBND TP. Đà Nẵng đã trích ngân sách tặng Trung tâm 100 triệu đồng, các mạnh thường quân tham dự ủng hộ tổng số tiền lên đến trên 500 triệu đồng, cùng việc tổ chức bán đấu giá một bức tranh của Đại đức Pháp Hạnh Thiền viện Viên Không tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gửi tặng và được công ty cổ phần thép ĐANA-Y mua với giá ủng hộ là 35 triệu đồng.

Trước mắt, Trung tâm đã có hơn 100 thành viên tham gia thiện nguyện gồm các Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ trong các ngành nghề khác nhau, các doanh nhân, luật sư, bác sĩ, lương y, kỹ sư v.v..

Được biết, ngay sau khi được thành lập, và khi điều kiện tài chánh khả thi thì Trung tâm CTTETT Đà Nẵng sẽ triển khai nhiều dự án nhằm giúp đỡ trẻ em tàn tật một cách tốt nhất bao gồm: Dự án giáo dục hội nhập và hướng nghiệp phù hợp với trẻ em khuyết tật nhằm giúp các em thoát nghèo; dự án tạo công ăn việc làm cho người tàn tật; dự án hỗ trợ khẩn cấp nhằm đáp ứng kịp thời cho các trẻ em bị thương tật do tai nạn giao thông, bệnh hiểm nghèo và dự án xây dựng khu phức hợp như bệnh viện, cơ sở dạy nghề, khu vui chơi, cơ sở sản xuất...

Khi được hỏi về hướng phát triển sắp tới



Đại đức Thiện Minh tâm sự "Sự ra đời của Trung tâm là một tiến trình thể nhập đạo vào đời, làm tốt đạo đẹp đời, Ban lãnh đạo chúng tôi cùng hỗ trợ với Nhà nước trong việc cứu giúp những mảnh đời bất hạnh, góp phần phát triển an sinh xã hội, tô điểm bộ mặt thành phố Đà Nẵng ngày một tươi đẹp, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

không phân biệt giàu nghèo, đây là một việc làm của toàn xã hội mà Trung tâm cùng chính quyền địa phương đang hợp tác thực hiện.

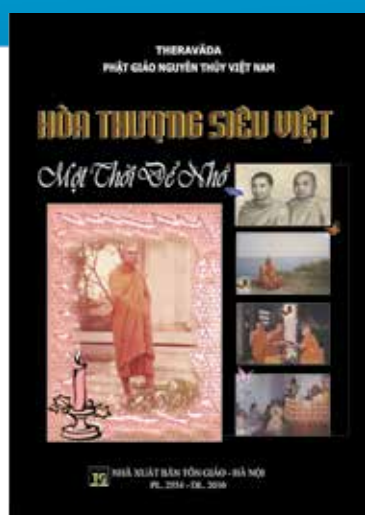
Ước mong được sự đồng thuận và quan tâm nhiều của cộng đồng xã hội từ chính quyền đến quần chúng như câu tục ngữ "Nhiều điều phũ phàng giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng" và vì lời dạy của Đấng Thế Tôn "Phụng sự chúng sanh bằng tình thương và tâm trong sáng là lời Chư Phật dạy".

Buổi lễ ra mắt đã gây ấn tượng tốt vì những phát biểu chân thành của đại diện doanh nghiệp, đã khiến những ai có mặt trong hội trường nhà hát đều lặng người trong cảm xúc của tình nhân ái. Phật giáo Nam tông miền Trung mà Đại đức Thiện Minh là một tăng tài của Phật giáo đang mở màn cho một cuộc hoằng pháp độ sanh đầy ý nghĩa và thắm đậm tình người. ●

### **DANH SÁCH ỦNG HỘ TRẺ EM TÀN TẬT** **Đêm ngày, 09/09/2010**

Ủy Ban Nhân Dân TP.Đà Nẵng = 100.000.000\$ ; Cty TNHH Thư Dung = 110.000.000 \$; Cty Thân An – Đà Nẵng = 100.000.000\$; Cty Thép Đana Ý – Đà Nẵng = 50.000.000\$; Tranh đấu giá Dana -Ý = 35.000.000\$; Cty Cổ Phần Đầu Tư – Đà Nẵng = 20.000.000\$; Chị Nga - Hiếu = 20.000.000 \$ ; Cty TNHH Thái Phiên = 15.000.000 \$; Hiệu Bánh Thành Phát = 15.000.000 \$; Cty Phú Đạt = 10.000.000\$; TT Vinaphone Khu Vực III = 10.000.000\$; Xí Nghiệp Sông Thu = 10.000.000 \$; Cty Phước Sang = 10.000.000\$; Cty Hoàng Khuyên = 10.000.000\$; TT Dạy Nghề Kiều Phương = 10.000.000\$; Bà Bùi Thị Diễm My – Thảo Nguyên = 10.000.000\$; Cty Tân Nhật Minh = 20.000.000\$; Cty Tiến Thu = 10.000.000\$; Diệp Tô = 5.000.000 \$; Bác sĩ Mai Văn Lâm = 5.000.000\$; Cty TNHH Hợp Thiện = 1.000.000\$; Ngân Hàng Công Thương = 3.000.000\$; Siêu Thị Coop-Mart = 1.500.000\$; Nguyễn Hoàng Vũ TT Từ Thiện = 1.000.000\$; GĐ Bác sĩ Hồ Thị Thúy Hà = 1.000.000\$; Đặng Thị Tuyết Mai = 1.000.000\$; Hồ Hoàng Liên Hoa = 1.000.000\$; BV. Da Liễu = 1.000.000\$; Ngô Thị Kim Quy = 1000.000\$; TT.Thích Huệ Chinh = 500.000\$; Bác sĩ Nguyễn Ngọc Thanh = 500.000\$; Lê Thị Ngọc Ánh = 500.000\$; Cô Hợp = 500.000\$; Ni Sư Hạnh Tâm = 500.000\$; Nguyễn Thị Minh = 500.000\$; Hoàng Thị Xâm = 200.000\$; Đặng Minh Chánh = 200.000\$; Nguyễn Đình Dũng = 200.000\$; Sư cô Minh Hiền = 200.000\$; Lê Thị Hồng Thanh = 200.000\$; Hoàng Vĩnh Thư = 200.000\$; Võ Thị Sương = 200.000\$; Trường Mầm Non Vành Khuyên = 200.000\$; Lê Tân = 200.000\$; Bác Quất = 200.000\$; Lê Thị Hồng = 300.000\$; Bác sĩ Nguyễn Thị Minh Hồng = 100.000\$; Ngô Thị Thăng = 100.000\$; Phạm Đức Dũng = 100.000\$; Nguyễn Thị Kim Quy = 100.000\$; Chị Nhi = 100.000\$; Trần Thị Thanh Xuân = 100.000\$; Tôn Thị Quýnh = 100.000\$; Phan Thị Phương = 100.000\$; Hoàng Thị Hương = 100.000\$; Cty TNHH TM – Quảng Cáo = 100.000\$; Nguyễn Thị Tâm = 50.000\$; Nguyễn Thị Thanh Phương = 50.000\$.

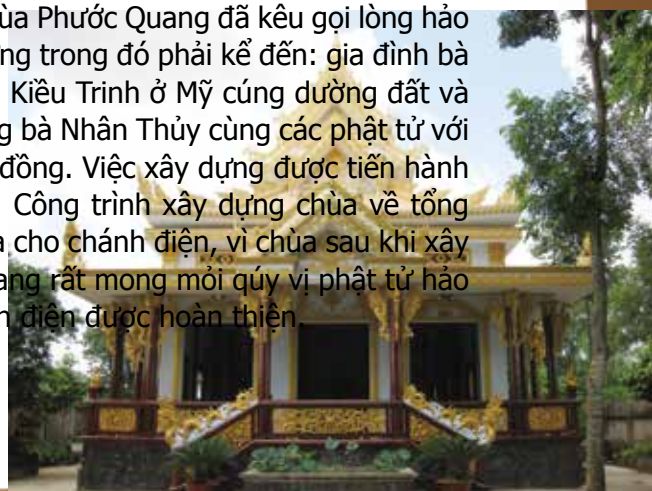
**T**hượng tọa Bửu Chánh, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam cùng chư tôn đức thuộc Học viện đã lên đường sang Ấn Độ tham dự hội thảo quốc tế, chủ đề hội thảo về “Thiền trong văn bản lý thuyết truyền thống và thực hành”, đoàn hội thảo Việt Nam do Hòa thượng Thích Giác Toàn làm Trưởng đoàn, Thượng tọa Bửu Chánh Phó đoàn và Đại đức Thích Nhật Từ làm thư ký, ... Trong hội thảo đoàn Việt Nam đã có những bài tham luận giá trị đáng cho chư Hòa thượng và quý học giả các nước quan tâm, chú ý. (PV. Tạp chí PGNT)



**N**gày 09 tháng 10 năm 2010, tại chùa Nam Tông, Quận Bình Tân long trọng tổ chức lễ Húy Nhật Đệ Thập Tam Chu Niên cổ hòa thượng Siêu Việt, Phó chủ tịch HĐTS GHPGVN, kiêm Tăng Trưởng Phật giáo Nam tông. Đến tham dự có đại diện Văn Phòng II TW GHPGVN, Phó Ban trị sự Thành hội Phật giáo TP.HCM và đông đảo chư Tăng giáo phẩm hệ phái Phật giáo Nam tông, tu nữ và hơn 1000 thiện nam tín nữ Phật tử cùng đến tham dự. Đặc biệt trong buổi lễ có phát hành quyển “Hòa Thượng Siêu Việt một thời để nhớ” được kính biếu đến chư Tôn giáo phẩm cùng quý Phật tử. (PV Tạp chí PGNT)

**N**gày 19 tháng 09 năm 2010 chùa Phước Quang tọa lạc tại tổ 11, ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai là ngôi chùa Nam Tông duy nhất tọa lạc trên một khu đất đồi rộng khoảng 2.500m2 đã long trọng tổ chức lễ Lạc thành và lễ kiết giới Sima. Chùa được thành lập từ cuối năm 1999 đến nay chùa đã xuống cấp nên Sư Chơn Quang, trụ trì chùa Phước Quang đã kêu gọi lòng hảo tâm của chư thiện tín gần xa đóng góp để xây dựng trong đó phải kể đến: gia đình bà Sáu Dếp (thân mẫu cô Xuân Lan), bà Trương Thị Kiều Trinh ở Mỹ cúng dường đất và sự ủng hộ tịnh tài của vị đại thí chủ là gia đình ông bà Nhân Thủy cùng các Phật tử với tổng số kinh phí xây dựng lên đến 2 tỷ 400 triệu đồng. Việc xây dựng được tiến hành từ ngày 7-10-2008 và hoàn tất ngày 12-8-2010. Công trình xây dựng chùa về tổng thể đã hoàn tất được 70% còn thiếu nhiều bộ cửa cho chánh điện, vì chùa sau khi xây dựng vẫn còn thiếu nợ khoảng 200 triệu đồng, đang rất mong mọi quý vị Phật tử hảo tâm xa gần đóng góp tịnh tài thêm để ngôi chánh điện được hoàn thiện.

(Bài và ảnh: Chơn Minh)



## Cứu Trợ 500 Phần Quà Tỉnh Hà Tĩnh

**N**gày 2- 4 tháng 11 năm 2010, thực hiện chương trình tốt đời đẹp đạo, chia sẻ nỗi mất mát do thiên tai bão lụt tại các tỉnh phía Bắc, Thượng tọa Thiện Pháp Trưởng phái đoàn Phật giáo Nam Tông và Đại đức Thiện Minh Ủy viên HĐTS - Phó Ban từ thiện Trung ương GHPGVN cùng 9 thành viên gồm Tăng Ni và Phật tử đã có chuyến cứu trợ bão lụt theo sự giới thiệu của gia đình Ông Bà Lê Niêm, đoàn đã phát 500 phần quà tại xã Đức Bổng, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, mỗi phần quà gồm bao thư tiền mặt 300.000 đồng, cùng ngày đoàn phát 200 phần quà cho các học sinh và thầy cô giáo ở trường Trung học Hòa Lạc, mỗi phần quà là 100.000 đồng tiền mặt. Sau khi phát quà xong, đoàn ghé thăm và cúng dường cho chùa Am thuộc khu Di tích Văn hóa của Nhà nước với tịnh tài là 20.000.000 đồng. Tổng chi phí chuyến cứu trợ trị giá tiền mặt hơn 200.000.000 đồng.

### DANH SÁCH PHẬT TỬ ỦNG HỘ CỨU TRỢ

GD. Nhân - Thủy: 100.000.000 đồng, Dương Đình Biên: 30.000.000 đồng, Nguyễn Thanh Tuấn: 10.000.000 đồng, Trương Quang Khánh: 10.000.000 đồng, Phương Vy: 3.000.000 đồng, Phật tử chùa Bửu Quang - Thủ Đức: 10.000.000 đồng, Nhóm cô Thanh Sứ: 3.000.000 đồng, Nguyễn Xuân Thắng: 1.000.000 đồng, Phạm Mỹ Hào: 500.000 đồng, Tô Thị Quốc: 20.000.000 đồng, Nguyễn Thị Cúc- Thái Bình Shoes: 15.000.000 đồng, Công ty Thực Phẩm Vàng: 5.000.000 đồng, Sư Thiện Hiếu: 500.000 đồng, Vô Danh: 100.000 đồng, Cô Châu: 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ngôn: 500.000 đồng, Diệu Lạc: 300.000 đồng, TN. Quang Khanh: 200.000 đồng, Trần Thị Liên: 200.000 đồng, Cô Phụng: 500.000 đồng, Ngọc Sương và Kim Liên: 700.000 đồng, Sư Thiện Thành: 200.000 đồng, Châu Thị Minh Trang: 1.500.000 đồng, Nguyễn Thị Ánh Tuyết: 1.000.000 đồng, Tâm Nga: 300.000 đồng, Châu Thị Thúy Nga: 200.000 đồng, Châu Thị Nguyệt Tâm: 500.000 đồng, Phạm Thị Huệ: 1.000.000 đồng, Lâm Ngọc Châu: 5.000.000 đồng, Xuân Lộc- Bảo Châu: 700.000 đồng v.v (Bài và ảnh: Hoa Cúc)



# CHÙM ẢNH LỄ HỘI DÂNG Ỗ

## Một Số Chùa PGNT

### Kỳ 1

Ảnh: Lê Hà











## DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 2

|    |                                              |             |
|----|----------------------------------------------|-------------|
| 01 | GĐ. Nguyễn Thu Hà                            | 1.000 quyển |
| 02 | Tăng Ni và Phật tử Thiền viện Phước Sơn      | 680 quyển   |
| 03 | Nguyễn Thị Cúc - Cty Thái Bình Shoes         | 500 quyển   |
| 04 | Đại Đức Giác Khoan - PV. Thánh Sơn Nha Trang | 100 quyển   |
| 05 | GĐ. Lê Hiền Khánh - Hoa Huệ                  | 133 quyển   |
| 06 | Lê Thị Thủy Hương - Cty Vĩnh Minh An         | 100 quyển   |
| 07 | Lê Hiền Cẩm Trang - PD Hoa Nghiêm            | 100 quyển   |
| 08 | Như Mai                                      | 66 quyển    |
| 09 | Phan Thị Thoa                                | 66 quyển    |
| 10 | Bùi Nữ Diễm My - Cty Thảo Nguyên Xanh        | 60 quyển    |
| 11 | Bùi Nữ Thục Vy - Cty Tâm Nhật Minh           | 60 quyển    |
| 12 | Châu Thị Ngọc Sương                          | 33 quyển    |
| 13 | Lê Hiền Cẩm Tú - PD Hoa Tâm                  | 33 quyển    |
| 14 | TN. Quang Hồng                               | 23 quyển    |
| 15 | TN. Quang Thủy                               | 23 quyển    |
| 16 | TN. Quang Giới                               | 20 quyển    |
| 17 | Minh Đức                                     | 20 quyển    |
| 18 | TN. Phước Thủy                               | 13 quyển    |
| 19 | Xuân Lộc - Bảo Châu                          | 20 quyển    |
| 20 | Lê Thị Ngọc Xuân                             | 13 quyển    |
| 21 | Đặng Kim Liên                                | 13 quyển    |
| 22 | GĐ. Phạm Minh Hùng                           | 13 quyển    |
| 23 | GĐ. sư Thiện Hùng                            | 10 quyển    |
| 24 | TN. Diệu Đức                                 | 10 quyển    |
| 25 | GĐ. Nguyễn - Thỏ                             | 10 quyển    |
| 26 | Nhà thơ Tố Ngọc - PD Thanh Quý               | 6 quyển     |
| 27 | Như Đức                                      | 13 quyển    |
| 28 | Thánh Phước                                  | 6 quyển     |

**Giá: 15.000 đồng**